

CHUYÊN ĐỀ ĐỌC HIỂU TRUYỆN VÀ TÌM HIỂU KIỂU BÀI VĂN LIÊN QUAN ĐẾN TRUYỆN.

I. Lý thuyết về truyện

1. Khái niệm: Truyện là thể loại văn học có phương thức trình bày một chuỗi sự việc, từ sự việc này đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa

2. Phân loại

Truyện có các tiểu loại như:

- + Truyện dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, sử thi, truyện thơ,...)
- + Truyện truyền kì, truyện thơ Nôm
- + Truyện ngắn hiện đại/ hậu hiện đại, tiểu thuyết
- +

3. Đặc điểm của truyện là tính hư cấu, tưởng tượng thể hiện qua những yếu tố cụ thể sau

- **Cốt truyện:** gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định; có mở đầu, diễn biến và kết thúc

- **Sự kiện:** Là những sự việc có tính chất bước ngoặt, tạo ra thay đổi nào đó đối với nhân vật.

- **Chi tiết:** Chi tiết là những sự việc nhỏ trong văn bản nhưng có sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng

- **Tình huống truyện:** Tình huống truyện là sự kiện, là hoàn cảnh, tình thế đặc biệt của câu chuyện. Đó là tình huống chứa đựng những mâu thuẫn, những điều “bất thường” éo le, nghịch lý trong cuộc sống thường ngày của nhân vật

- **Nhân vật :** Là hình tượng con người hoặc đối tượng được mô tả *trong tác phẩm văn học*. Nhân vật được thể hiện qua các chi tiết miêu tả chân dung, ngoại hình, hành động, tâm trạng.

- **Bối cảnh:** Không gian, thời gian

- **Điểm nhìn:** Điểm nhìn là vị trí, chỗ đứng để xem xét, miêu tả, bình giá sự vật, hiện tượng trong tác phẩm.

+ Phân loại:

. Điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể

. Điểm nhìn bên ngoài và bên trong, điểm nhìn không gian (xa, gần), điểm nhìn di động (từ đối tượng này sang đối tượng khác), điểm nhìn thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), điểm nhìn luân phiên (trong, ngoài).

. Điểm nhìn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật

Tài liệu ôn tập văn 12

- **Giọng điệu:** là thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn, quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm...

- **Lời văn trần thuật:** là việc giới thiệu, khái quát hóa, thuyết minh, miêu tả đối với nhân vật, sự kiện, hoàn cảnh, sự vật theo cách nhìn của một người trần thuật nhất định.

Trong văn bản tự sự có ngôn ngữ người kể chuyện (trần thuật), ngôn ngữ nhân vật; có lời đối thoại, độc thoại nội tâm; người kể chuyện có thể kể bằng lời khách quan “bên ngoài”, hay kể bằng “tiếng nói bên trong”, bằng lời nhập vai

+ **Lời người kể chuyện:** là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, cách nhìn, thái độ, đánh giá đối với sự việc, nhân vật

Đặc điểm: Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc.

+ **Lời nhân vật:** là lời nói của nhân vật trong các tác phẩm, là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật

Đặc điểm: Lời nhân vật là phương tiện bộc lộ ý nghĩ, tâm trạng, cá tính của nhân vật trong tình huống cụ thể, góp phần thể hiện phẩm chất, tính cách nhân vật. Lời nhân vật là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

- **Ngôi kể:** là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng khi kể chuyện.

Phân loại: có 2 ngôi kể chủ yếu là ngôi kể thứ nhất và thứ 3

. **Ngôi kể thứ nhất:** là người kể xưng “tôi” hoặc một hình thức tự xưng tương đương, kể về những gì mình chứng kiến hoặc tham gia.

. Ngôi kể thứ nhất có thể là nhân vật chính, nhân vật phụ, người chứng kiến kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hay xuất hiện với vai trò tác giả lộ diện. Ngôi kể thứ nhất thường không biết hết mọi chuyện.

. **Ngôi kể thứ 3:** là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể

. Kể chuyện ngôi thứ 3 có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện.

- **Các bút pháp nghệ thuật gắn với từng thể loại truyện:** bút pháp tả thực, bút pháp tượng trưng, bút pháp trào lộng- giễu nhại, bút pháp phóng dụ- huyền thoại,...

=> Từ các yếu tố hình thức trên trên để hiểu thông điệp, nội dung, tư tưởng của truyện

II. KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TRUYỆN TRUYỀN KÌ, TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI

1. Cách đọc hiểu văn bản truyện truyền kì

- Tìm hiểu và vận dụng đặc điểm thể loại truyện truyền kì và việc đọc hiểu.

- Vận dụng các thông tin về tác phẩm, tác giả cần thiết cho việc đọc hiểu

Tài liệu ôn tập văn 12

- Đọc kĩ văn bản, nhận diện cốt truyện, đề tài, sự kiện, nhân vật và các yếu tố kì ảo
- Phân tích đề tài, cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo ... kết hợp với thông tin bên ngoài văn bản, từ đó suy đoán ý nghĩa của văn bản truyện truyền kì.
- Liên hệ những vấn đề đặt ra trong truyện truyền kì với đời sống xã hội hiện tại để thấy giá trị nội dung của tác phẩm và bài học cần rút ra cho bản thân.

2. Cách đọc hiểu văn bản truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại

- Tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác để có cơ sở cảm nhận các tầng/lớp nội dung và ý nghĩa của truyện.
- Phân tích diễn biến của cốt truyện qua các phần mở đầu, vận động, kết thúc, với các tình tiết, biến cố cụ thể. Làm rõ giá trị của các yếu tố đó trong việc phản ánh hiện thực cuộc sống và khắc họa tính cách nhân vật. Cần chú ý đến nghệ thuật tự sự: người kể chuyện ở ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba; điểm nhìn trần thuật; cách sắp xếp sự kiện; thủ pháp kể, miêu tả; giọng điệu lời văn, ...
- Phân tích các nhân vật trong dòng lưu chuyển của cốt truyện. Tập hợp thành hệ thống và làm rõ ý nghĩa của các chi tiết miêu tả nhân vật về ngoại hình, hành động, nội tâm, ngôn ngữ. Tìm hiểu mối quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác, giữa nhân vật với hoàn cảnh xung quanh. Chú ý đến nghệ thuật xây dựng nhân vật: sử dụng chi tiết, tạo tình huống để khám phá bản chất nhân vật; cách miêu tả ngoại hình, hành động, nội tâm...
- Suy đoán về chủ đề, ý nghĩa tư tưởng của truyện. Có thể xác định giá trị của truyện ở các phương diện: nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ.
- Từ văn bản, liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh để thấy ý nghĩa của nó đối với cuộc sống, con người.

III. BÀI TẬP ĐỌC HIỂU TRUYỆN VÀ VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN TRUYỆN

Đề số 1

Đọc văn bản sau:

MỒ SÂM PANH (NAM CAO)

Chú bếp Tư rất thận trọng về vấn đề giữ vệ sinh. Ông thường nói rằng: Khí hậu ở đây chẳng được lành; những người chưa quen với thủy thổ miền nhiệt đới, đến đây mà chẳng biết giữ thân, khó khỏi chết vì nguy hiểm ấy truyền nhiễm phần nhiều do nước bẩn. Bởi vậy nước ăn của ông phải coi giữ như thế nào cho thật sạch. Cái bể nước của ông, ông coi quý gần bằng vợ ông. Mà có lẽ còn quý hơn vợ ông nữa. Bởi vì vợ ông ông có thể để người khác bắt tay, chứ bể nước mà đứa nào dám nhúng tay bẩn hay cái "sô" bẩn vào thì cứ liệu cái thân hồn với ông.

Tài liệu ôn tập văn 12

Ở nhà chủ, bếp Tư thích nhất cái bể nước ăn này. Nó to bằng cả một căn nhà rộng, nước mưa ở trên các mái nhà theo hai cái ống máng mà trút xuống. Mặt bể bung kín mít, trừ một máng vuông, mỗi bể chừng

một thước, có nắp kín như nắp cống. Những ngày nghỉ vợ chồng ông chủ về Hà nội, thằng Tề con bác bếp vẫn đẩy nắp bể cho thật kín rồi trèo lên mặt bể, co một chân lên bắt chước Lã Bố đi bài tầu hoặc nhảy huỳnh huých để bắt chước Võ Tòng sát tầu. Cái mặt bể toàn xi măng cốt sắt, bốn mươi thằng Tề nhảy cũng không việc gì.

Tề là con một bác Tư. Mẹ nó chết mới xong tang. Bố nó tính hiền lành nên rất yêu con. Chẳng như những bồi bếp khác, nay vợ này, mai vợ khác, hoặc nhân tình nhân ngãi với bọn cô đầu, nhà thổ. Vợ chết quá ba năm rồi mà nghĩ đến lúc nào bác ta vẫn còn thương. Có khi đang ngồi bác tự nhiên khóc hu hu. Hỏi bác thì bác bảo: cũng ngày này năm nọ, bác xin được phép chủ về quê ra đón vợ ra ở đây luôn với bác, thế mà bây giờ vợ bác đã nỡ bỏ bác mà đi cho đành! Chẳng ngày rằm, mừng một nào bác không thắp hương cúng vợ. Cúng xong bác rom rớm nước mắt, thở dài thở ngắn. Tề thấy thế cũng thương cha vô cùng.

Chỉ thương xuống cũng không thể gọi là thương. Cái lối thương để bụng vô ích lắm. Phải tìm cách tỏ lòng thương ra ngoài mới được. Nghĩa là phải kính mến nghe lời, giúp đỡ. Thầy giáo Tề bảo thế. Cũng vừa mới bảo lúc nãy thôi, khi giảng nghĩa bài luân lý. Bởi vậy, cấp sách về đến nhà trông thấy bố, Tề nhớ lại. Và Tề có ý nhìn xem bố làm gì. Làm gì? Bác Tư đang vắt cái bụng lên thành bể, hai chân đeo lưng lẳng ở bên ngoài, phần trên người đang buông thõng xuống ở bên trong. Không có lý bác gọi đầu bằng cách ấy. Tề im im đứng đợi... Bỗng hai cái chân tụt xuống, bác bếp Tư rút đầu ra. Và bác giật mình đánh thót. Ấy là bác thoáng trông thấy có người đứng cạnh mà không biết người ấy là Tề. Tề mỉm cười, khẽ hỏi.

Bác Tư áp úng một lát rồi mới nói ra lời được.

- À! Mày... mày đấy à!

Bác nhe những cái răng đen lờ lờ ra cười khi khi. Bởi thật thà thì trông ngực bác ta còn đập. Bác mới hơi định thần.

Tề hối hận vì đã làm cho cha hoảng sợ. Nó nhìn cha, ái ngại. Cha nó bảo :

- Mẹ nó! Tao đánh rơi chai " sâm banh " vào trong này rồi!

Tài liệu ôn tập văn 12

- Thì thầy thử thò tay vào mà quờ xem.

Có được chó người ta đấy! đầu ngón tay mới chỉ hơi nhúng nước.

- Thế làm sao được?

- Vậy mới rầy rà chứ! Lát nữa không có rượu uống thì bỏ cha!

Tề nghĩ ngợi rồi nói nhỏ:

- Hay để con lội vào?

Bác Tư lại nhe răng ra, khi khi:

- Có được chó!

- Được.

- Nhưng ghét mày nó ra, bản nước thì có mà vát đi.

- Không, thế này chứ lý! Con lấy xà phòng tắm rồi rửa chân thật sạch, rồi mới vào trong bể.

Thằng oắt này ranh thật. Nó có tài biến báo. Bác Tư nhìn con, ra dáng phục. Nhưng bác vẫn chưa nhất định. Răng bác vẫn nhe ra để cười một cái cười do dự. Đây là một kẻ nhút nhát đang bị người ta xui làm liều nhưng Tề đã quyết. Nó chạy tọt vào nhà để cất sách vở và cởi quần, cởi áo. Một lát sau, nó trần truồng chạy ra.

- Con tắm nhé !

- Nhưng mà thôi, con ạ. Nhỡ bà ấy biết.

Bà ấy là bà chủ. Tề nhìn lên gác, hỏi:

- Bà ấy thức hay ngủ?

- Ngủ, nhưng ngộ bà ấy dậy?...

- Không sợ! Thầy lên đóng cái cửa ở đầu cầu thang lại. Đóng hẳn ngoài, như vậy bà ấy có dậy cũng không xuống được. Hễ bà ấy gọi thì con ra , chạy vào nhà, ta đóng cửa lại rồi thầy hãy lên mở cửa cho bà ấy.

Tài liệu ôn tập văn 12

Sau mấy phút do dự nữa, bác Tư đành nghe con vậy. Cái mẹo của nó được đem ra thi hành.

Tề tắm rửa xong rồi, bác Tư cẩn thận gội cho con thật sạch. Rồi bác nhấc nó lên, từ từ thả vào trong bể. Thằng bé thấy cái trò ngộ nghĩnh, cười hi hi. Nó nghĩ đến cuộc bơi lặn trong cái hồ kín như hang này.

- Khéo nhé! sâu lắm đấy !

- Được, con bơi giỏi lắm. Thầy cứ buông.

Tề rơi đánh thóm. Thì bỗng cửa ngoài lịch kịch rồi có tiếng giày tây cồm cộp đi vào.

- Chết rồi ông ấy về!

Bác Tư kêu lên, hoảng hồn. Bởi vì bác sơ ý, mới nghĩ đến việc ngăn bà chủ mà quên ông chủ. Giờ này tan sở. Bác chưa kịp cài then cửa ngoài, bác giục Tề:

- Ra đi! Ra đi!

Nhưng sao kịp? Ông ấy đã tiến vào đến sân. Bác Tư đứng thẳng người lên. Bác hóa ra tượng đá. Ông chủ nhận thấy, sinh ngờ vực. Ông nhìn vào mắt bác. Bác thấy chân tay bủn rủn, hơi thở gần bị tắc. Gióp luôn mấy tiếng bà chủ ở trên gác gọi :

- Tư! Tư!

- Bà đâm!

- La porte! La porte! (cái cửa! cái cửa!)

Và tay bà đập vào cái cửa kêu thành thịch. Bà vừa đập vừa nói một tràng những tiếng gì choe choe. Bác Tư không nghe kịp nhưng cũng hiểu thế là bà bắt. Bác cuống quýt. Nhất là mắt ông chủ vẫn trừng trừng nhìn bá, nghiêm khắc và chế nhạo. Ông hást hàm.

Bác Tư cúi đầu bối rối. Ông đoán ngay là bác đang làm một việc gì vụng trộm. Ăn cắp đồ chẳng hạn. Ông nhìn chung quanh bác. Không có đồ gì cả. Ông nhìn cái cửa buồng của bác. Cánh cửa buồng hé mở. Ông mỉm cười. Bởi vì ông tưởng đã đoán được cái việc dẫu giếm của người bếp hiền lành ấy. Muốn cuộc gì ông cũng cuộc. Thế chết thế nào cũng có, một con gái trong cái buồng nhỏ kia. Một cô gái đang luống cuống với những áo quần vắt trên thành giường.

Tài liệu ôn tập văn 12

Cái này không phải một tội. Khi vợ người ta chết đã ba năm và mấy tháng!... Nhưng thấy bác bếp tỏ ra sợ hãi, ông muốn đùa một chút. Ông nói to lên bảo vợ :

- Đợi một tí. Tôi mở cho.

Bà vợ rú lên:

- Ô! Vậy ra mình đây ư?

- Ủ, tôi đây! Tôi lên giờ.

Và ông cố chấp nói mấy tiếng thật rõ rệt, cho người bếp hiểu :

- Moi oublier Innettes bureau. Lunette (ông vừa nhắc lại tiếng ấy vừa lấy ngón tay trở chung quanh mắt để vẽ hình cái kính) biéc?

- Uầy xừ!

- Va chercher (đi tìm).

- Uầy xừ.

Tuy mồm "uầy "mà bác Tư vẫn không nhúc nhích. Ông chủ tưởng người bếp của ông không hiểu, ông lại nói, lại ra hiệu lại. Rồi lại nói:

- Biéc?

Thì có gì mà chả biéc? Tiếng tây bác Tư đã thạo. Ông nói thế là muốn bảo: Ông để quên cái kính ở sở và sai bác đi lấy về. Hiểu lắm, nhưng còn thằng Tề trong cái bẻ?... Ông chủ giục:

- A lê! Maoo!

Mồm nói, tay ông nắm vai bác mà đẩy ra phía cửa.

- Uầy xừ!

Bác đẩy vội cái nắp bẻ lại để ông khỏi thấy, rồi chạy đi. Ông nhìn theo mỉm cười. Ông định cho bác chạy một tua bờ hơi tai để ông có thì giờ chạy vào buồng bác. Ông sẽ nắm cổ người con gái kéo ra. Ông sẽ đeo cái kính của ông vào mắt y, rồi bắt y lên giường ngồi chồm hỏm như một pho tượng khỏa thân bằng đá trắng. Để người bếp của ông lúc giờ về trông thấy y mà cười. Mà chịu rằng ông chủ của bác ma-lanh.

Tài liệu ôn tập văn 12

Nhưng ông cụt hứng ngay. Bởi vì buồng bác Tư trống rỗng. Không con gái. Không dấu vết một cuộc ái ân vụng trộm. Ông văng tục một tiếng rồi chạy lên với vợ.

Một lúc lâu sau, bác bếp về, nét mặt bần khoăn: bởi vì bác không tìm thấy kính. Đó không phải là lỗi bác. Nhưng rất có thể rằng ông chủ gắt. Tính ông nóng lắm. Chắc hẳn rằng ông sẽ quát âm nhà lên... Bác rón rén lên cầu thang gác. Ông chủ đang ngồi thụt hẳn người vào trong một cái ghế bành to, đọc báo. Mắt ông có kính. Bác bếp ngạc nhiên rồi lại thêm lo sợ. Bây giờ thì bác sợ bác đã hiểu nhầm lời ông sai đi tìm cái khác. Có lẽ ông sai bác đi tìm cái khác. Thế mới bỏ đời bác chứ! Ai bảo bác hấp ta hấp tấp? Không chịu hỏi cho rõ rồi hãy đi!

Bác rụt rè một lúc rồi mới dám đánh liều lên tiếng :

- Me-xừ.

Ông ngẩng đầu lên, hát hàm. Bác đọc như cái máy :

- Loong-toong điếc đa-na-ba-luy-nét.

Loong-toong bảo không có luy-nét! Ấy là một khoé ranh của bác. Bác cũng nhanh trí khôn lắm đấy. Loong-toong bảo không có luy-nét. Vậy thì luy-net là cái gì cũng được. Ông muốn gắt thì gắt với thằng loong-toong! Nhưng luy-nét chính là cái kính. Bởi vì ông chủ trở tay lên kính mắt hỏi:

- Xa? (ca)

Và ông nhún vai, mỉm cười. Thoát nạn! bác bếp Tư nhẹ lâng cả người. Một tảng đá lớn tưởng đè lên người bác vừa trút đi. Bác chạy xuống cầu thang, bước hai bậc một. Y như một hòn đá lăn trên sườn núi. Bác chạy thẳng lại cái bể. Nhìn trước nhìn sau một thoáng rồi bác mở nắp ra, cúi đầu xuống. Tối om om. Một mảng nước loang loáng như nước mực. Bác gọi con:

- Tề! Tề ơi!

Im lặng. Một nỗi nghi vụt đến. Tim bác nhảy lên một cái. Tiếng khàn khàn, bác gọi :

- Tề ơi! Ra đây thầy kéo lên.

Tài liệu ôn tập văn 12

Chẳng có gì đáp lại. Những đốm sáng lẩn tẩn nhảy nhót trong bóng tối. Ấy là bác bếp Tư hoa mắt. Bởi vì đầu óc bác đã nặng trĩu, quay quay, choáng váng. Người thì bủn rủn. Bác nhoai lưng vào trong bể, vừa méu máo vừa rên rĩ:

- Con ơi! Tê con ơi...

Đầu ngón tay bác động phải một vật gì trơn nuồn nuột mà không còn động đậy. Bác toan gào thật to. Nhưng có tiếng giầy tây cồm cộp trên thang gác. Ông chủ xuống! Bác Tư sực tỉnh. Bác rút vôi đầu ra khỏi bể. Bác đậy luôn nắp lại. Vừa kịp ông chủ không trông thấy. Bác cố thân nhiên đi vào bếp, lau bát đĩa để sắp sửa lên bàn ăn. Nhưng nghĩ đến bàn ăn, bác lại sinh lo lắng...

- Còn chai sâm banh!... Đào đâu ra một chai sâm-banh bây giờ?

Đêm hôm ấy, đợi vợ chồng ông chủ tắt đèn đi ngủ một lúc lâu, bác Tư mới rón rén ra sân. Bác mở cái nắp bể thật êm. Bác quờ tay vào bể, loay hoay tìm cách vớt con ra.

Sáng hôm sau, bác vừa báo cho chủ biết con bác phải cảm chết đêm rồi.

Ông chủ giật mình:

- Vì dịch tả phải không?

- Bẩm ông không.

- Thế vì bệnh gì?

- Bẩm... bẩm...

Bác Tư ấp úng. Ông chủ lại càng sợ hãi:

- Dem chôn ngay đi! Bỏ vôi vào! Rồi lấy ca-re-lin rưới khắp nhà, hiểu không?

- Bẩm hiểu.

- Được rồi. Đi đi!

Ông xua bác Tư như xua đuôi một thằng hủi. Mũi ông chun lại. Ra khỏi cửa, bác Tư nhẹ hẫng người. Bác lấy làm may. Nếu ông chủ xuống xem! Nếu ông chủ biết rằng thằng bé đã ngâm mấy giờ đồng hồ trong bể nước!...

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn nào?

- A. Điểm nhìn của tác giả
- B. Điểm nhìn bác Tư
- C. Điểm nhìn của gia đình ông chủ
- D. Điểm nhìn của con bác Tư – thằng Tề

Câu 3. Tình huống dẫn đến cái kết đau buồn trong truyện là:

- A. Thằng Tề trượt chân ngã té ghế
- B. Thằng Tề lộn cổ vào bể nước
- C. Thằng Tề bơi trong bể nước, bác Tư giấu con trong đó khi chủ nhà về và không dám để nhà chủ phát hiện cho tới khi con ở đó quá lâu
- D. Thằng Tề bơi trong bể nước, bác Tư làm việc cho nhà chủ và quên con

Câu 4. Câu văn “*Chỉ thương xương cũng không thể gọi là thương. Cái lối thương để bụng vô ích lắm. Phải tìm cách tỏ lòng thương ra ngoài mới được*” là lời của ai?

- A. Nam Cao
- B. Bác Tư
- C. Thầy giáo của Tề
- D. Tác giả kể chuyện

Câu 5. Đoạn đối thoại giữa bác Tư và ông chủ nhà cho thấy điều gì?

Sáng hôm sau, bác vừa báo cho chủ biết con bác phải cảm chết đêm rồi.

Ông chủ giật mình:

- Vì dịch tả phải không?

Tài liệu ôn tập văn 12

- *Bấm ông không.*

- *Thế vì bệnh gì?*

- *Bấm... bấm...*

Bác Tư áp úng. Ông chủ lại càng sợ hãi:

- *Dem chôn ngay đi! Bỏ vôi vào! Rồi lấy ca-re-lin rưới khắp nhà, hiểu không?*

- *Bấm hiểu.*

- *Được rồi. Đi đi!*

- A. Bác Tư rất lo lắng chủ nhà biết chuyện con trai đã chết trong bể nước
- B. Chủ nhà là người lạnh lùng, chỉ quan tâm đến vấn đề bệnh tật và yêu cầu bác Tư phải phòng tránh bệnh cho nhà chủ
- C. Chủ nhà là người quan tâm tới vấn đề sức khỏe và yêu cầu bác Tư phải phòng tránh.
- D. Bác Tư lo sợ mất việc nên nói dối về cái chết của con trai.

Câu 6. Trong truyện có xuất chi tiết phi lí, trái với lẽ thường, đó là chi tiết nào?

- A. Bác Tư lo lắng nhà chủ phát hiện ra con trai mình ở nhà chủ hơn là việc con ở trong bể nước
- B. Bác Tư lo lắng nhà chủ phát hiện ra con trai mình ở nhà chủ nên đã nói dối là con bị cảm
- C. Bác Tư nói dối được nhà chủ dù con trai mất mạng mà vẫn cảm thấy nhẹ nhõm
- D. Bác Tư cảm thấy nhẹ nhõm khi nói dối được nhà chủ về sự xuất hiện của con trai mình

Câu 7. Chủ đề chính của truyện ngắn trên là:

- A. Nghịch lí trong cuộc đời con người
- B. Số phận của những người nông dân trước Cách mạng Tháng 8
- C. Số phận của những người làm thuê
- D. Sự phân biệt giàu nghèo

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Hoàn thành bảng sau để xác định điểm nhìn trong văn bản

Điểm nhìn	Nội dung thể hiện
Điểm nhìn bên ngoài (Người kể chuyện đứng bên ngoài quan sát)	
Điểm nhìn bên trong (Người kể chuyện đi vào thế giới nội tâm của nhân vật để kể chuyện)	

Câu 9. Lí do gì khiến bác Tư sợ hãi lo lắng nhà chủ phát hiện ra con trai mình ở trong bể nước hơn cả việc sự sống và cái chết của con? Theo em, việc này có hợp lí không? Tại sao.

Câu 10. Bằng việc tìm hiểu về văn bản trên, đọc các văn bản cùng thời kì (Xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8), em hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu nêu cảm nhận về về số phận của những người nông dân trước Cách mạng tháng 8.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	Ngôi thứ ba	0.5
	2	Điểm nhìn của tác giả	0.5
	3	Thằng Tề bơi trong bể nước, bác Tư giấu con trong đó khi chủ nhà về và không dám để nhà chủ phát hiện cho tới khi con ở đó quá lâu .	0.5
	4	Thầy giáo của Tề	0.5
	5	B. Chủ nhà là người lạnh lùng, chỉ quan tâm đến vấn đề bệnh tật và yêu cầu bác Tư phải phòng tránh bệnh cho nhà chủ	0.5

6	A. Bác Tư lo lắng nhà chủ phát hiện ra con trai mình ở nhà chủ hơn là việc con ở trong bể nước		0.5
7	B. Số phận của những người nông dân trước Cách mạng Tháng 8		0.5
8	<p>Điểm nhìn bên ngoài</p>	<ul style="list-style-type: none"> <i>Bác chạy xuống cầu thang, bước hai bậc một. Y như một hòn đá lăn trên sườn núi → Sự lo lắng của bác khi con trai vẫn còn ở trong bể</i> 	0.5
<p>Điểm nhìn bên trong</p>	<ul style="list-style-type: none"> <i>Một lúc lâu sau, bác bếp về, nét mặt bần khoăn: bởi vì bác không tìm thấy kính. Đó không phải là lỗi bác. Nhưng rất có thể rằng ông chủ gắt. Tính ông nóng lắm. Chắc hẳn rằng ông sẽ quát âm nhà lên... → Sự lo lắng của bác Tư khi sợ ông chủ do bác không thấy kính vì tính ông chủ rất nóng</i> <i>Và ông nhún vai, mỉm cười. Thoát nạn! bác bếp Tư nhẹ lâng cả người. Một tảng đá lớn tưởng đè lên người bác vừa trút đi. → bác Tư nhẹ nhõm khi không bị ông chủ phát hiện</i> 		
9	<p>HS chỉ ra được hai nguyên nhân</p> <p>- Nguyên nhân trực tiếp: Nỗi lo lắng dùng nước bẩn của ông chủ người Tây Khí hậu ở đây chẳng được lành; những người chưa quen với thủy thổ miền nhiệt đới, đến đây mà chẳng biết giữ thân, khó khỏi chết vì nguy hiểm ấy truyền nhiễm phần nhiều do nước bẩn. Bởi vậy nước ăn của ông phải coi giữ như thế nào cho thật sạch. Cái bể nước của ông, ông coi quý gần bằng vợ ông. Mà có lẽ còn quý hơn vợ ông nữa. Bởi vì vợ ông ông có thể để người khác bắt tay, chứ bể nước mà đưa nào dám nhúng tay bẩn hay cái "sô" bẩn vào thì cứ</p>		1.0

	<p><i>liệu cái thân hồn với ông.</i></p> <p>- Nguyên nhân sâu xa: Số phận của những người ở tầng lớp dưới đáy xã hội, đi làm thuê cho nhà chủ Tây, họ phải chịu đựng sự nóng nảy, lạnh lùng, xét nét của chủ nhà, họ làm công nhưng luôn bị coi thường, khinh rẻ, nếu bị chủ nhà nổi giận hay phật ý thì công việc cũng sẽ không còn, nơi mưu sinh kiếm sống qua ngày cũng không còn.</p>	
10	<p>HS chia sẻ góc nhìn của bản thân về số phận người nông dân trước CMT8:</p> <p>- Nghèo khổ, bần cùng và không lối thoát.</p> <p>- Đánh đổi cả mạng sống con cái hay chính bản thân vì ý nghĩ bị đè nén, phải kiếm ăn qua ngày</p>	1.0

Đề luyện 2

Đọc đoạn trích sau:

(Lược dẫn: Vợ của nhân vật xưng “tôi” mua một con chó, nhưng nó rất xấu xí nên chẳng ai dám đến gần. Mấy người quen của nhân vật “tôi” định bụng sẽ giết thịt nó để làm một châu nhậu, nhưng rồi giặc đến, mọi người đều phải bỏ làng chạy giặc. Vì vương vীu nên gia đình, nhân vật “tôi” đành phải bỏ con chó lại nhà cụ bếp Móm và nhờ cụ nuôi hộ. Trước khi ra đi, vợ của nhân vật “tôi” đã xích con chó vào gốc cây để nó khỏi chạy theo).

“Ắng!... Ắng! Ắng!...” Tiếng con chó lờng lờn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách...

Ra khỏi ngõ tôi thoáng nghe tiếng chị vợ cãi nói với chồng:

– Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ.

Và tiếng anh chồng dậm dấn:

– Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!...

Tôi xót lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xăm xuống đồi.

[...]

Tiếng con chó từ trong nhà cụ bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một “Ắng!... Ắng! Ắng!...”. Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...”

Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

(Lược một đoạn: sau khi giặc rút, gia đình nhân vật “tôi” về lại làng, nhưng nhân vật “tôi” đã quên bằng con chó).

Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng “còn” từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sự nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:

– Á, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cụ bếp dắt nó về à?

Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giờ rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

Tài liệu ôn tập văn 12

– Nó chết rồi!... – Nhà tôi nói khe khẽ.

– Chết rồi? Làm sao mà chết được?...

Tôi trở mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thờ dài:

– Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cụ bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.

Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Chao ôi! Con chó xấu xí ấy của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi.

Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại áp nào đấy và người ta làm thịt nó.

Nhưng khi nhà tôi về đến nhà, bà con xóm giềng vừa chạy sang láo nháo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.

Từ sau bụi dứa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lao đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã dụi bên này, dụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lét lét về phía nhà tôi. Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngoáy được để mừng chủ và cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.

Tôi tối sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tôi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?

[...]

(Trích *Con chó xấu xí*, Kim Lân, in trong *Tuyển tập Kim Lân*, NXB Văn học)

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích trên.

Câu 2. Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

Câu 3. Chi tiết nào khiến nhân vật tôi cảm thấy “vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ”?

Câu 4. Anh/chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc truyện ngắn trên?

Câu 5. Anh/chị có nhận xét gì về người vợ của nhân vật “tôi” trong câu chuyện?

Câu 6. Từ truyện ngắn trên, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về tác hại của thói vô cảm trong cuộc sống. (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết văn bản nghị luận bàn về một vài nét đặc sắc trong nghệ thuật tự sự và nội dung của trích đoạn trích đã cho ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn trả lời

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	ĐỌC HIỂU		6, 0
1	<p>Ngôi kể của đoạn trích: Ngôi kể thứ nhất</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời sai/ không trả lời: 0 điểm 	1, 0	
2	<p>Đoạn trích trên chủ yếu được kể từ điểm nhìn của nhân vật xưng tôi.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời sai/ không trả lời: 0 điểm 	1, 0	
3	<p>Chi tiết khiến nhân vật tôi cảm thấy “vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ”: “Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước mắt chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết”.</p> <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai/ không trả lời: 0 điểm 	1, 0	
4	<p>Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là tích cực và liên quan đến nội dung câu chuyện. Dưới đây là một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần sống có lòng yêu thương - Cần sống tình nghĩa, trước sau như một - Không nên phân biệt đối xử <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đưa ra bài học, lí giải hợp lí: 1,0 điểm - Học sinh đưa ra bài học, lí giải không hợp lí: 0,5 điểm - Học sinh Không đưa ra bài học/không trả lời: 0 điểm 	1, 0	
5	<p>Học sinh đưa ra nhận xét cá nhân về người vợ của nhân vật “tôi” theo quan điểm cá nhân. Có thể tham khảo gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một người phụ nữ có tấm lòng nhân hậu, giàu tình cảm. Điều đó được thể hiện qua lời nói và cảm xúc của bà trước cái chết của con chó xấu xí. - Là người vô cảm vì mua chó về nhưng lại hất hủi, bỏ rơi rồi sau đó ân hận,... <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được 1/2 đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai/ không trả lời: 0 điểm 	1. 0	
6	<p>Suy nghĩ về tác hại của thói vô cảm trong cuộc sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vô cảm khiến tâm hồn con người trở nên chai sạn, không biết yêu thương người khác - Vô cảm khiến con người không tạo lập và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp - Vô cảm khiến con người không nhận được sự giúp đỡ khi gặp 	1. 0	

	<p>khó khăn. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Học sinh nêu được tác hại của thói vô cảm (bản thân; xã hội) lí giải hợp lí: 1,0 điểm - Học sinh nêu được 1/2 tác hại của thói vô cảm (bản thân/ xã hội) lí giải hợp lí: 0,5 điểm - Học sinh lí giải không thuyết phục/không trả lời: 0 điểm</p>	
II	VIẾT	4, 0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học</i>	0, 25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> - Một vài nét nghệ thuật tự sự - Nội dung của trích: ý nghĩa biểu tượng/ thông điệp mà tác giả gửi gắm.</p>	0, 5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một số gợi ý: I. MỞ BÀI - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu vấn đề nghị luận. II. THÂN BÀI 1. Tóm tắt truyện: Gia đình nhân vật “tôi” mua một con chó xấu xí, đối xử với nó một cách hờ hững và khi chạy giặc đã bỏ lại nó. Nhưng con chó vẫn trung thành với chủ, tìm về nhà gặp chủ rồi mới chết. Hành động đó đã khiến nhân vật “tôi” vừa thương xót con chó vừa hối hận vì cách hành xử của mình. 2. Phân tích, đánh giá: a. Nội dung: Thông qua câu chuyện về một con chó xấu xí, tác giả ngầm phê phán thói vô cảm của người đời đối với những số phận bất hạnh; đồng thời nhắc nhở con người cần sống tình nghĩa. b. Nghệ thuật: - Xây dựng cốt truyện: cốt truyện được xây dựng dựa trên sự kiện chính là cuộc đời và cái chết của con chó xấu xí, một cốt truyện tương đối đơn giản nhưng lại có chiều sâu, đa nghĩa và có sức ám ảnh lớn, gây xúc động mạnh cho người đọc. - Nghệ thuật xây dựng tình huống: Tình huống đó đã làm toát lên tất cả tư tưởng chủ đạo của câu chuyện: sự vô tình của con người, sự trung thành tình nghĩa của con chó, từ đó con người soi lại chính mình, để nhận ra sự ích kỉ, sự vô tình của chính mình. - Lời kể: + Lời kể từ điểm nhìn ngôi thứ nhất + Lời kể còn có sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân</p>	0, 25 0, 25 1, 0 1, 0

	<p>vật, sự kết hợp giữa các phương thức tự sự, biểu cảm và nghị luận -> khiến câu chuyện có độ chân thật tin cậy đồng thời giúp nhân vật bộc lộ cảm xúc tâm trạng. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Nhân vật “tôi”: vô tình nhưng cũng là người có lương tâm. + Nhân vật người vợ: người vợ của nhân vật tôi là một người phụ nữ chất phác và có tấm lòng nhân hậu + Nhân vật “con chó xấu xí”: đây là một “nhân vật” đặc biệt, mang tính biểu tượng. -> xây dựng nội tâm nhân vật độc đáo, sâu sắc.</p> <p>III. KẾT BÀI - Khẳng định khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của truyện. - Nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0, 25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0, 5
Tổng điểm		10 .0

CHUYÊN ĐỀ THƠ

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Nắm được những đặc trưng hình thức và nội dung của các thể thơ.
- Biết vận dụng kiến thức để làm rõ các yếu tố đặc trưng của thơ trong 1 bài thơ cụ thể.
- Cảm nhận được ý nghĩa của thơ ca đối với đời sống.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

1. Kiến thức:

Chú trọng thơ trữ tình hiện đại có yếu tố biểu tượng, tượng trưng, siêu thực - Lí thuyết và bài tập vận dụng

2. Kỹ năng:

Biết cách làm kiểu bài nghị luận về tác phẩm thơ.

III. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP:

PHẦN 1: LÍ THUYẾT

I. KHÁI LƯỢC VỀ THƠ TRỮ TÌNH:

1. Khái niệm:

– Thơ là một thể loại VH được xây dựng bằng hình thức ngôn ngữ ngắn gọn súc tích, theo những quy luật ngữ âm nhất định, nhằm phản ánh tâm trạng, thái độ, tình cảm,... của người nghệ sĩ về đ/s thông qua những hình tượng NT.

– Trữ tình là phương thức phản ánh (hiện thực đ/s; hiện thực tâm trạng) bằng cách bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý thức của tác giả thông qua cái tôi trữ tình, mang đậm dấu ấn cá nhân của chủ thể.

– Thơ trữ tình dùng để chỉ chung các thể thơ thuộc loại trữ tình, trong đó nhà thơ bộc lộ một cách trực tiếp những cảm xúc riêng tư, cá thể về đ/s, thể hiện tư tưởng về con người, cuộc đời và thời đại nói chung. Nội dung của thơ trữ tình là biểu hiện tư tưởng, tình cảm làm sống dậy cái thế giới chủ thể của hiện thực khách quan, giúp ta đi sâu vào thế giới của những suy tư tâm trạng, nỗi niềm.

2. Đặc điểm chung của thơ trữ tình:

a. Tính trữ tình: Trữ tình là yếu tố quyết định tạo nên chất thơ. TP thơ luôn thiên về diễn tả những cảm xúc, rung động, suy tư của chính nhà thơ về cuộc đời. Những rung động ấy xét đến cùng là những tiếng dội của những sự kiện, những hiện tượng đ/s vào tâm hồn nhà thơ. Đây là đặc điểm cơ bản nhất của TP thơ. Nắm vững đặc điểm này ta sẽ có một định hướng rõ ràng trong việc tiếp cận, phân tích đúng TP thơ. Nghĩa là, khi phân tích TP thơ, ta không phải đi sâu vào mổ xẻ, cắt nghĩa, lí giải về các chi tiết, sự kiện, sự việc được nhà thơ đề cập, mà điều cốt lõi là thấy và nói được những cảm xúc, tâm trạng, thái độ và suy tư của nhà thơ về các vấn đề trên.

b. Chủ thể trữ tình:

Trong TP thơ ta luôn bắt gặp bóng dáng con người đang nhìn, ngắm, đang rung động, suy tư về cuộc sống. Con người ấy được gọi là chủ thể trữ tình. Nói cách khác, chủ thể trữ tình là con người đang cảm xúc, suy tư trong TP thơ. Nhân vật trữ tình trong TP thơ chỉ hiện diện, đối thoại với độc giả bằng những sắc thái tình cảm, thái độ tình cảm. Trong TP thơ, chủ thể trữ tình là yếu tố luôn có mặt để thể hiện nội dung trữ tình của TP. Cho nên, khi phân tích thơ, ta phải phân tích nội dung trữ tình. Muốn phân tích nội dung trữ tình thì nhất thiết, nắm bắt và phân tích được chủ thể trữ tình. Bởi lẽ, nội dung trữ tình luôn chứa trong chủ thể trữ tình.

3. Ngôn ngữ và hình ảnh thơ

“Thơ là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson). Đó là thứ ngôn ngữ được chưng cất công phu vì “bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ tinh tế của ngôn ngữ”. Vì vậy với các nhà lý luận phê bình văn học, ngôn ngữ thơ là một phương tiện hình thức luôn được coi trọng, ngôn ngữ luôn là một giá trị không thể phủ nhận trong thơ, vì “thơ tức là phần tinh lọc nhất của ngôn ngữ” (Nguyễn Quốc Trụ). Và “ngôn ngữ thi ca là thứ ngôn ngữ kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ và tư tưởng và nhiệm vụ của thi nhân là phải tạo nên sự nhiệm màu kỳ diệu ấy”. Đây mới thực sự là yếu tố làm nên giá trị thơ ca. Tư tưởng trong ngôn ngữ thơ như một chiếc dây điều vừa đưa thơ cất cánh bay cao, bay xa trong bầu trời của thực và mộng vừa neo thơ lại với bầu khí quyển đời sống. Ngôn ngữ thơ theo Phú Hưng “không phải là một thứ ngôn ngữ xác ve sau mùa hè đã im bật tiếng kêu mà đó là một thứ ngôn ngữ không ngừng biến sinh mãnh liệt”. Song ngôn ngữ trong thơ không phải là ngôn ngữ nguyên sinh của đời sống. Đó là ngôn ngữ có giá trị tạo nghĩa, là một thứ “bóng chữ”. Nó có một “ma lực” riêng, nhiều khi vượt thoát khỏi ý thức của người cầm bút để trở thành một thứ ám ảnh của vô thức. Như một “tiếng chim gọi đàn”, nó tràn ra ngòi bút của thi nhân và phóng chiếu thành những cảm hứng sáng tạo. Ngôn ngữ thơ vì thế “không những khác biệt ngôn ngữ nhật dụng, nó còn biệt lập với người cầm bút, nó còn khả năng tự tồn, sinh sôi, nảy nở “Chữ để ra chữ và ra nghĩa” (Bùi Hữu Sung)

4. Quan niệm về nhạc tính và âm điệu trong thơ

Cùng với ngôn ngữ và hình ảnh, nhạc tính và âm điệu trong thơ cũng là một yếu tố thi pháp được các nhà lý luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam đề cập khá nhiều trong quan niệm thơ của mình. Theo họ, “Nhạc điệu là một yếu tính của thi ca. Thiếu nhạc tính thơ trở thành văn xuôi”. Bởi nhạc tính như một nét duyên thầm làm nên vẻ đẹp của thơ, cũng là một yếu tố tạo mỹ cảm cho người đọc.

“Ly khai với nhạc tính, thơ chỉ còn là một nhan sắc trơ trẽn thiếu duyên”(Tam Ích). Và “Thơ là sự phối hợp của âm thanh”. Thơ bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa ý và nhạc. Nếu “rơi vào cái vực ý thì thơ sẽ sâu nhưng rất dễ khô khan. Rơi vào cái vực nhạc thì thơ dễ làm say lòng người nhưng dễ nông cạn” (Chế Lan Viên). Rõ ràng, nhạc tính là tiếng nói linh diệu của thi ca, gợi thức trí tưởng tượng của người đọc, nói như La Fontaine “Chẳng có thơ nào không có nhạc, song chẳng có thơ nào không có tưởng tượng”.

Là một yếu tố không thể thiếu trong thơ, nhạc được tạo nên từ cách dùng ngôn ngữ, cách gieo vần, phối thanh... Nếu ngôn ngữ và hình ảnh là những yếu tố song hành thì âm điệu cũng là yếu tố đồng hành với tính nhạc. Nói một cách hình ảnh, nếu ngôn ngữ là sợi dây đàn thì nhạc tính và âm điệu là những cung bậc thanh âm ngân lên từ sợi dây đàn ấy, “âm điệu là bộ cục của tiết nhịp” mà “nhạc tính là dây giao cảm của từng yếu tố trong toàn bộ bộ cục ấy”(Trần Nhựt Tân). Vì vậy trong quan niệm lý luận phê bình văn học, âm điệu cũng là một yếu tố hình thức nghệ thuật quan trọng trong thơ. Việc kiến tạo âm điệu trong thơ cũng chính là kiến tạo nhạc tính. Và âm điệu cũng là chiếc cầu nối thơ với người đọc, nói như Trần Nhựt Tân “âm điệu là một cảm nghiệm thi tánh như một sinh khí hội thoại của thơ với người thưởng lãm”

Quan niệm về ngôn ngữ, hình ảnh, âm điệu và nhạc tính trong thơ của lý luận phê bình văn học cũng tương hợp với quan niệm thơ phương Tây và quan niệm thơ ca truyền thống của dân tộc. Bởi đây là những hằng số giá trị của thơ ca. Nhưng thơ vẫn còn những ẩn số khác mà con người phải khám phá trong quá trình tìm đến bản thể thơ. “Thơ là vần điệu. Thơ là ý nghĩa tác động lên tâm hồn người đọc. Thơ là ẩn dụ nhằm gây rung động hay cảm xúc” (Huỳnh Phan Anh). Thơ mãi là một thế giới đầy bí ẩn mà khi giải mã, không phải lúc nào cũng có sự thống nhất; ngay cả trong quan niệm về việc chú giải, phê bình.

5. Nội dung phản ánh trong thơ trữ tình:

a. Thơ trữ tình biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của con người.

Trong TP trữ tình, tình cảm, cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... được trình bày trực tiếp và làm thành nội dung chủ yếu của TP. Ở đây, nhà thơ có thể biểu hiện cảm xúc cá nhân mình mà không cần kèm theo bất cứ một sự miêu tả biến cố, sự kiện nào. Người đọc cảm nhận trước hết là thế giới nội tâm, là thái độ xúc cảm và tâm trạng của nhân vật trữ tình đối với con người, cuộc đời và thiên nhiên. Nhà thơ có thể không cần phải miêu tả kỹ về con người và những nguyên nhân cụ thể dẫn tới những tình cảm đó. Điều này chứng tỏ sự biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của tác giả là đặc điểm tiêu biểu, đầu tiên của TP trữ tình.

b. Thơ trữ tình phản ánh thế giới khách quan nhằm biểu hiện thế giới chủ quan.

TP trữ tình biểu hiện cảm xúc chủ quan của nhà thơ nhưng điều đó cũng được xác lập trong mối quan hệ giữa con người và thực tại khách quan bởi vì mọi cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của con người bao giờ cũng đều là cảm xúc về cái gì, tâm trạng trước vấn đề gì...Do đó, hiện tượng c/s vẫn được thể hiện trong TP trữ tình. Mặc dù thể hiện thế giới chủ quan của con người, TP trữ tình vẫn coi

trọng việc miêu tả các sự vật, hiện tượng trong đ/s khách quan bằng các chi tiết chân thật, sinh động. Như vậy, TP trữ tình cũng phản ánh thế giới khách quan nhưng chức năng chủ yếu của nó là nhằm biểu hiện những cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ ... của con người.

6.Đặc điểm của ngôn ngữ thơ trữ tình:

a.Ngôn ngữ thơ trữ tình hàm súc, cô đọng

Để có một vần thơ lắng đọng, các nhà thơ phải lao động hết mình để lựa chọn ra những ngôn từ thơ tốt nhất diễn tả được cảm xúc tình cảm của mình. Đó là sự gọt giũa về mặt ngôn từ để tạo ra những từ ngữ thơ mà đọc lên người đọc ấn tượng và hiểu thấu nội dung tư tưởng nhà thơ gửi gắm.

b. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhịp điệu

Trong thơ, sự phân dòng của lời thơ nhằm mục đích nhịp điệu, tạo ra nhịp điệu thơ. Cuối mỗi dòng thơ đều có chỗ ngắt nhịp. Tùy theo số chữ trong mỗi dòng mà nhịp thơ thể hiện khác nhau. Và theo từng cung bậc tình cảm thì nhà thơ sử dụng thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn chen nhau...Ngoài ra, trong các thể thơ Việt nam như lục bát, song thất lục bát tứ tuyệt, hát nói...là những cấu tạo nhịp điệu đặc biệt, có lưng, vắn, chân, lối ngắt nhịp riêng độc đáo.

c. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc, tính họa

Bằng những âm thanh luyến láy, bằng những từ ngữ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp, nhà thơ đã xây dựng nên những câu thơ, những hình tượng thơ có sức truyền cảm lớn, tạo nên những cung bậc tình cảm tinh tế của người nghệ sỹ.

Thơ được xây dựng bằng những hình tượng NT có sức gợi cảm lớn. Thi trung hữu họa, trong thơ thể hiện những bức tranh hoàn mỹ mà người đọc có thể hình dung khi cảm nhận những vần thơ khắc họa. Đó là tính họa trong thơ.

d.Ngôn ngữ thơ phải có tính biểu hiện:

VH nói chung, thơ ca nói riêng phản ánh hiện thực c/s qua hình tượng NT. Nghĩa là điều mà nhà nghệ sỹ nhận thức, suy tư về c/s luôn được thể hiện một cách gián tiếp. Để làm được điều này người nghệ sỹ đi vào khai thác khả năng biểu hiện của ngôn ngữ. Đó là cách tổ chức sắp xếp ngôn ngữ sao cho từ một hình thức biểu đạt có thể có nhiều nội dung biểu đạt. Đó là quá trình chuyển nghĩa tạo nên lượng ngữ nghĩa kép trong thơ.

II. MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CẦN CHÚ Ý KHI PHÂN TÍCH THƠ TRỮ TÌNH.

Đọc TP VH trước hết chúng ta tiếp xúc với những hình thức NT cụ thể của ngôn từ NT. Đó là những dấu câu và cách ngắt nhịp, là vần điệu, âm hưởng và nhạc tính, là từ ngữ và hình ảnh, là câu và sự tổ chức đoạn văn, là văn bản và thể loại của văn bản... Phân tích TP VH không được thoát ly

Tài liệu ôn tập văn 12

văn bản có nghĩa là trước hết phải bám sát các hình thức biểu hiện lên của ngôn từ NT, chỉ ra vai trò và ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện nội dung. Vậy chúng ta phân tích thơ trữ tình phải dựa trên thi pháp.

1. Nhịp thơ:

– Nhịp điệu có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với thơ trữ tình. Nó giúp nhà thơ nâng cao khả năng biểu cảm, cảm xúc. Phân tích thơ trữ tình tình không thể không chú ý đến phân tích nhịp thơ. Để xác định nhịp điệu của từng bài thơ ngoài việc đọc từng câu thơ cho ngân vang âm điệu và làm bừng sáng hình ảnh thơ, việc nắm được đặc điểm chung của mỗi thể loại cũng là điều rất cần thiết. Thường thường nhịp điệu câu thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại, thanh thoát, nhịp điệu thơ thất ngôn bát cú hài hòa, chặt chẽ, nhịp của thơ tự do, thơ hiện đại rất phóng khoáng, phong phú.

– Trong thơ trữ tình, cùng với dấu câu, cách ngắt nhịp cần được xem là một từ đa nghĩa, một từ đặc biệt trong vốn ngôn ngữ chung của nhân loại. Chúng ta đều biết rằng trong những tình huống giao tiếp thông thường của cuộc sống, im lặng lắm khi lại nói được rất nhiều: Khi căm thù tuột đỉnh, lúc xao xuyến băng khuâng, khi cô đơn buồn bã, lúc xúc động dâng trào... Những cung bậc tình cảm ấy nhiều khi không được mô tả bằng chữ nghĩa. Sự ngắt nhịp là một trong những phương tiện hữu hiệu để thể hiện “sự im lặng không lời” tạo nên “ý tại ngôn ngoại”, tính hàm nghĩa tạo ra điều không thể nói.

2. Vận thơ

– Tiếng Việt rất giàu tính nhạc. Hệ thống vần điệu và thanh điệu là những yếu tố cơ bản tạo nên tính nhạc của Tiếng Việt nói chung và ngôn từ VH nói riêng. Vì vậy khi phân tích thơ trữ tình cần chú ý phân tích vần thơ, cách gieo vần

VD: *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

.....

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai.

– Vận của các câu được hiện với nhau trong đoạn thơ trên là sự hài hòa trong cùng một âm vực cao thấp, một trường độ âm thanh phát ra. Đó là sự hài hòa có được từ việc phối âm giữa các tiếng trong một cặp song thất. Xét từng cặp câu chúng ta thấy được sự hòa âm giữa câu 1 và câu 2, giữa câu 3 và câu 4 nhờ vào những âm giống nhau giữa tiếng thứ bảy của câu bảy và tiếng thứ năm của câu bảy ở câu song thất, giữa tiếng thứ sáu của câu sáu và tiếng thứ sáu của câu tám trong cặp lục bát. Với sự hòa âm này của các câu thơ như níu kéo, lưu giữ lấy nhau trong từng đoạn hay cả bài thơ tạo nên sự trầm lắng, mênh mông, băng khuâng, da diết của cái buồn trong đoạn thơ, góp phần biểu đạt một cách hiệu quả tâm trạng nhân vật trữ tình.

Tài liệu ôn tập văn 12

– Tạo nên nhạc tính của thơ thực ra không chỉ có vần và hệ thống âm điệu mà ngay cả các âm trong mỗi tiếng cũng có những giá trị biểu đạt nhất định. Theo Đinh Trọng Lạc âm “a” gợi sự vui tươi bao la “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha” (Phạm Tiến Duật), âm “r” gợi sự hãi hùng run sợ “Những luồng run rẩy rung rinh lá” (Xuân Diệu), Âm “u”, “âu” gợi sự u sầu băng khuâng “Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu – Ngàn dâu xanh ngắt một màu”.

– Có thể dẫn ra rất nhiều ví dụ để minh họa cho tính nhạc của ngôn ngữ Việt trong thơ. Khi ta phân tích TP VH (Nhất là thơ) cần hết sức chú trọng yếu tố này. Khi thấy âm hưởng, nhạc điệu của câu thơ không bình thường, có sự chuyển đổi thì hãy tập trung phân tích chỉ ra giá trị, vai trò và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.

3. Từ ngữ và các biện pháp tu từ:

Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của hình thức chất liệu ngôn từ. Bởi vì mọi nội dung cần thể hiện của TPVH không thể có cách nào khác là nhờ vào hệ thống từ ngữ ấy. Các phương tiện như dấu câu nhịp điệu ngữ âm đã nêu ở trên chỉ có ý nghĩa khi nằm trong một văn bản mà từ ngữ là nền tảng. Nhà văn muốn mô tả, tái hiện hiện thực phải thông qua từ ngữ. Muốn đánh giá được nhà văn viết về những điều đó như thế nào lại cũng phải thông qua chữ nghĩa trong văn bản “VH là NT của ngôn từ” Chính là như vậy. Do tầm quan trọng ấy mà người ta coi lao động của nhà văn là thứ lao động chữ nghĩa. Có thể nói ngôn từ là một đặc trưng quan trọng và nổi bật của VH. Vì thế phải chú ý một số điểm sau:

– Thứ nhất: Phân tích TP VH không thể thoát ly và bỏ qua yếu tố từ ngữ. Muốn phân tích tốt từ ngữ trước hết phải nắm vững nghĩa của từ (Nghĩa chung và nghĩa trong văn cảnh cụ thể) sau đó luôn luôn suy nghĩ và đặt câu hỏi: Tại sao nhà văn dung từ này mà không dung từ khác? VD: trong bài “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” của Lý Bạch, câu thơ đầu “*Sàng tiền minh nguyệt quang*”, tại sao tác giả lại dung từ “sàng” mà không dung từ “thượng” đều có nghĩa là giường? hoặc tại sao từ ngữ này lại xuất hiện nhiều như thế? Có bao nhiêu từ đồng nghĩa với từ này? Có thể thay từ khác được không? VD: Trong bài “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) trong khổ thơ cuối từ “vì” có thay từ khác được không? Tại sao tác giả lại dung từ đó? hoặc giáo viên có thể đặt câu hỏi “trong câu ấy, đoạn ấy từ nào cần chú ý?”

– Thứ hai: Người ta nói nhiều đến phân tích hình ảnh trong TP VH, nhưng phân tích hình ảnh trong TP VH là phân tích từ ngữ. Nhiều người đã nhầm tưởng phân tích từ ngữ và hình ảnh khác nhau nhưng thật ra là một.

– Hệ thống từ ngữ hình ảnh, cảm giác trong Tiếng Việt rất phong phú, đa dạng

VD: Gợi về tâm trạng như: xao xuyến, băng khuâng, phân vân ...

Gợi về thị giác: La đà, lơ lửng, chập chới ...

Gợi về thính giác: mặn chát, chua lèm, ngọt lịm...

Tài liệu ôn tập văn 12

Gợi về xúc giác: Lạnh ngắt, nóng bỏng, xù xì...

– Thứ ba: Đề tạo cách nói, cách viết có hình ảnh, gợi hình tượng bằng từ ngữ. Các nhà văn có thể vận dụng những cách: khi thì dùng từ láy:

VD: *Nỗi niềm chi rứa Huế ơi*

Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên

(Mẹ Tom – Tố Hữu)

VD: *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

(Đồng Chí – Chính Hữu)

– Thứ tư: Ngôn từ VH là loại ngôn từ đã được chắt lọc từ ngôn ngữ đời thường, được nâng cấp, sửa sang, làm cho nó càng óng ả, giàu đẹp hơn. Các biện pháp tu từ chính là những phương tiện quan trọng để thực hiện nhiệm vụ trang điểm cho ngôn từ VH. Có rất nhiều biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, ... Tất cả những biện pháp đó nhằm mục đích giúp người nói, người viết có những cách diễn đạt hay hơn, đẹp hơn, phong phú hơn, và do vậy mà hiệu quả cao hơn. Phân tích các biện pháp tu từ giáo viên cần chỉ ra tính hiệu quả của cách viết, cách nói ấy, vai trò và tác dụng của chúng trong việc miêu tả, biểu đạt chứ không phải đơn thuần chỉ gọi tên liệt kê các biện pháp mà nhà văn đã dùng.

4. Không gian và thời gian trong thơ trữ tình:

Không gian trong thơ trữ tình là nơi tác giả – cái tôi trữ tình hoặc nhân vật trữ tình xuất hiện để thổ lộ tấm lòng của mình. Không gian thường gắn với địa điểm chỉ nơi chốn như: cây đa, bến đò, mái đình, giếng nước, núi cao, biển sâu, trời rộng, sông dài... Nhiều địa danh riêng đã trở thành những không gian tượng trưng VH như: Tiêu Tương, Tầm Dương, Cô Tô, Xích Bích, Tây Thiên, Địa Ngục, Thiên Đường, Bồng Lai, Tiên Cảnh, Cõi Phật, Suối vàng.... Khi đọc TP VH, chúng ta cần chú ý xem nhà văn mô tả không gian ở đây có gì đặc biệt, không gian ấy có ý nghĩa gì và nói được nội dung gì sâu sắc qua không gian đó.

RÈN KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU THƠ

1. Xác định phương thức biểu đạt:

- + Chính: một phương án (thường là biểu cảm)
- + Các: từ hai phương án (thường là biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự)
- + Đọc kĩ đoạn thơ, căn cứ nội dung đối chiếu với các phương thức biểu đạt để tìm câu trả lời.

2. Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ

- Xác định thể thơ:

+ *Đếm số chữ trong từng dòng thơ*

+ *Kết luận:*

- Các thể thơ hiện đại (5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ, tự do);
- Các thể thơ truyền thống (ngũ ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, lục bát, song thất lục bát).

- **Phong cách ngôn ngữ:** nghệ thuật

3. Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng

Các bước phân tích biện pháp tu từ:

B1: Gọi tên, chỉ ra biện pháp tu từ

B2: Nêu tác dụng

- *Nội dung:*

- + Nhấn mạnh và làm nổi bật điều gì
- + Thể hiện thái độ, quan điểm, tình cảm gì của tác giả

- *Nghệ thuật:*

- **So sánh:** Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc.
- **Nhân hóa:** Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.
- **Ẩn dụ:** Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
- **Hoán dụ:** Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu

Tài liệu ôn tập văn 12

sắc.

- **Điệp ngữ:** Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm
- **Liệt kê:** Diễn tả cụ thể, toàn diện.
- **Chơi chữ:** Làm câu văn hấp dẫn và thú vị.
- **Câu hỏi tu từ:** Nhằm biểu thị một ý nghĩa nào đó trong diễn đạt
- **Nói quá:** Giúp hiện tượng, sự vật miêu tả được nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm
- **Nói giảm nói tránh:** Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng.

4. Tìm hình ảnh, từ ngữ thể hiện một nội dung nào đó.

+ Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

+ Đọc văn bản để tìm những từ ngữ, hình ảnh liên quan đến nội dung cần trả lời.

Ví dụ: Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện mục đích chiến đấu của nhân vật người cháu trong đoạn thơ sau:

Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc

Vì xóm làng thân thuộc Bà ơi, cũng vì bà

Vì tiếng gà cục tác

Ổ trứng hồng tuổi thơ.

(Trích Tiếng gà trưa, Xuân Quỳnh thơ và đời, NXB Văn hóa, 1996, tr.10)

Cách trả lời: Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện mục đích chiến đấu của nhân vật người cháu là: *Lòng yêu Tổ quốc, xóm làng thân thuộc, bà, tiếng gà, ổ trứng hồng.*

5. Xác định nội dung chính của văn bản:

- **B1:** Xác định đối tượng trữ tình (được miêu tả và phản ánh trong bài thơ) và nhân vật trữ tình (xung em, anh, tôi, thường là sự hóa thân của tác giả).

=> Căn cứ vào nhan đề, từ ngữ, hình ảnh lặp đi lặp lại để rút ra nội dung chính.

- **B2:** Nội dung chính của một đoạn thơ/bài thơ bao giờ cũng có hai phần. Để tìm được nội dung chính, cần trả lời câu hỏi:

- **CH(1)** Đối tượng trữ tình được miêu tả trong bài thơ có đặc điểm như thế nào?
- **CH(2)** Thông qua việc miêu tả, phản ánh đối tượng trữ tình, tác giả đã bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình như thế nào?

- **B3:** Bài thơ đã miêu tả/phản ánh ... Qua đó, tác giả đã thể hiện sự...

6. Trình bày cách hiểu về một câu thơ, đoạn thơ:

- Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.
- Giải thích những từ ngữ quan trọng.
- Đưa ra cách hiểu của bản thân theo nghĩa đen, nghĩa bóng ý nghĩa cả câu thơ/đoạn thơ.
- Rút ra bài học cho bản thân.

Ví dụ: Trình bày cách hiểu câu thơ “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*”

7. Bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao?

- Học sinh đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

B1: Bày tỏ quan điểm (đồng ý/không đồng ý).

B2: Lí giải:

- + Giải thích từ ngữ quan trọng, ý nghĩa cả câu thơ/ đoạn thơ,
- + Nếu không có ... thì sẽ ... (hướng xấu)
- + Nếu có ...thì sẽ ...(kết quả tốt).

B3: kết hợp kiến thức XH để giải thích và đi đến kết luận.

Ví dụ: Anh/chị có đồng ý với quan điểm: “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*” hay không vì sao?

Cách trả lời: Em/tôi có đồng ý với quan điểm: “*Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì*”

Bởi vì:

- *Ở hiền là:*
- *Gặp hiền là:*
- *Người ngay là*
- *Phật tiên độ trì là*

=> Hai câu thơ trên được hiểu như sau: Sở dĩ tôi đồng ý vì:

- + Nếu không ở hiền và sống ngay thẳng thì ...

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Nhưng khi ở hiền và sống ngay thẳng thì...

=> Chính vì thế, đây là một quan điểm đúng đắn cần thực hiện trong cuộc sống.

8. Thông điệp có ý nghĩa nhất? Tại sao?

B1: Đọc kĩ đoạn thơ/bài thơ, xác định nội dung chính của bài thơ đoạn thơ ra nháp.

B2: Xác định thông điệp (có ý nghĩa đối với mọi người) gắn liền với nội dung chính hoặc câu thơ có ý nghĩa làm nổi bật tư tưởng chủ đề của đoạn thơ/bài thơ.

B3: Lí giải tại sao đây là thông điệp ý nghĩa bằng cách kết hợp những hiểu biết xã hội.

- Nếu không thực hiện thông điệp thì ntn?
- Nếu thực hiện thông điệp thì ra sao?

=> Kết luận

9. Bài học rút ra? Tại sao?

B1: Đọc kĩ đoạn thơ/bài thơ, xác định nội dung chính (ra nháp)

B2: Rút ra bài học (có ý nghĩa với bản thân) về nhận thức, hành động.

B3: Căn cứ vào tình hình thực tế bản thân, hiểu biết XH để lí giải.

10. Đoạn thơ đã bồi đắp những tình cảm gì?

- Căn cứ vào nội dung chính của bài thơ/đoạn thơ để trả lời.
- Ví dụ như: Đoạn thơ viết về quê hương thì trả lời đã bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước; khi viết về hình ảnh quân xâm lược bạo tàn thì trả lời đã bồi đắp lòng căm thù giặc và tình yêu nước...
- Nói tóm lại: chúng ta có thể nêu các cung bậc tình cảm: yêu thương, căm ghét, tự hào, cảm phục, quý trọng, căm thù, đồng cảm, xót thương...

11. Anh/chị nhận xét như thế nào về thái độ, tình cảm của tác giả:

- Căn cứ vào nội dung chính, có thể trả lời:

B1: Đoạn thơ đã thể hiện thái độ, tình cảm...

Đó là thái độ: tôn trọng, ngợi ca, lên án, phản đối, dứt khoát, rõ ràng

B2: Đó là thứ tình cảm rất nồng nàn, chân thành, tha thiết. Thứ tình cảm xuất phát từ một tái tim, một tấm lòng...

Tài liệu ôn tập văn 12

B3: Chính thái độ, tình cảm ấy khiến cho đoạn thơ hay hơn, xúc động, truyền cảm, chạm đến trái tim bạn đọc. Giúp cho tôi hiểu sâu sắc hơn về ... (Nội dung chính, tư tưởng chủ đề của đoạn thơ.

Lưu ý:

- Học sinh trả lời bằng câu (có chủ ngữ + vị ngữ, kết thúc bằng dấu chấm).
- Nhận diện đúng câu hỏi, huy động kỹ năng trả lời của từng loại câu hỏi.
- Đề bài hỏi gì thì trả lời đấy.
- Trả lời ngắn gọn, đầy đủ.

- PHẦN 2: THỰC HÀNH

- I. Luyện đề đọc hiểu:

- 1. Đề số 1.

Đọc văn bản sau:

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
Đem gửi hương cho gió phũ phàng!
Mát một đời thơm trong kẽ núi,
Không người du tử đến nhằm hương!*

Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu,

Là truyền tin thắm gọi tình yêu.

Song le hoa đợi càng thêm tủi:

Gió mặc hồn hương nhạt với chiều.

Tản mát phương ngàn lạc gió căm,

Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm;

Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá,

Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thâm.

[...]

(Trích *Gửi hương cho gió*, Xuân Diệu,

in trong *Thơ Xuân Diệu*, NXb Văn học, Hà Nội, 2023)

Tài liệu ôn tập văn 12

Câu 1. Xác định thể thơ trong văn bản trên.

Câu 2. Hình ảnh thơ xuyên suốt trong văn bản trên là gì?

Câu 3. Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm

Dem gửi hương cho gió phũ phàng!

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về hai câu sau:

Mất một đời thơ trong kẽ núi,

Không người du tử đến nhằm hang!

Câu 5. Thông điệp sâu sắc nhất mà anh /chị rút ra từ văn bản trên là gì? Vì sao?

*** Hướng dẫn làm bài:**

1	Thơ 7 chữ (thất ngôn)
2	Hình ảnh thơ xuyên suốt trong văn bản trên: <i>hương, hoa và gió</i>
3	- Biện pháp tu từ ẩn dụ được thể hiện qua hình ảnh: “<i>hoa đẹp</i>”, “<i>rừng thẳm</i>”, “<i>gió</i>”, “<i>hương</i>”. - Tác dụng: + Làm nổi bật những tấm lòng tươi trẻ, đang độ rực rỡ, đang độ khao khát tình yêu; đồng thời cũng cho thấy niềm luyến tiếc khi khát vọng ấy không được đền đáp, tấm lòng không kiếm được kẻ tri âm, tuổi trẻ dần tàn theo năm tháng trong cô đơn, lạnh lẽo. + Làm cho câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, có tính hàm súc.
4	Có thể hiểu ý nghĩa của 2 câu như sau: + “<i>Bông hoa ấy</i>” mất một đời gieo yêu thương cũng giống như con người luôn trao đi tình cảm nhưng gió lại chẳng đáp lời khiến bông hoa phải thui thui một mình trong kẽ đá cả một đời không ai ghé thăm.

	+ Cho thấy tình cảm tủi buồn, uýng tiếc của tác giả.
5	<p>Học sinh có thể chỉ ra các thông điệp như:</p> <p>+ Biết trân trọng, nâng niu cái đẹp, tài năng.</p> <p>+ Đôi khi cái đẹp, cái tài năng sẽ bị khuất lấp ở những nơi tăm tối, đìu hiu. Chúng ta cần phải tìm tòi, khám phá những vẻ đẹp, giá trị của cuộc sống từ những điều nhỏ bé, bình dị.</p>

KỸ NĂNG PHÂN TÍCH CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA DẠNG ĐỀ

- **Kiểu bài:** Nghị luận về 1 tác phẩm thơ. Đi sâu vào phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình.
- **Yêu cầu:**
 - + Nắm vững các tri thức Ngữ văn về tác phẩm thơ đã học ở lớp 10 và được cung cấp thêm ở lớp 11 (*Nhân vật trữ tình, Hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp thơ, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ, cấu tứ, yếu tố tượng trưng, ngôn ngữ*).
 - + Đặc biệt chú ý các tri thức về cấu tứ và hình ảnh thơ.

II. TÌM HIỂU ĐỀ

1. **Xác định kiểu bài:** Nghị luận về 1 tác phẩm thơ .
2. **Nội dung trọng tâm:** Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm.
3. **Phạm vi tư liệu dẫn chứng:** tác phẩm thơ cần nghị luận và 1 số tác phẩm để liên hệ, so sánh..

III. DÀN Ý CHUNG

1. Mở bài

- Dẫn dắt và gợi mở vấn đề nghị luận: cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh thơ.

2. Thân bài

*Luận điểm 1: Khái quát chung

- **Khái quát chung về bài thơ:** hoàn cảnh sáng tác, vị trí, giá trị nội dung,...
- **Khái quát chung về khái niệm cấu tứ và hình ảnh thơ:**
 - + **Cấu tứ:** là cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ; là sự cắt nghĩa, lí giải và khái quát hiện tượng đời sống bằng một hình tượng tổng quát có sức chi phối toàn bộ cảm thụ, suy tưởng và miêu tả nghệ thuật trong tác phẩm.
 - + **Hình ảnh thơ:** Là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể,

Tài liệu ôn tập văn 12

sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

+ **Mối quan hệ giữa cấu tứ và hình ảnh:** Cấu tứ là những điều tạo nên chỉnh thể của tác phẩm. Từ cấu tứ mới nảy nở ra nhiều yếu tố khác của bài thơ, trong đó có hệ thống hình ảnh. Hệ thống hình ảnh và cách tổ chức của chúng chịu sự chi phối của cấu tứ. Ngược lại, hệ thống hình ảnh có tác dụng làm cho cấu tứ trở nên rõ ràng và sống động.

*Luận điểm 2: Phân tích cấu tứ bài thơ.

+ **Bước 1:** Cảm nhận chung, khái quát, **gợi tên về cấu tứ** của bài thơ. Mỗi bài thơ có một cách cấu tứ và tứ thơ riêng.

+ **Bước 2:** Chỉ ra và **phân tích nét độc đáo của cấu tứ** bài thơ, thể hiện được phát hiện riêng của nhà thơ về thế giới và con người:

=> Có thể quy về một số cách tổ chức cấu tứ thường gặp: tương đồng, tương phản, tăng cấp, chuyển hóa hoặc thống nhất giữa các mặt đối lập (động/tĩnh; không gian/thời gian; cảnh/tình)...

*Luận điểm 3: Phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ.

+ **Bước 1:** Chỉ ra những **hình ảnh đặc sắc** và **phân tích** sự vận động, phát triển, mối liên hệ của các hình ảnh. (Với những bài thơ hay, các hình ảnh thường được lựa chọn phong phú nhưng luôn xoay quanh trục cấu tứ. Đồng thời các hình ảnh đó thường đi từ cụ thể đến biểu trưng, ngoài giá trị tạo hình còn gợi mở những tầng bậc ý nghĩa sâu xa).

+ **Bước 2:** Phân tích **ý nghĩa gợi ra** từ những hình ảnh đó.

+ **Bước 3:** Phân tích **mối liên hệ giữa cấu tứ và hệ thống hình ảnh**, cho thấy sự chi phối của cấu tứ đến việc lựa chọn hình ảnh sao cho giá trị biểu đạt về nội dung và hiệu quả hình thức của bài thơ đạt đến độ tối ưu nhất. Đồng thời là tác động trở lại của hệ thống hình ảnh làm cho cấu tứ hiển hiện rõ ràng hơn.

*Luận điểm 4: Đánh giá

- Đánh giá **nét đặc sắc của cấu tứ và hệ thống hình ảnh** của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống; làm cho bài thơ này trở nên khác biệt so với những bài thơ khác
- Đánh giá về **sự chi phối của cấu tứ** đến việc lựa chọn và xây dựng hệ thống hình ảnh.
- Đánh giá về **tài năng, tư tưởng, tình cảm của nhà văn.**

3. Kết bài:

- Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc đem lại cách nhìn, cách

Tài liệu ôn tập văn 12

đọc mới cho độc giả.

- Nêu cảm xúc người viết, mở rộng vấn đề.

MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP

1. ĐỀ SỐ 1

ÁO TRẮNG

Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong, Hôm xưa em đến, mắt như lòng

Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,

Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.

*Em đẹp bàn tay ngón ngón thon; Em duyên đôi má nắng hoe tròn. Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phồng anh cả núi non.*

Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời; Hồn em anh thở ở trong hơi.

Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,

Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.

*Đôi lúa thân tiên suốt một ngày. Em ban hạnh phúc chứa đầy tay. Dịu dàng áo trắng trong như
suối Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.*

(Áo trắng, Huy Cận, in trong Lửa thiêng, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) tìm hiểu vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Áo trắng” của nhà thơ Huy Cận.

Hướng dẫn làm bài:

1. Mở bài:

– Giới thiệu tác giả và tác phẩm: “Áo trắng” là một trong những bài thơ hay nhất viết về tình yêu của Huy Cận nói riêng và của phong trào thơ Mới nói chung.

– Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá: Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng đi vào phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ.

2. Thân bài:

*Luận điểm 1: Khái quát chung

+ **Cấu tứ:** là cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ; là sự cắt nghĩa, lí giải và khái quát hiện tượng đời sống bằng một hình tượng tổng quát có sức chi phối toàn bộ cảm thụ, suy tưởng và miêu tả nghệ thuật trong tác phẩm.

+ **Hình ảnh thơ:** Là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ **Mối quan hệ giữa cấu tứ và hình ảnh:** Cấu tứ là những điều tạo nên chỉnh thể của tác phẩm. Từ cấu tứ mới nảy nở ra nhiều yếu tố khác của bài thơ, trong đó có hệ thống hình ảnh. Hệ thống hình ảnh và cách tổ chức của chúng chịu sự chi phối của cấu tứ. Ngược lại, hệ thống hình ảnh có tác dụng làm cho cấu tứ trở nên rõ ràng và sống động.

***Luận điểm 2: Phân tích cấu tứ bài thơ.**

+ Tứ thơ được khắc họa qua khoảnh khắc gặp gỡ của đôi trai gái: cô gái đến thăm chàng trai mình yêu. Cuộc gặp gỡ ấy được cảm nhận qua cái nhìn (từ xa đến gần), qua tâm trạng của chàng trai (từ ngạc nhiên ngỡ ngàng đến đắm say hạnh phúc). Bắt đầu từ cái hình ảnh “nở bừng ánh sáng em đi đến” với “gót ngọc dồn hương”, “bước tỏa hồng”, rồi gần hơn với bàn tay “ngón ngón thon”, “đôi má nắng hoe tròn”, với mái tóc, rồi hơi thở, tiếng nói, rồi tất cả dần hòa quyện tạo thành một sự say đắm trong hạnh phúc hội ngộ. Bài thơ kết thúc với sự hòa hợp và thăng hoa của hai tâm hồn tinh khôi.

+ Với cấu tứ độc đáo, bài thơ giống như một câu chuyện kể về sự diễn tiến của cuộc gặp gỡ, vừa thể hiện những bước đi của tình yêu từ chớm nở đến viên thành. Cấu tứ ấy cũng cho ta thấy được những cung bậc cảm xúc mỗi lúc một mãnh liệt của chàng trai đang yêu.

***Luận điểm 3: Phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ.**

- **Hình ảnh, chi tiết:** Phân tích, đánh giá nghệ thuật: Nghệ thuật xây dựng hình ảnh.

+ Hình tượng trung tâm của bài thơ là cô gái, qua cái nhìn say đắm của chàng trai. Tất cả các hình ảnh trong bài thơ đều tập trung thể hiện vẻ đẹp lung linh tỏa sáng, tinh khôi thơ mộng của hình tượng trung tâm đó.

+ Hình ảnh “áo trắng”, gợi lên vẻ đẹp trong trắng của tuổi học trò với “mộng trắng trong”. Màu trắng ấy khiến cô gái khi xuất hiện, như tỏa ra ánh sáng rực rỡ: “Nở bừng ánh sáng”.

+ Những bước đi của cô gái cũng được miêu tả thật đẹp với “gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng”. Dưới cái nhìn si tình, lãng mạn của chàng trai, cô gái mang một vẻ đẹp trong ngần, tỏa ra hương thơm kì diệu.

+ Khi đến gần hơn, vẻ đẹp của cô gái được miêu tả ở “bàn tay ngón ngón thon”, ở “đôi má nắng hoe tròn”, mái tóc xanh tràn đầy sức sống, như mang cả hơi thở của trời đất, núi non, cả tiếng nói ngọt ngào của người yêu, hừng trọn cả “tiếng lẫn lời”.

+ Bài thơ khép lại cũng với hình ảnh “áo trắng” nhưng kết tinh, thăng hoa: không còn là tà áo trắng trong hiện thực, mà dường như đã trở thành đôi cánh của thiên thần, khiến cả đôi hồn cùng bay lên trong một tình yêu thần tiên say đắm.

+ Toàn bộ hệ thống hình ảnh trong bài thơ đều thống nhất tập trung làm nổi bật vẻ đẹp tinh khôi của cô gái; đồng thời cũng làm nổi bật vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng của tình yêu tuổi học trò.

Tài liệu ôn tập văn 12

- *Phân tích và đánh giá từng phần của bài thơ*

+ Mở đầu bài thơ là sự xuất hiện của hình ảnh “áo trắng”, gợi lên vẻ đẹp trong trắng của tuổi học trò với “mộng trắng trong”. Màu trắng ấy khiến cô gái khi xuất hiện, như tỏa ra ánh sáng rực rỡ: “Nở bừng ánh sáng”.

+ Những bước đi của cô gái cũng được miêu tả thật đẹp với “gót ngọc dòn hương, bước tỏa hồng”. Dưới cái nhìn si tình, lãng mạn của chàng trai, cô gái mang một vẻ đẹp trong ngần, tỏa ra hương thơm kì diệu.

+ Vẻ đẹp của cô gái được miêu tả ở “bàn tay ngón ngón thon”, ở “đôi má nắng hoe tròn”, mái tóc xanh tràn đầy sức sống, như mang cả hơi thở của trời đất, núi non.

+ Không chỉ ngỡ ngàng say đắm trước vẻ đẹp, chàng trai còn say đắm cả tiếng nói ngọt ngào của người yêu, hứng trọn cả “tiếng lẫn lời”.

+ Bài thơ khép lại cũng với hình ảnh “áo trắng”, nhưng giờ đây nó đã thăng hoa hơn, để không còn là tà áo trắng trong hiện thực, mà dường như đã trở thành đôi cánh của thiên thần, khiến cả đôi hồn cùng bay lên trong một tình yêu thần tiên say đắm.

→ Như vậy, toàn bộ hệ thống hình ảnh trong bài thơ đều thống nhất tập trung làm nổi bật vẻ đẹp tinh khôi của cô gái; đồng thời cũng làm nổi bật vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng của tình yêu tuổi học trò.

**Luận điểm 4: Đánh giá*

- Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ

- Khái quát đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

- **Xác định chủ đề:** Bài thơ là tâm trạng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi, trong sáng của người yêu; là niềm hạnh phúc, vui sướng ngất ngây của cậu học trò khi được sống trong tình yêu thơ mộng.

- **Phân tích, đánh giá chủ đề:**

+ Tình yêu tuổi học trò là một chủ đề khá quen thuộc trong thơ ca hiện đại. Tình yêu tuổi học trò bài thơ trên vừa mang những vẻ đẹp chung, vừa có những nét độc đáo, gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

+ Tình yêu trong bài thơ là niềm hạnh phúc, là khoảnh khắc kì diệu, biến cuộc đời thành một cõi thần tiên. Từ tình yêu của *anh và em* trong bài thơ, nhắc nhở chúng ta cần trân trọng tình yêu đẹp, biết tận hưởng niềm hạnh phúc trong tình yêu, biết yêu thương và trân quý phút giây hạnh phúc trong cuộc đời.

3. Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn mới, cách đọc mới cho độc giả.

2. ĐỀ SỐ 2

NGHỈ HÈ

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết, Đoàn trai non hơn hờ rủ nhau về.

Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê, Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!

Một nét mặt, trăm tiếng cười rộn rã Lời trên môi, chen chúc nói nghìn câu Chờ đêm nay, sáng sớm bước lên tàu Ấn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.

Trong khoảnh khắc, sách bài là giấy cũ. Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi, em trông.

Trên đường làng huyết phượng nở thành bông, Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.

Kiểm soát kỹ có khi còn thiếu sót, Rương chật ròi, khó nhót cả niềm vui. Tay bắt tay, hồn không chút bụi ngùi, Các bạn hỡi, trời mai đầy ánh sáng.

(Nghỉ hè, Xuân Tâm, trích trong tập *Lời tim non*, 1941) Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) tìm hiểu vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ “Nghỉ hè” của nhà thơ Xuân Tâm.

DÀN Ý CHI TIẾT:

1. Mở bài:

- Giới thiệu chung về bài thơ
- Xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết: Cấu tứ và các hình ảnh đặc sắc trong bài thơ

2. Thân bài:

*Luận điểm 1: Khái quát chung

+ **Cấu tứ:** là cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ; là sự cắt nghĩa, lí giải và khái quát hiện tượng đời sống bằng một hình tượng tổng quát có sức chi phối toàn bộ cảm thụ, suy tưởng và miêu tả nghệ thuật trong tác phẩm.

+ **Hình ảnh thơ:** Là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

+ **Mối quan hệ giữa cấu tứ và hình ảnh:** Cấu tứ là những điều tạo nên chỉnh thể của tác

Tài liệu ôn tập văn 12

phẩm. Từ cấu tứ mới này nở ra nhiều yếu tố khác của bài thơ, trong đó có hệ thống hình ảnh. Hệ thống hình ảnh và cách tổ chức của chúng chịu sự chi phối của cấu tứ. Ngược lại, hệ thống hình ảnh có tác dụng làm cho cấu tứ trở nên rõ ràng và sống động.

***Luận điểm 2: Phân tích cấu tứ bài thơ.**

- Cấu tứ dựa trên việc tổ chức hệ thống mạch cảm xúc qua nhan đề, ngôn ngữ và hình ảnh thơ
- Trình tự: nhan đề: “Nghỉ hè”, “hón hờ”, “nhảy nhót” “mùa xuân trong mùa hạ”, “nét mặt”, “tiếng cười”, “chờ”, “nôn nao”, “niềm vui”....
- Việc tổ chức, sắp xếp các nguồn cảm xúc từ giờ học cuối cùng cho đến khi bước lên tàu về quê qua sự liên tưởng, kết nối hòa trộn các hình ảnh.

***Luận điểm 3: Phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ.**

- **Phân tích và đánh giá từng phần của bài thơ**
- + Cả đoạn thơ *Nghỉ hè* là một tiếng reo sung sướng của người học trò khi được nghỉ hè. Niềm vui ấy tự nhiên, chân thành với giọng thơ vui tươi, trong sáng. Đó là niềm vui rất học trò, là cảm xúc hồn nhiên của một thời áo trắng
- + Tứ thơ liên tục, trải dài sang khổ hai với niềm sung sướng nghỉ hè, Xuân Tâm đã diễn tả cảm xúc trên nét mặt, ánh mắt, lời nói trong ngày sắp về quê
- + Xuân Tâm đã chọn cái khoảnh khắc của thời gian nghỉ hè để nhân vật trữ tình ấy đối diện với những gì đang thành ngày cũ, đang thành kỉ niệm với những gì đang chờ đợi, đang khát khao
- + Cậu học trò chuẩn bị kĩ càng cho việc lên đường về quê nghỉ hè với một niềm vui bất tận, không lưu luyến không bùi ngùi
- + **Hình ảnh, chi tiết:**
- + Tiết học cuối cùng kết thúc: *giờ cuối cùng đã hết: mang lại niềm vui lớn cho học trò*
- + Hình ảnh các cô cậu học trò trong hiện tại: *đoàn trai non, hón hờ, rủ, nôn nao, một nét mặt trăm tiếng cười, ăn chẳng được, kiểm soát kĩ rương, bắt tay, không bùi ngùi*: Tâm trạng nôn nao được về quê nghỉ hè
- + Hình ảnh ngày hè ở quê trong suy nghĩ: *nhảy nhót, mùa xuân trong mùa hạ, thầy mẹ đợi, em trông, đường làng huyết phượng nở bông, vườn trái cây ngon ngọt...*: Cảm giác tận hưởng một mùa hè thật vui, thật ý nghĩa ở quê nhà

***Luận điểm 4: Đánh giá**

Thơ Xuân Tâm nhẹ nhẹ, êm êm. Nó chậm chậm đi vào hồn ta như một buổi chiều Xuân Diệu. Bài thơ đọng lại bằng hình ảnh giản dị, như một nốt lặng cuối bản nhạc để dư ba, dư

Tài liệu ôn tập văn 12

vị của ý thơ còn lan tỏa mãi trong lòng người đọc. Đây là những chi tiết đắt giá mà tác giả đã lựa chọn để cảm xúc người đọc còn ngân mãi bất chấp dấu chấm khép lại đoạn thơ

3. Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn mới, cách đọc mới cho độc giả.

3.ĐỀ SỐ 3:

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình tượng “nàng Vọng Phu” trong hai đoạn trích thơ sau:

VỌNG PHU

*Đầu nước đá ôm con, cuối nước đã đợi chồng
Đâu chẳng sông Thương đâu chẳng Kỳ Cùng
Là tượng đá của những thời bình lửa
Nàng Vọng phu đầu sông hơn gì nàng Tô Thị cuối sông
Một mình với mây, một mình với gió
Mùa đông một mình mùa xuân hay hạ một mình...
Người ra đi chắc gì quay lại nữa
Trên đầu non lòng đã vẫn kiên trinh
[...]*

*Không hoa thạch kê ra đi, hoả thạch kê đợi chờ
Xói mòn những non cao, không xói mòn lòng chung thủy
Đã đứng đẫy giữa mưa nguồn và chớp bể
Đợi một bóng hình trở lại giữa đơn côi.*

(Chế Lan Viên, Chế Lan Viên, Toàn tập)

Hướng dẫn làm bài:

HS cần nêu được các ý chính sau đây:

a) Mở bài:

Hình tượng “nàng Vọng Phu” trong đoạn trích Trả chuyện với nàng Vọng Phu (Vương Trọng) và đoạn trích Vọng Phu (Chế Lan Viên) có những điểm giống, khác nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật.

b) Thân bài:

Tài liệu ôn tập văn 12

b.1. Điểm giống nhau của hình tượng “nàng Vọng Phu” trong hai văn bản:

– Cả hai đoạn trích đều cùng viết về đề tài vọng phu; cùng có cảm hứng về một hiện tượng bi kịch lịch sử khá độc đáo (người vợ chờ chồng ra trận mòn mỏi đến hoá đá); cùng sử dụng thể thơ tự do;...

– Hình tượng “nàng Vọng Phu” hiện lên trong sự mòn mỏi, cô đơn, mang chở nỗi đau của người phụ nữ có chồng đi chinh chiến, cho thấy hiện thực khốc liệt của chiến tranh.

– Hình tượng “nàng Vọng Phu” thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam (vẻ đẹp thuỷ chung, kiên trinh, son sắt).

b.2. Điểm khác nhau của hình tượng “nàng Vọng Phu” trong hai văn bản:

– Nếu Chế Lan Viên mượn sự “hoá thạch” của nàng Vọng Phu để tập trung khắc hoạ số phận và vẻ đẹp của những người phụ nữ Việt Nam thì Vương Trọng lại muốn

thông qua sự “hoá đá” của nàng Vọng Phu để nhắc nhở nhân loại về sự cần thiết phải xây dựng một thế giới hoà bình, để những người vợ muôn đời không phải chịu số phận đau khổ như thế nữa.

– Cùng thể hiện hình tượng nàng Vọng Phu bằng hình thức thơ tự do nhưng khác với Chế Lan Viên, Vương Trọng đã sáng tạo hình thức đối thoại tưởng tượng giữa mình và nàng Vọng Phu.

c) Kết bài:

– Hai đoạn trích có điểm tương đồng về nội dung (đề tài, cảm hứng và thể thơ).

– Mỗi đoạn trích cũng cho thấy sự sáng tạo riêng của mỗi nghệ sĩ, từ cách cảm, cách nghĩ đến sự lựa chọn hình thức thể hiện...

Chuyên đề TRUYỆN - KÍ

A. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU THEO CÁC MỨC ĐỘ

1. Nhận biết

a. Những yêu cầu cơ bản

- Nhận biết được cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí, nhật kí.
- Nhận biết được các yếu tố tự sự, trữ tình, yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.
- Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí.
- Nhận biết được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Nhận biết về đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu, chi tiết tiêu biểu của văn bản.

Kiến thức cơ bản:

- + **Đề tài:** là lĩnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.
- + **Cái tôi trữ tình:** là sự thể hiện tâm trạng, cảm xúc, cảm nhận của tác giả, là thế giới nội tâm của tác giả trước hiện thực khách quan. Qua cái tôi trữ tình, người đọc có thể cảm nhận được những suy nghĩ, tư tưởng và quan niệm... của tác giả trước cuộc đời.
- + **Kết cấu văn bản văn học:** là cách sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị, thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa. Một số kết cấu văn bản văn học: kết cấu theo trình tự thời gian, kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tác giả, kết cấu hai tuyến nhân vật, kết cấu đa tuyến, kết cấu tâm lí, kết cấu đồng hiện, kết cấu vòng tròn,...
- + **Chi tiết tiêu biểu** (một lời nói, một cử chỉ, một hành động của nhân vật... trong tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng) là: chi tiết đặc sắc, tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu.

Dấu hiệu nhận biết:

- + Đề tài: căn cứ vào đối tượng nhà văn lựa chọn, miêu tả, khái quát trong văn bản.
- + Cái tôi trữ tình:
- ++ Căn cứ vào phạm vi tri thức được thể hiện.
- ++ Căn cứ vào cách sử dụng từ ngữ; cách liên tưởng, tưởng tượng của nhà văn.

Tài liệu ôn tập văn 12

++ Căn cứ vào tình cảm, cảm xúc của nhà văn.

+ Kết cấu: căn cứ vào các loại kết cấu.

+Chi tiết tiêu biểu:

++ Căn cứ vào khái niệm chi tiết tiêu biểu, yêu cầu của câu hỏi.

++ Các chi tiết tiêu biểu phải nổi bật, hấp dẫn, tô đậm ngoại hình, tính cách nhân vật và tập trung biểu hiện tư tưởng chủ đề của bài văn.

Cách trả lời:

+ Đề tài/Cái tôi trữ tình của nhà văn/Kết cấu của văn bản là:...

+ Các chi tiết tiêu biểu thể hiện... là:... (liệt kê đầy đủ các chi tiết tập trung biểu hiện nội dung yêu cầu của câu hỏi).

Dạng 2: Nhận biết yếu tố tự sự, trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Yếu tố tự sự trong kí là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết, liên quan đến hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của đối tượng đề cập đến trong văn bản.

+ Yếu tố trữ tình trong kí là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả hay người kể chuyện, quan sát, miêu tả trong văn bản.

+ Yếu tố phi hư cấu trong kí là việc tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực toàn bộ sự việc.

+ Yếu tố hư cấu trong kí thể hiện ở sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và việc lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật thích hợp; thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

Dấu hiệu nhận biết:

+ Tự sự thể hiện qua kể sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết, liên quan đến hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của đối tượng đề cập đến trong văn bản.

+ Trữ tình thể hiện qua cảm xúc của nhà văn đối với đối tượng đề cập trong văn bản.

+ Phi hư cấu thể hiện qua các thông tin xác thực về đối tượng ghi chép.

+ Hư cấu thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của đối tượng.

Cách trả lời:

+ Yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản là...

+ Yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản là...

Tài liệu ôn tập văn 12

Dạng 3: Nhận biết về câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Câu chuyện (còn gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh, và các sự kiện được sắp xếp theo thời gian.

+ Sự kiện là những biến đổi, tác động, sự cố có ý nghĩa quan trọng đối với nhân vật, làm cho nhân vật và quan hệ của chúng không giữ nguyên hiện trạng mà phải biến đổi theo.

+ Nhân vật: Theo quan điểm của Lại Nguyên Ân trong cuốn *150 thuật ngữ văn học* đã cho rằng “Hình tượng nghệ thuật về con người, một trong những dấu hiệu về sự tồn tại trọn vẹn của con người trong nghệ thuật ngôn từ. Bên cạnh con người, nhân vật văn học có khi còn là các con vật, các loài cây, các sinh thể hoang đường được gán cho những đặc điểm giống con người”.

Dấu hiệu nhận biết: dựa vào các khái niệm, câu chuyện, sự kiện, nhân vật.

- Cách trả lời:

+ Văn bản trên kể lại những sự kiện... (liệt kê các sự kiện).

+ Nhân vật chính của văn bản là...

Dạng 4: Nhận biết những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí.

Kiến thức cơ bản:

+ Phóng sự: là loại kí ghi chép nhanh chóng vấn đề mang tính thời sự của một địa phương hay toàn xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức của cộng đồng về vấn đề đó. Phóng sự đề cao tính chân thực, sinh động. Đọc phóng sự, ta có thể hình dung rõ nét sự việc đang diễn ra, từ lúc phát sinh cho đến những tiến triển sau này.

+ Hồi kí: là thể loại ghi lại những sự việc thuộc quá khứ, qua sự hồi tưởng. Lời văn của hồi kí thường mang hơi hướng tâm sự, thể hiện tâm tư, tình cảm của tác giả. Tuy nhiên, sự việc trong hồi kí cũng cần chính xác, chân thực. Đọc hồi kí, ta có cảm giác đồng hành cùng tác giả về lại miền kí ức, qua đó nắm bắt được các sự việc trong quá khứ một cách sâu sắc hơn.

+ Nhật kí: là thể loại kí mang tính chất riêng tư, đời thường nhiều nhất. Nếu hầu hết các tác phẩm văn học là để giao lưu với người khác, thì nhật kí chủ yếu để giao lưu với chính mình. Trong nhật kí, người viết ghi chép lại những sự việc đã, đang và sẽ diễn ra theo đúng trình tự thời gian, đồng thời sẵn sàng bộc lộ cảm xúc cá nhân và thêm vào những yếu tố chủ quan nhất định. Đọc nhật kí tuy giúp ta hiểu hơn về cuộc sống nhưng trên hết là thấy được hình ảnh của tác giả một cách rất con người, từ đó rút ra chiêm nghiệm cho bản thân.

Dấu hiệu nhận biết:

+ Phóng sự mang tính tường thuật tức thời, giúp cộng đồng ý thức về sự việc đang diễn ra.

+ Hồi kí ghi lại câu chuyện trong quá khứ thông qua sự hồi tưởng, là phương tiện để tác giả chia sẻ, tâm sự nhưng các sự việc cũng cần chân thực, khách quan.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Nhật kí ghi lại các sự việc diễn ra hằng ngày, không có giới hạn về thời gian, trong đó tác giả sẵn sàng bộc lộ cảm xúc, những góc nhìn chủ quan của mình. Nhật kí chủ yếu giúp người đọc hiểu về tác giả hơn là về đời sống.

Cách trả lời: Dấu hiệu của phóng sự/hồi kí/nhật kí trong văn bản đoạn trích là...

Ví dụ minh họa cho các dạng câu hỏi nhận biết

Ví dụ 1:

(1) *Tôi sinh ra từ một vùng sâu, vùng xa ở bưng biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi rom rạ sau mỗi mùa gặt.*

(2) *Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần kí ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ - phần thời gian trong trẻo nhất của một đời người.*

(3) *Trong kí ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kì lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rom, nhánh rạ trở ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rom rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.*

(4) *Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quán chặt vào sóng mũi. Mùi rom rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trúng, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.*

(5) *Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rom, lửa cháy bùng, cơm sôi ùng ục. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tím mắt bắt chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rom rạ và mùi của chèn gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát trong lòng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.*

(6) [...] *Tôi lớn lên giữa mùi rom rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thử Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rom rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.*

(7) *Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngời máy kéo ra đồng nghịch rom, những tháng năm còn được nằm trọn trong vòng tay của ba mẹ.*

(8) *Có sợi rom nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hi vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.*

Tài liệu ôn tập văn 12

(9) *Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những kí ức lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tận thân thương ấy lại ào ạt ùa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.*

(Nhiều tác giả, trích *Nghĩa tình miền Tây*, Nxb. Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

Dạng câu hỏi nhận biết về đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản, chi tiết tiêu biểu.

Câu hỏi: Xác định đề tài của văn bản.

Trả lời: Đề tài của văn bản trên là quê hương.

Câu hỏi: Trong đoạn (9), điều gì làm cho con đường đến sân bay của nhân vật tôi trở nên ngắn ngủi?

Trả lời: Trong đoạn (9), điều làm cho con đường đến sân bay của nhân vật tôi trở nên ngắn ngủi là “*Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ùa về.*

Câu hỏi: Ở đoạn (3), trong kí ức của nhân vật tôi, bức tranh đồng quê hiện lên qua những hình ảnh nào?

Trả lời:

Những hình ảnh đó là: *những sân phơi trái đầy lúa vàng, tụi con nít đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân, những bước chân nhỏ xinh in trên đệm lúa vàng, những ụ rom nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt, rom rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.*

Dạng câu hỏi nhận biết yếu tố tự sự, trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản:

Câu hỏi: Chỉ ra yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong đoạn (3),(4) của văn bản.

Trả lời:

+ Yếu tố tự sự: “*Đó là những sân phơi trái đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân.*”

+ Yếu tố trữ tình: “*Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoang rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi.*”

Câu hỏi: Chỉ ra yếu tố phi hư cấu và hư cấu trong đoạn (1),(6),(9) của văn bản.

Trả lời:

- Yếu tố phi hư cấu:

+ Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bung biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Có đưa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đưa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa.

+ Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả.

- Yếu tố hư cấu:

+ Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi.

Ví dụ 2:

(1) Khi đi thăm đường kéo pháo, tôi cảm thấy băn khoăn. Con đường kéo pháo khá dài, nằm trên địa bàn hiểm trở, nhiều dốc cao, vực sâu. Tôi thấy rất khó để đưa pháo vào trận địa đúng thời gian dự kiến. Và việc tiếp đạn khi chiến đấu sẽ rất khó khăn.

(2) Sau bảy đêm, pháo vẫn chưa tới vị trí quy định. Thời gian nổ súng dự định ngày 20 tháng 1 năm 1954, phải lui lại năm ngày. Chúng ta chưa lường hết trở ngại khi dùng sức người kéo những khối thép nặng hai tấn, qua những dốc cao 30,40 độ, có chỗ lên tới 60 độ, lại bị máy bay và pháo đài địch cản trở. Trong những ngày qua, có những bản bộ, chiến sĩ đã hy sinh để cứu pháo khỏi lăn xuống vực sâu. Trước đó, xe chỉ chuyển pháo tới cửa rừng Nà Nham, để phòng vào gần hơn địch phát hiện tiếng động cơ. Bộ chỉ huy chiến dịch buộc phải có một quyết định mới: cho 351 dùng xe ô tô đưa pháo vào khu vực Nà Ten, Nà Hy để giảm khoảng ba đêm kéo pháo bằng tay.

(3) Từ hội nghị Thẩm Púa tới khi đưa pháo vào trận địa đối với tôi là một thời gian rất dài. Nhiều đêm thao thức. Suy tính, cân nhắc rất nhiều lần, vẫn chỉ tìm thấy rất ít yếu tố thắng lợi. Tôi căn dặn các phải viên đi nắm tình hình, thấy bất cứ điều gì đáng chú ý đều phải báo cáo kịp thời. Mọi người đều phản ánh tinh thần chuẩn bị chiến đấu rất cao của cán bộ, chiến sĩ. Đại đoàn trưởng 312 Lê Trọng Tấn nói với tôi trong quá trình chiến đấu, sẽ phải đột phá liên tục ba lần mới vào được trung tâm. Nhưng đây chỉ là sự tính toán công việc phải làm. Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ, đảm nhiệm mũi chọc sâu, hoàn toàn giữ im lặng. Sang ngày thứ chín, hai ngày trước khi nổ súng, đồng chí Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ, theo dõi việc kéo pháo ở phía tây, đề nghị gặp tôi qua điện thoại. Anh Kiệt nhận xét: “Pháo của ta đều đặt trên trận địa dã chiến, địa hình rất trống trải, nếu bị phản pháo, hoặc máy bay đánh phá sẽ khó tránh tổn thất. Một số pháo vẫn chưa kéo được tới trận địa”. Đây là người ưu tiên, và cũng là duy nhất, phát hiện khó khăn.

(Trích hồi kí “Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006).

** Chú thích:

Hình ảnh:



Bộ đội kéo pháo vào chiến dịch Điện Biên Phủ (Ảnh: tư liệu TTXVN)

2. Thông tin:

- Đoạn trích nằm trong cuốn hồi kí “Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

- Toàn bộ phần này Đại tướng nói về việc thực hiện hai lệnh khác nhau của Đại tướng, cụ thể: Mặc dù phải bỏ biết bao công sức và cả tính mạng của chiến sĩ, mới kéo được pháo vào đến mặt trận Điện Biên Phủ, sẵn sàng trút đạn xuống đầu thù. Vậy mà để bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh “kéo pháo ra!” để chuyển từ phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh”. sang “đánh chắc, tiến chắc”. Trong đoạn trích, đồng chí Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ là người duy nhất phát hiện và đánh giá được mức độ khó khăn nếu giữ nguyên pháo đài và thực hiện ý đồ trút pháo xuống kẻ thù. Đây cũng là nhận định của Đại tướng. Bởi vậy, giờ nổ súng của chiến dịch Điện Biên Phủ dự kiến vào đêm ngày 25/1/1954 lại phải hoãn lại.

-Thông qua diễn biến của sự việc lần này trong chiến dịch, Đại tướng rút ra và đưa đến một bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ.

Dạng câu hỏi nhận biết về câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản phóng sự, hồi kí và nhật kí.

Câu hỏi: Đoạn trích kể lại sự kiện gì?

Trả lời:

Đoạn trích trên kể lại sự kiện thực hiện hai lệnh khác nhau của Đại Tướng: kéo pháo vào trận địa Điện Biên Phủ và kéo pháo ra khỏi trận địa.

Câu hỏi: Xác định nhân vật chính trong đoạn trích.

Trả lời:

Nhân vật chính trong đoạn trích là: Đại tướng Võ Nguyên Giáp/Tác giả/Nhân vật tôi.

Dạng câu hỏi nhận biết về những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.

Tài liệu ôn tập văn 12

Câu hỏi: Chỉ ra những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan ở đoạn (1) của văn bản.

Trả lời: Thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan ở đoạn (1) là *con đường kéo pháo khá dài, nằm trên địa bàn hiểm trở, nhiều dốc cao, vực sâu.*

Câu hỏi: Chỉ ra câu văn thể hiện cách nhìn riêng, thái độ của Đại tướng ở đoạn (1).

Trả lời: Câu văn thể hiện cách nhìn riêng, thái độ của Đại tướng ở đoạn (1) là: *Tôi cảm thấy băn khoăn. Tôi thấy rất khó để đưa pháo vào trận địa đúng thời gian dự kiến. Và việc tiếp đạn khi chiến đấu sẽ rất khó khăn.*

2. Thông hiểu

a. Những yêu cầu cơ bản

Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.

- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.
- Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong tác phẩm kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm.
- Phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản. Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh từ tác phẩm.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Phân tích, lí giải ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu.

Kiến thức cơ bản:

- + Vai trò của chi tiết tiêu biểu: dẫn dắt câu chuyện, tô đậm đặc điểm, tính cách nhân vật, tạo sự hấp dẫn, làm nổi bật chủ đề tư tưởng của văn bản.
- + Vai trò của đề tài: giúp nhà văn thể hiện quan điểm cá nhân, giá trị và cảm xúc của mình, tạo nên sự đa dạng và phong cách riêng biệt trong tác phẩm văn học.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Vai trò của cái tôi nhà văn: giúp người đọc có thể cảm nhận được những suy nghĩ, tư tưởng và quan niệm... của tác giả trước cuộc đời.

+ Vai trò của giọng điệu: truyền cảm cho người đọc và góp phần tạo nên phong cách nhà văn.

Cách trả lời:

+ Chỉ ra chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi, giọng điệu.

+ Nêu ý nghĩa/tác dụng của chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi, giọng điệu.

Dạng 2: Phân tích sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Tác dụng của sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình:

++ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn văn; sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc, người nghe.

++ Giúp nhà văn khắc họa đối tượng, qua đó thấy được tài năng, tình cảm của tác giả đối với đối tượng được miêu tả.

+ Tác dụng của sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu: Vừa đảm bảo tính xác thực, để khi cần người đọc có thể dễ dàng kiểm chứng, vừa đảm bảo sự hoàn chỉnh của cấu trúc tác phẩm trong chỉnh thể của nó, giúp tác phẩm có tính nghệ thuật, thẩm mỹ...

Cách trả lời:

- Chỉ ra yếu tố tự sự và trữ tình; yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

+ Nêu ý nghĩa/tác dụng của các yếu tố đó.

Dạng 3: Nêu chủ đề, tư tưởng của văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Chủ đề: là vấn đề chủ yếu, trọng tâm được nhà văn tập trung soi rọi, tô đậm lên trong tác phẩm.

+ Tư tưởng: là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc.

Cách trả lời:

Đối với dạng câu hỏi nêu chủ đề:

+ Nêu chủ đề của văn bản.

+ Thái độ tình cảm của nhà văn đối với vấn đề đó.

Đối với dạng câu hỏi nêu giá trị tư tưởng:

+ Nêu vấn đề được nói tới trong văn bản.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Thái độ, tình cảm của nhà văn đối với vấn đề đó.

+ Điều tác giả nhắn gửi tới người đọc.

Dạng 4: Lí giải tình cảm, cảm xúc; cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Tình cảm, cảm xúc: là các yếu tố biểu cảm được tác giả thể hiện trong văn bản.

+ Cảm hứng chủ đạo: là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của người đọc.

Cách trả lời:

Đối với dạng câu hỏi nhận xét cảm hứng chủ đạo:

+ Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản.

+ Nhận xét: Đó là cảm hứng ...

Đối với dạng câu hỏi nhận xét tình cảm:

+ Nêu tình cảm của tác giả (chọn: yêu quý, trân trọng, biết ơn, tự hào, ...).

+ Nhận xét: Đó là tình cảm... (chân thành, sâu sắc, đúng đắn; góp phần hình thành và giáo dục nhân cách, lối sống tích cực).

Dạng 5: Phát hiện và lí giải các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.

Cách hỏi: Từ câu văn..... anh/chị hiểu gì về...

Cách trả lời:

+ Nêu nội dung của câu văn.

+ Lí giải vấn đề (ý nghĩa của các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh đối với đời sống con người. Từ đó, mỗi chúng ta phải biết gìn giữ những giá trị văn hóa ấy).

Dạng 6: Lí giải vai trò, ý nghĩa của hình tượng trung tâm trong tác phẩm.

Kiến thức cơ bản: Hình tượng trung tâm trong văn bản giúp cho văn bản thể hiện rõ chủ đề, tư tưởng của tác phẩm, góp phần làm nên thành công về nghệ thuật cho tác phẩm.

Cách trả lời:

+Chỉ ra được hình tượng trung tâm trong văn bản/đoạn trích.

+ Vai trò hình tượng trung tâm trong văn bản/đoạn trích.

Dạng 7: Phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.

Tài liệu ôn tập văn 12

Kiến thức cơ bản:

+ Vai trò của việc kết hợp thủ pháp nghệ thuật miêu tả với trần thuật giúp cho sự kiện và con người trong tác phẩm hiện lên rõ ràng, sinh động, khơi gợi nhiều tình cảm, cảm xúc cho người đọc.

+ Vai trò của sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết giúp cho hồi kí, nhật kí, phóng sự không những làm tròn chức năng thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng. Đọc nhật kí, hồi kí, phóng sự ta không chỉ thấy được sự kiện mà còn thấy được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được hoàn cảnh, tính cách, số phận của nhân vật.

Cách hỏi: Việc kết hợp thủ pháp trần thuật với miêu tả trong đoạn trích/văn bản có tác dụng gì?

Cách trả lời:

+ Chỉ ra thủ pháp trần thuật và miêu tả trong đoạn trích/văn bản.

+ Tác dụng của việc kết hợp hai thủ pháp đó.

VÍ DỤ MINH HỌA CHO CÁC DẠNG CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Ví dụ 1:

Dạng câu hỏi về ý nghĩa của sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình.

Câu hỏi: Phân tích sự kết hợp hai yếu tố tự sự và trữ tình của đoạn văn sau:

“Tôi lớn lên giữa mùi rom rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rom rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi ra nồng nồng khó tả”.

(Nhiều tác giả, *trích Nghĩa tình miền Tây*, Nxb. Hồng Đức, 2002, tr.44).

Trả lời:

- Yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình của đoạn văn trên là:

+ Yếu tố tự sự: *“Tôi lớn lên giữa mùi rom rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rom rạ mà bật khóc.”*

- Yếu tố trữ tình: *“Chao ôi, cái mùi ra nồng nồng khó tả.”*

- Tác dụng:

+ Nghệ thuật: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn văn; tạo sự sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc, người nghe.

+ Nội dung: Giúp tái hiện những kí ức tuổi thơ giản dị, sâu sắc gắn với cánh đồng quê của tác giả, qua đó thể hiện sự quan sát tinh tế gắn bó máu thịt, sự nâng niu, trân trọng của tác giả với quê hương mình.

Dạng câu hỏi nhận xét chủ đề của văn bản

Câu hỏi: Nhận xét về chủ đề của văn bản.

Trả lời:

+Chủ đề của văn bản là: Văn bản thể hiện sự gắn bó của tác giả với những kí ức tuổi thơ, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước của tác giả.

+ Nhận xét: Đó là chủ đề quen thuộc, gần gũi, có ý nghĩa sâu sắc.

Ví dụ 2:

Cho đến nay, dải đất ven sông Hương từ cầu Bạch Hổ lên chùa Thiên Mụ vẫn ấp ủ trong những vườn tược của nó, dáng dấp văn hóa của một trung tâm đô thị Việt Nam cổ. Chính trên mảnh đất này, thành phố Huế đã ra đời từ năm đó - năm 1636 - và Kim Long trở thành thủ phủ nổi tiếng của Đàng Trong trong suốt năm mươi năm tiếp theo. Cuộc sống phồn vinh, văn vẻ của mảnh đất Thuận Hóa trong thời kì này đã được phản ánh một cách khá đầy đủ trong nhiều sách vở tưởng không cần nhắc lại làm gì. Điều thú vị đối với tôi khi đọc lại, ấy là khi họ đến đây, nhiều người nước ngoài đều ngạc nhiên nhận xét rằng phụ nữ Kim Long ăn mặc rất đẹp; lí do là nghề dệt gấm thêu hoa đang thịnh hành khắp các phường thợ ven sông Hương. Có lẽ phụ nữ Huế giỏi thêu thùa, biết mặc đẹp, bắt đầu từ cái thời xa xôi ấy. Nên không lạ gì, một người khách du lịch đã đi nhiều nơi trên thế giới hồi ấy là cố đạo A-lec-xăng đơ Rôt, khi viết về “Kehue” (Kẻ Huế) đã nhắc lại nhiều lần rằng đây là một “thành phố lớn”.

Trước thời các chúa Nguyễn đến cắm đô ở đây, vùng Trung du ven sông Hương này đã xuất hiện những thôn hoa xanh biếc rậm rạp, dân cư sống bằng nghề vườn đã lâu đời. Sau này, như đã nhấn mạnh trong các hồi ký về thành phố Kim Long thời ấy, thì các công thự cũng như nhà riêng, đều được xây cất giữa những khu vườn xanh tươi, đầy các thứ cây quý hoa lạ suu tầm từ khắp về. Đến lượt Phú Xuân, khi đã trở thành kinh đô của cả một đất nước sôi động chiến công dưới thời Quang Trung, Phú Xuân vẫn giữ riêng một phong thái yên tĩnh đầy chất thơ điện dã. Tôi rất cảm mến bà Lê Ngọc Hân, nàng công chúa đất Thăng Long vào đây làm Hoàng hậu, để trở nên một nhà thơ Huế. Vâng, phải là Huế biết mấy mới nhìn thấy được điều này: “Sương mù sắc tím nồng đượm mà hương thơm nức phòng the”. Ôi, tình yêu của bà, cuộc đời của bà, bão táp mà thanh tịnh biết bao nhiêu! Nhà thơ và người anh hùng đã xa khuất, không để lại mộ chí, riêng còn trong câu thơ một nét mặt thành phố trong sáng muôn đời.

[...] Bến đò Trường Thi ngày xưa nay là bãi khoai ngô Hợp tác xã, khu quán chợ nơi Lục Vân Tiên và Cao Bá Quát từng ngồi, bây giờ tĩnh mịch một ngôi chùa cổ, còn Quốc Tử Giám và cả khu hoa viên của Lê Văn Duyệt thì đã ngủ sâu dưới cây trái trong vườn dân. Nhưng mà nếp nhà cũ vẫn còn; cái liêu ở chái trên có vách gỗ, chắn song nhìn ra vườn, nơi mỗi nhà là chốn đèn sách bao đời. An Hiên... Dưới những mái hiên yên tĩnh kia, đã nảy mầm kết trái bao nhiêu điều không ai biết, trong lý tưởng nhân đạo của Nguyễn Du, trong chính khi nổi giận của Cao Bá Quát, trong mộng kinh bang của Nguyễn Công Trứ và lòng Đạo của Nguyễn Đình Chiểu. Còn những nhân vật trường ốc cũ, qua cuộc đời đã trở thành những người dân lành, biết trồng cây, biết đọc sách và biết sống giữ lễ...

Tài liệu ôn tập văn 12

Suốt ba trăm năm mươi năm xây dựng, Huế đã dời chỗ theo một vết dài chừng năm cây số dọc sông Hương, để lại đằng sau nó bản phác thảo đầu tiên của cái mô hình “thành phố vườn” bây giờ. Lịch sử đổi thay, con người đi qua, nhưng những thành phố còn lại. Để trả lời cho các thế hệ tương lai về những kinh nghiệm sống làm giàu có thêm nhân loại...

(Trích *Hoa trái quanh tôi*, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nxb. Trẻ, 1995, trang 26, 27, 28)

Dạng câu hỏi ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu

Câu hỏi: Nêu ý nghĩa của chi tiết “*ba trăm năm mươi năm xây dựng*” trong đoạn trích.

Trả lời:

Chi tiết “*ba trăm năm mươi năm xây dựng*” xuất hiện trong đoạn trích có ý nghĩa:

- + Là yếu tố quan trọng làm cho đoạn văn sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.
- + Nhấn mạnh quá trình hình thành và phát triển đến ngày hôm nay của xứ Huế không hề dễ dàng mà phải vượt qua bao thăng trầm, thử thách của lịch sử, của thời gian.
- + Đồng thời, khẳng định sự trường tồn bất biến của vẻ đẹp và giá trị văn hóa xứ Huế, một vẻ đẹp cổ kính lâu đời mà vẫn hiện đại. Vẻ đẹp và giá trị đó đã vượt lên trên sự thử thách của thời gian, sự biến thiên của lịch sử. Qua đó, tác giả thể hiện niềm tự hào, sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử phát triển của xứ Huế.

Dạng câu hỏi lí giải tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

Câu hỏi: Nhận xét tình cảm của tác giả dành cho quê hương, đất nước được thể hiện trong đoạn trích.

Trả lời:

- Tình cảm của tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho quê hương đất nước được thể hiện trong đoạn trích là:

- + Tác giả yêu quê hương bằng cả trái tim mình, tự hào về quê hương và trăn trở về những đổi thay của quê hương.
- + Ông dành tình yêu thương cho tất cả những gì bình dị, gần gũi của quê hương. Tác giả cũng biết ơn quê hương và những người đã góp phần xây dựng quê hương.

- Nhận xét: tình cảm của tác giả được thể hiện qua hình ảnh, ngôn ngữ mượt mà, giàu chất thơ. Đó là tình cảm chân thành, sâu sắc, mãnh liệt, đáng trân trọng, tự hào và ngợi ca.

Dạng câu hỏi phát hiện và lí giải các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh của văn bản

Câu hỏi: Tác giả đã khẳng định điều gì qua câu văn: “*Lịch sử đổi thay, con người đi qua, nhưng những thành phố còn lại*”.

Trả lời:

Tài liệu ôn tập văn 12

- Câu văn: “*Lịch sử đổi thay, con người đi qua, nhưng những thành phố còn lại*” đã khẳng định: “*đổi thay*”, “*đi qua*”, “*còn lại*” không chỉ là những động từ thể hiện sự biến đổi, dịch chuyển hay sự tiếp tục mà còn ẩn chứa sự đối lập giữa sự trôi chảy, biến đổi với sự bất biến, trường tồn.

- Qua đó, tác giả muốn khẳng định với chúng ta về sự trường tồn, bất biến của những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của thành phố Huế nói riêng và các thành phố khác nói chung. Thời gian vận động, biến đổi không ngừng, các giai đoạn lịch sử sẽ khác đi, các thế hệ con người cũng sẽ thay đổi nhưng vẻ đẹp về văn hóa, cảnh sắc, cốt cách con người Huế thì vẫn còn mãi. Từ đó mỗi chúng ta hãy giữ gìn, bảo vệ những giá trị văn hóa của đất nước.

Ví dụ 3:

...(1) *Và một đêm, bị bà tôi mắng nhiếc tàn tệ, tôi uất ức lắm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Thoát khỏi những sự đau tui giày vò, tâm hồn tôi lại trở nên thư thái đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.*

(2) *Đó là một buổi tối tôi đi học thêm ở nhà một người bạn học, trên con đường vắng về nhà. Dưới ánh trăng bàng bạc bỗng hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lập loáng. Tôi vội chạy theo, nhưng không kêu gọi. Bóng người liền quay lại. Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xoã ra như tơ, pháp phối dưới vành trăng ngọc.*

(3) *Tôi vội nắm lấy hai cánh tay éo lá của người con gái nhỏ tuổi ấy gơ ra đón tôi như trao cho tôi, muốn đưa đi chạy nhảy, múa hát hay nô đùa thế nào thì muốn. Bao nhiêu phút giờ không rõ, tôi và cô bé có một da thịt ấm áp và những tiếng nói âu yếm thơm tho kia đầu tựa vào vai nhau, im lặng trong con mắt nhìn thần thờ như xót thương, như san sẻ, chia đắp cho nhau. Không biết trong lòng cô bé đó có những cảm tưởng gì đương nảy nở. Riêng tôi, tôi thấy hồi hộp, ngực lạnh hẳn đi.*

(4) *Tôi chẳng còn nghĩ đến cảnh đời đầy đoạ của tôi nữa. Lắm phen tôi muốn cất một tiếng nói bên tai cô, nhưng vừa trông qua vẻ mặt dịu hiền với đôi mắt lặng lẽ và những sợi tóc nhẹ nhàng pháp phối kia, tôi lại run sợ, ngồi im. Dần dần, tôi thiu thiu ngủ trong đôi mắt và hơi thở của cô bé mảnh dẻ. Trên bờ đê, ở chỗ chúng tôi ngồi, những vụn lá xoan vàng luôn luôn bay lên, tản mạn ra các nơi. Đồng thời lại có những vụn lá khác như bụi của vành trăng trong biếc loang loáng rơi xuống, rắc cả lên mái tóc chúng tôi và bay cả vào lòng chúng tôi.*

(5) *Thu - tên cô bé mảnh dẻ dịu dàng đã sống với tôi những giây phút êm đềm trong mơ ấy - là một cô học trò bằng trắc tôi. Hàng ngày Thu cùng với tôi đi về một đường. Trường học Thu cách trường học tôi chưa đầy một trăm thước, cách nhau có một bờ hè, một đầu đường và một hàng cây. Muốn tránh sự lồi thối xảy ra cho bọn trò nhỏ (bao giờ gây lỗi cũng là bọn trò trai) bà đốc trường Thu bao giờ cũng để học trò mình về sau. Nhưng tôi cứ lùi lại để gặp Thu, hoặc đứng dưới mái hiên ở đầu đường chờ Thu đi qua.*

(Trích *Trong đêm đông, Những ngày thơ ấu*, Nguyễn Hồng, Nxb. Văn hóa thông tin, 2006, tr.63-65)

Tài liệu ôn tập văn 12

Dạng câu hỏi phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí, nhật kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm

Câu hỏi: Nếu ý nghĩa hình tượng nhân vật tôi trong đoạn trích trên,

Trả lời+ Nhân vật tôi là nhân vật trung tâm của đoạn trích trên. Nhân vật tôi không nhận được tình yêu thương của những người trong gia đình. Bởi vậy mà nhân vật luôn thiếu thốn tình cảm, luôn hi vọng có người che chở, yêu thương và sẻ chia cùng mình.

+ Ý nghĩa: Qua nhân vật tôi, nhà văn bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn của mình thời thơ ấu và những khao khát giản dị, đời thường; làm cho câu chuyện kể lại thêm phần chân thực, sinh động.

Dạng câu hỏi phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản

Câu hỏi: Phân tích sự kết hợp 2 thủ pháp nghệ thuật miêu tả và trần thuật ở đoạn (1) và (2) của văn bản trên.

Trả lời:

- Thủ pháp trần thuật: kể về việc một đêm nhân vật tôi bị bà mắng. Nhân vật tôi khóc tới một hai giờ, rồi nhọc quá và ngủ thiếp đi. Nhân vật tôi đi vào một cảnh mộng. Đó là một buổi tối đi học thêm ở nhà một người bạn học, trên con đường vắng về nhà.

- Thủ pháp miêu tả: Dưới ánh trăng bàng bạc hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lấp loáng... Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xõa ra như tơ, phấp phới dưới vành trăng ngọc.

- Vai trò của sự kết hợp thủ pháp trần thuật, miêu tả và tự sự giúp cho sự kiện nhân vật tôi bị bà mắng nhức thậm tệ và hình tượng nhân vật tôi hiện lên một cách rõ ràng, sinh động. Nhân vật tôi là người thiếu thốn tình cảm, tuổi thơ không mấy tươi đẹp. Qua nhân vật tôi, tác giả khơi gợi sự cảm thông, sẻ chia nơi người đọc.

Câu hỏi: Sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong đoạn (1) của văn bản trên có vai trò gì?

Trả lời:

- Chi tiết sự kiện hiện thực với trải nghiệm: Và một đêm, bị bà tôi mắng nhức tàn tệ, tôi uất ức thâm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ.

- *Yếu tố chủ quan:* Thoát khỏi những sự đau tủi giày vò, tâm hồn tôi lại trở nên thư thái đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.

- Vai trò sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan: giúp cho người đọc thấy được nhân vật tôi là người có số phận bất hạnh, khổ cực, thiếu thốn tình cảm của người

Tài liệu ôn tập văn 12

thân, nhạy cảm và luôn khao khát được yêu thương. Qua đoạn trích ta thấy được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Dạng câu hỏi phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản

Câu hỏi: Phân tích sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích.

Trả lời:

Người kể chuyện là tác giả - nhân vật tham gia vào câu chuyện và kể lại câu chuyện ở ngôi thứ nhất xưng tôi. Điểm nhìn từ bên trong nhân vật.

- Tác dụng:

+ Giúp người đọc hiểu sâu được thế giới nội tâm nhân vật. Làm cho câu chuyện trở nên chân thực.

+ Phù hợp trong việc thể hiện chủ đề của văn bản đó là khao khát được yêu thương, sẻ chia, cảm thông của trẻ thơ.

3. Vận dụng

a. Những yêu cầu cơ bản

- Nêu, đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học. Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản. Rút ra bài học từ tác phẩm.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Nêu ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.

Cách trả lời:

+ Nêu nội dung của văn bản.

+ Bày tỏ suy nghĩ về vai trò/ý nghĩa của vấn đề trong văn bản đối với cuộc sống con người.

Tài liệu ôn tập văn 12

Dạng 2: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.

Cách trả lời:

- + Em có đồng tình/không đồng tình/vừa đồng tình/vừa không đồng tình.
- + Em đồng tình/không đồng tình/vừa đồng tình vừa không đồng tình vì:
- + Thứ nhất là... (lập luận để bảo vệ ý kiến hoặc bác bỏ ý kiến).
- + Thứ hai là... (lập luận để bảo vệ ý kiến hoặc bác bỏ ý kiến).

Lưu ý: Nếu chọn cách trả lời vừa đồng tình vừa không đồng tình thì kết hợp hai cách trả lời trên.

Dạng 3: Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

Cách trả lời:

- + Đánh giá, phê bình tác phẩm:
 - ++ Thành công: về nghệ thuật và nội dung.
 - ++ Hạn chế: nêu ra những điều cảm thấy chưa phù hợp, chưa thỏa mãn, còn băn khoăn.
- + Suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về tác phẩm:
 - ++ Trình bày cảm xúc của cá nhân về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
 - ++ Tác động về mặt nhận thức: Giúp nhận ra giá trị...
 - ++ Tác động về mặt tình cảm: Bồi đắp tình cảm...

Ví dụ:

“Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.

Tôi nhìn ra cái tàu lặn nghiêng đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và người thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lặn ra chết, linh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tinh lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bốn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra

Tài liệu ôn tập văn 12

được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đồi hoa xuân vắng ong mật mà thêm ngấm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.”

(Trích *Tờ hoa*, Tuyển tập Nguyễn Tuân (tập 2), Nxb. Văn học, 1998, trang 5-6)

Dạng câu hỏi nêu ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.

Câu hỏi: Từ nội dung đoạn trích, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của lòng kiên nhẫn?

Trả lời:

- Nêu nội dung của văn bản: Từ đời sống con ong mà nhà văn phát hiện ra bài học cuộc sống về cần lao, về tích lũy, về chế tạo và về sáng tạo trong đó có lòng kiên nhẫn của con người.
- Vai trò của lòng kiên nhẫn: Kiên nhẫn giúp con người có ý chí bền bỉ hơn để theo đuổi mục tiêu, ước mơ; giúp con người xử lí những vấn đề bất ngờ một cách tốt hơn; giúp con người điềm tĩnh hơn, sáng suốt hơn...

Dạng câu hỏi vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

Câu hỏi: Em có suy nghĩ gì sau khi đọc văn bản *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân?

Trả lời:

- Đó là một tác phẩm có nội dung, nghệ thuật hấp dẫn và ý nghĩa vô cùng sâu sắc.
- +Về giá trị nội dung: Tác phẩm khắc họa hình tượng sông Đà vừa hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình và hình tượng người lái đò Tây Bắc trí dũng, tài hoa. Từ đó khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.
- +Về giá trị nghệ thuật:
 - ++ Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.
 - + +Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.
 - + +Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình...

Tài liệu ôn tập văn 12

-Từ tác phẩm, em nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động. Qua đó, em càng thêm yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương, đất nước và con người.

II. ĐỀ MINH HỌA ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Đọc đoạn trích sau:

(1) Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh canh hến của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu nước sông Đà từ từ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đề nghị con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lêu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(2) Con sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn sông Đà như một cố nhân. Chuyện ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thềm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một mẫu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt hả Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra sông Đà, đúng thế, nó dầm dề ám ám như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”...

(Trích Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.190-191)

Thực hiện hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Trong đoạn trích, tác giả đã miêu tả sự thay đổi sắc nước sông Đà qua những mùa nào?

Câu 2. Xác định yếu tố hư cấu trong đoạn (1).

Câu 3. Nêu chủ đề của đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với con người?

Trả lời:

Câu 1. Theo tác giả, sông Đà thay đổi sắc nước qua những mùa Xuân, Thu.

Câu 2. Yếu tố hư cấu trong đoạn (1) là:

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.,

+ Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về

Câu 3. Chủ đề của đoạn trích là:

- Qua việc miêu tả con sông Đà từ trên cao nhìn xuống và từ trong rừng đi ra, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của Đà giang, của quê hương, đất nước.

Câu 4.

- Thông điệp có ý nghĩa nhất với em là mỗi chúng ta phải biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

- Thông điệp trên có ý nghĩa đối với em vì:

+ Quê hương đất nước là nơi gắn bó máu thịt với mỗi con người. Vì vậy, chúng ta phải biết trân trọng.

+ Khi trân trọng vẻ đẹp quê hương, đất nước, chúng ta mới có ý thức giữ gìn, xây dựng và bảo vệ cho quê hương, đất nước giàu đẹp.

+ Nếu không biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa.

Câu 5.

- Nội dung của văn bản: Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp thơ mộng trữ tình, gợi cảm, tươi mới, độc đáo của dòng sông Đà. Qua đó ta thấy được tình yêu quê hương đất nước của nhà văn.

- Vai trò của quê hương: Quê hương không chỉ nuôi lớn chúng ta về mặt thể chất mà nuôi dưỡng những tình cảm đẹp đẽ cho tâm hồn mỗi người. Quê hương dạy chúng ta biết yêu thương, gắn bó với những người thân yêu...

B. KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC 200 CHỮ

(VỀ VĂN BẢN TRUYỆN, KÍ)

I. YÊU CẦU CHUNG

Trong cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025, viết đoạn văn nghị luận là yêu cầu thứ nhất trong phần Viết. Phần nội dung này chiếm 20% số điểm toàn bài (2,0 điểm/10,0 điểm). Để đạt được 2,0 điểm, cần đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo hình thức, dung lượng đoạn văn.

- Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.

- Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.

Tài liệu ôn tập văn 12

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

3. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.

- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.
- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.

4. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:

- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận (theo từng đề bài cụ thể).

- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.

- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.

5. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.

6. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

II. YÊU CẦU CỤ THỂ

1. Yêu cầu viết đoạn văn thường đề cập đến những phương diện sau

- Nhận xét, đánh giá một phương diện nội dung: nhan đề, chủ đề, vẻ đẹp nhân vật,...

- Nhận xét, đánh giá một phương diện nghệ thuật: đặc sắc nghệ thuật, hình ảnh, chi tiết, điểm nhìn, ngôi kể, lời nhân vật (đối thoại, độc thoại), cách kết thúc,...

2. Ví dụ:

+ Đánh giá về chủ đề của tác phẩm.

+ Suy nghĩ về một phẩm chất của nhân vật.

+ Phân tích tâm trạng của nhân vật trong một đoạn văn nào đó (ví dụ: Phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn văn phần kết truyện *Dưới bóng Hoàng Lan* của Thạch Lam).

+ Phân tích một biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong đoạn trích/tác phẩm.

+ Phân tích ý nghĩa của một hoặc một số câu văn trong đoạn trích/tác phẩm.

+ Trình bày suy nghĩ về một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân rút ra từ tác phẩm.

+ Phân tích một chi tiết trong truyện (ví dụ: chi tiết bát cháo hành trong tác phẩm *Chí Phèo*, nòi chè khoán trong tác phẩm *Vợ Nhặt*).

+ Phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện.

+ Phân tích một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong đoạn trích/tác phẩm.

+ Nhận xét cách xây dựng cốt truyện, tình huống truyện, lời kể, chi tiết, lời thoại.

+ Nhận xét cách kết thúc truyện.

+ Phân tích vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba, ngôi thứ nhất.

III. QUY TRÌNH VIẾT ĐOẠN VĂN

Bước 1. Viết mở đoạn: căn cứ vào đề bài để dẫn dắt và nêu được đúng vấn đề nghị luận, đánh giá vấn đề (có thể mở đoạn trực tiếp hoặc gián tiếp).

Tài liệu ôn tập văn 12

Bước 2. Viết các câu phát triển đoạn: phân tích, nhận xét, đánh giá về vấn đề mà đề bài yêu cầu (phần trọng tâm của đoạn văn).

Thường theo quy trình sau:

- **Giải thích vấn đề** (thường là các thuật ngữ văn học: tình huống truyện, cốt truyện, chi tiết, phong cách, ...). Tùy vào từng yêu cầu của đề, không nhất thiết đề nào cũng phải giải thích.
- **Miêu tả hình ảnh, chi tiết;** câu văn, đoạn văn nêu phẩm chất; kể tình huống,...
- **Phân tích, nhận xét, đánh giá** ý nghĩa của các hình ảnh, chi tiết; câu văn, đoạn văn; phẩm chất, tình huống trong việc thể hiện nội dung, vẻ đẹp nhân vật, chủ đề của tác phẩm (phân tích các phương diện đó thông qua các yếu tố nghệ thuật).

Bước 3. Viết kết đoạn: khẳng định lại giá trị của vấn đề (vấn đề đó đã góp phần quan trọng làm nổi bật chủ đề của tác phẩm; thể hiện tài năng, đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của tác giả; rút ra thông điệp đối với bạn đọc).

C. KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC 600 CHỮ **(VỀ VĂN BẢN TRUYỆN, KÍ)**

I. YÊU CẦU CHUNG

- 1. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:** nghị luận văn học.
- 2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.**
- 3. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:**
 - Xác định được các ý chính của bài viết.
 - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận.
- 4. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:**
 - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.
 - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.
 - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
- 5. Diễn đạt:** Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
- 6. Sáng tạo:** Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

II. YÊU CẦU CỤ THỂ

QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN

1. Dàn ý chung

Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận (Nếu là đoạn trích thì trích dẫn),

Thân bài:

- Khái quát chung: hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, chủ đề.

Tài liệu ôn tập văn 12

- Phân tích những nét đặc sắc về nội dung: chủ đề, nhân vật.
- Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật: tình huống truyện, ngôi kể, điểm nhìn, nghệ thuật xây dựng nhân vật, chi tiết nghệ thuật,...
- Liên hệ, mở rộng: so sánh, đối chiếu với các tác phẩm khác.

Đánh giá chung.

Kết bài: Khẳng định lại giá trị của tác phẩm, tài năng nghệ thuật của nhà văn.

2. Đề minh họa:

Đề 1:

“Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đẽ ngựa con sông ta ra đồ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dàng đấy, rồi lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”.

(Trích Người lái đò Sông Đà, Nguyễn Tuân, SGK Ngữ văn 12,

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về sự độc đáo trong cách miêu tả Sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

- **Gợi ý đáp án:**

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).
- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Nguyễn Tuân là một cây bút tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác, các tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn để lại ấn tượng khó quên trong lòng người đọc.
- Người lái đò Sông Đà được trích từ tập Tùy bút Sông Đà là kết quả của chuyến đi thực tế Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc. Tại đây, ông đã cảm nhận được thiên nhiên vừa dữ dội vừa trữ tình cùng với chất vàng mười trong tâm hồn người dân nơi đây.
- Khái quát vấn đề: Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét về sự độc đáo trong cách miêu tả Sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

II. Phân tích

1. Phân tích đoạn trích – Vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà.

- Trước đó nhà văn đã khám phá và thể hiện vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội của Đà giang với cảnh đá bờ sông dựng vách thành, những cái hút nước hay những trùng vi thạch trận trên mặt sông... ở phương diện này sông Đà hiện lên như một thứ kẻ thù số 1 với tâm địa độc ác, nham hiểm luôn

Tài liệu ôn tập văn 12

muốn tiêu diệt những người lái đò. Trong đoạn văn này nhà văn tập trung thể hiện vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình độc đáo của con sông.

- Từ điểm nhìn trên cao, Sông Đà có vẻ đẹp duyên dáng, mềm mại, yêu kiều.

+ Sông Đà thướt tha, duyên dáng, đầy nữ tính như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc: Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói Mèo đốt nương xuân....

+ Sông Đà có sự thay đổi kì diệu màu nước theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng: Mùa xuân – “dòng xanh ngọc bích”; mùa thu – “nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ”.

- Từ điểm nhìn gần hơn – điểm nhìn của một người đi rừng lâu ngày bất ngờ gặp lại con sông, Sông Đà gợi cảm, Sông Đà “như một cố nhân”.

+ Sông Đà lung linh, thơ mộng, mang đậm vẻ đẹp Đường Thi.

+ Sông Đà gợi niềm vui, đem lại cảm giác “đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân” cho con người.

- Hình tượng Sông Đà được cảm nhận bằng ngôn ngữ tinh tế, giàu chất thơ; câu văn nhịp nhàng; hình ảnh bay bổng, lãng mạn; sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh... tạo những liên tưởng độc đáo thú vị, làm nổi bật vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của dòng sông.

- Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của nhà văn.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo...

+ Sử dụng từ láy gợi hình gợi cảm.

+ Câu văn giàu nhịp điệu, ngôn ngữ trong sáng đậm chất thơ...

2. Nhận xét nét độc đáo trong cách miêu tả sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Nhà văn nhìn Sông Đà không chỉ là một dòng sông tự nhiên, vô tri vô giác mà còn là một sinh thể có sự sống, có tâm hồn, tình cảm. Với Nguyễn Tuân, sông Đà nói riêng, thiên nhiên Tây Bắc nói chung cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Vẻ đẹp của Sông Đà hòa quyện vào vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc nên càng trở nên đặc biệt. ...

- Cách miêu tả độc đáo này cho thấy Nguyễn Tuân có sự gắn bó sâu nặng, tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên Tây Bắc, với quê hương đất nước, đồng thời cho thấy được ngòi bút tài hoa, uyên bác, lịch lãm của ông...

III. Kết luận

Tài liệu ôn tập văn 12

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

Đề 2:

“Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sừng như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “Bốn bề núi phủ mây phong - Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...”

(Trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về chất trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

• Gợi ý đáp án:

Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

I. Giới thiệu chung

- Hoàng Phủ Ngọc Tường là một nhà văn am hiểu về Huế. Ông có sở trường về bút kí. Các sáng tác của ông thể hiện sự tài hoa và uyên bác.
- Ai đã đặt tên cho dòng sông được sáng tác sau đại thắng mùa xuân 1975 nên vẫn còn khí thế chủ nghĩa anh hùng. Tác phẩm thể hiện tình yêu của tác giả với thành phố Huế thân thương.
- Khái quát vấn đề: Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông và nhận xét về chất trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

II. Phân tích

1. Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Hương trong đoạn trích.

- Sông Hương mang vẻ đẹp kiều diễm, nữ tính của một người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại chờ người tình mong đợi đến đánh thức. Hình ảnh này gợi liên tưởng đến nàng công chúa xinh đẹp ngủ trong rừng, chờ đợi hoàng tử đến hóa giải lời nguyền trong câu chuyện nhuộm màu cỏ tích.
- Sông Hương mang vẻ đẹp thanh tân, tràn đầy sức sống của một thiếu nữ bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ dài. Dòng sông bắt đầu về xuôi tựa như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai. Vì thế, nó chuyển dòng liên tục, vòng giữa những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, vượt qua khá nhiều gian truân, thử thách và hàng loạt chướng ngại vật: điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản, thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán, đồi Thiên Mụ... Trong hành trình ấy, sông Hương lại có cơ hội thể hiện tất cả vẻ đẹp gợi cảm của mình với những đường cong mềm mại như tấm lụa, với sắc nước xanh thẳm, với những mảng phản quang nhiều màu sắc “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” trên nền trời thành phố.
- Sông Hương mang vẻ đẹp trầm mặc, như triết lí, như cổ thi khi chảy qua những đám quần sơn lô xô, giữa giấc ngủ nghìn năm, với những lăng tẩm đồ sộ của vua chúa thời Nguyễn được phong kín trong những rừng thông u tịch và trong ngân vang của tiếng chuông chùa Thiên Mụ. Vẻ đẹp

Tài liệu ôn tập văn 12

ấy gợi nhớ và phảng phất bóng dáng của những người cung nữ, những người con gái Huế ngày xưa.

- Vẻ đẹp của hình tượng sông Hương được thể hiện bằng ngôn ngữ tinh tế, giàu chất thơ; lối hành văn hướng nội, mê đắm, tài hoa; nghệ thuật so sánh, nhân hóa, những liên tưởng độc đáo, sáng tạo...

2. Nhận xét về chất trữ tình trong bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Chất trữ tình được thể hiện trước hết qua việc khám phá vẻ đẹp thơ mộng của sông Hương. Nhà văn không chỉ tái hiện lại một cách chân thực dòng chảy địa lí tự nhiên của con sông mà quan trọng hơn là biến thủy trình ấy thành “hành trình đi tìm người yêu” của một người con gái đẹp, duyên dáng và tình tứ.

- Chất trữ tình còn được thể hiện ở ngôn ngữ nghệ thuật gợi hình, gợi cảm, đậm màu sắc; lối hành văn súc tích, hướng nội và cái tôi đầy cảm xúc của tác giả.

III. Kết luận

- Khái quát lại vấn đề.

- Giá trị nội dung, nghệ thuật.

*****Hết*****

KHÁI QUÁT VỀ THỂ LOẠI KỊCH



1. Khái lược về kịch:

a. Khái niệm:

Kịch là loại hình nghệ thuật tổng hợp. Có sự tham gia của nhiều yếu tố, nhiều người thuộc các lĩnh vực khác nhau: tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, nhạc công, họa sĩ thiết kế...

Phân biệt kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu (kịch):

- Kịch bản văn học là tác phẩm văn học, có đầy đủ đặc điểm của nghệ thuật ngôn từ. Còn sân khấu thuộc nghệ thuật biểu diễn.
- Kịch bản văn học viết ra là để biểu diễn nên cũng đậm chất sân khấu. Vì thế khi xem xét kịch bản văn học một mặt phải xem nó như 1 tác phẩm nghệ thuật, mặt khác không thể tách rời nó khỏi nghệ thuật sân khấu mới thấy hết được những đặc trưng của nó.

b. Đặc trưng của kịch:

- Xung đột và cách giải quyết xung đột:

+ Xung đột: là biểu hiện cao nhất sự phát triển mâu thuẫn giữa các lực lượng, các cá tính trong vở kịch. Tạo nên kịch tính, thúc đẩy sự phát triển hành động kịch, bộc lộ tính cách nhân vật

- Tập trung miêu tả xung đột trong đời sống (Xung đột là cơ sở của kịch – Pha đê ép)
- Có 2 loại xung đột: Xung đột bên ngoài (NV này với NV khác, NV với gia đình, dòng họ..), xung đột bên trong (xung đột trong nội tâm NV)

+ Xung đột phát triển đến cao trào à giải quyết (mở nút) à Tư tưởng tác phẩm.

? Thế nào là xung đột kịch? Đặc trưng này tạo nên điểm khác nhau như thế nào giữa kịch với truyện và thơ? Trong vở kịch VNT có những xung đột nào?

Có 2 xung đột chính:

- Xung đột giữa giai cấp thống trị thối nát, xa hoa, trụy lạc >< nd đau khổ, làm than;

Tài liệu ôn tập văn 12

- Giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời >< lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân.

- Hành động kịch: là sự tổ chức các tình tiết, sự kiện, biến cố trong cốt truyện theo một trình tự logic, chặt chẽ, chủ yếu theo quy luật nhân quả.

Được miêu tả căng thẳng, gấp gáp. Hết hành động này đến hành động khác, ngay cả khi thực hiện những hành động suy tư, ngẫm nghĩ cũng diễn ra rất nhanh.

- Nhân vật kịch: Luôn ở trạng thái căng thẳng (xúc động, xao xuyến, chờ đợi, lo lắng), được xây dựng bằng ngôn ngữ.

àMối quan hệ: Xung đột kịch được cụ thể hóa thành hành động kịch. Nhân vật kịch là người thực hiện các hành động kịch.

- Ngôn ngữ kịch:

+ Đặc điểm:

- Khắc họa tính cách: Ngôn ngữ biểu hiện đặc điểm, tính cách, phẩm chất của nhân vật, “ cá tính hóa”

VD: Lời thoại của Rô- mê – ô (mạnh mẽ, kiên quyết, dứt khoát trong sự lựa chọn)

- Ngôn ngữ mang tính hành động: thể hiện tranh luận, tấn công, chống đỡ, thuyết phục, cầu khẩn, đe dọa, ra lệnh...

VD: Lời thoại của Đan Thiềm

- Tính khẩu ngữ cao: gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày.

VD: “Làm gì mà quàng quạc cái mồm lên thế. Ông đánh ựa com ra bây giờ” (Chèo Bài ca giữ nước của Tào Mạt); Cái chi nghe kinh người, Giống vật không biết nhục (Vũ Như Tô)

+ Có 3 loại: Đối thoại, độc thoại (nhân vật tự bộc bạch tâm sự của mình, có khi hướng tới 1 ai đó: Ju-li-et nói 1 mình trong đêm khuya), bàng thoại.

Đối thoại là nói với nhau, là lời đối đáp qua lại giữa các nhân vật. Đây là dạng ngôn ngữ chủ yếu trong kịch. Các lời đối thoại trong kịch phải sắc sảo, sinh động và có tác dụng hỗ tương với nhau nhằm thể hiện kịch tính.

Độc thoại là lời nhân vật tự nói với mình, qua đó bộc lộ những dằn vặt nội tâm và những ý nghĩa thâm kín. Đây là biện pháp quan trọng nhất nhằm biểu hiện nội tâm nhân vật nhưng không phải là biện pháp duy nhất. Để biểu hiện nội tâm, bên cạnh độc thoại, người ta có thể thay thế bằng những phút yên lặng, những tiếng vọng, tiếng đế...

Bàng thoại là nói với khán giả. Có khi đang đối đáp với một nhân vật khác, bỗng dừng nhân vật tiến gần đến và hướng về khán giả nói vài câu để phân trần, giải thích một cảnh ngộ, một tâm trạng cần được chia sẻ, một điều bí mật: loại này chiếm tỉ lệ thấp trong ngôn ngữ kịch.

c. Phân loại:

- Về nội dung, ý nghĩa của xung đột có thể chia kịch ra làm 3 loại: hài kịch, bi kịch, chính kịch

Bi kịch là một thể loại kịch mà xung đột chủ yếu nằm ở giữa "yêu sách tất yếu về mặt lịch sử và tình trạng không tài nào thực hiện được điều đó trong thực tế" (Engel). Bi kịch đưa lên sân khấu những con người lương thiện, dũng cảm, có những ham muốn mãnh liệt với những cuộc đấu tranh căng thẳng, khốc liệt đối với cái ác, cái xấu nhưng do điều kiện lịch sử, họ phải chịu thất bại. Thất bại của họ gọi lên ở khán giả "sự xót thương và sự sợ hãi để thanh lọc tình cảm" (Aristote) hoặc "để ca ngợi, biểu dương ý chí luôn luôn vươn lên của con người trước những sức mạnh mù quáng của các thế lực hắc ám"(Biêlinxki).

Hài kịch là thể loại kịch nói chung được xây dựng trên những xung đột giữa các thế lực xấu xa tìm cách che đậy mình bằng những lớp sơn hào nhoáng, giả tạo bên ngoài. Tính hài kịch tạo ra từ sự mất cân xứng, hài hòa của nhân vật. Trong một số hài kịch, có những nhân vật tích cực thể hiện lí tưởng tiến bộ, nhưng nhìn chung nhân vật hài kịch là những nhân vật tiêu cực có nhiều thói hư tật xấu. Tiếng cười trong hài kịch có tác dụng giải thoát cho con người khỏi những thói xấu, có tác dụng trau dồi phong hóa, giáo dục đạo đức và thẩm mỹ.

Chính kịch còn gọi là kịch drame, đề cập đến mọi mặt của đời sống con người, đó là con người toàn vẹn, không bị cắt xén hoặc chỉ tô đậm ở nét bi hoặc hài. Shakespeare là người đầu tiên đã thể hiện thành công cho loại kịch có sự pha trộn giữa bi và hài này. Dần dần chính kịch phát triển mạnh vì thích hợp hơn với cuộc sống và con người hiện đại. [1]

Một số tác phẩm thuộc thể loại kịch: Chèo Quan Âm Thị Kính (Lớp 7), ĐT ông Giuốc-đanh mặc lễ phục (Hài kịch-Molie), Bắc Sơn (kịch nói-NHTướng), Tôi và chúng ta (kịch nói-LQV), R và J, Vũ Như Tô

Đặc trưng của kịch

Câu trả lời đúng nhất: Đặc trưng của kịch gồm có kịch xung đột, hành động kịch, nhân vật kịch, ngôn ngữ kịch. Vậy để hiểu rõ về kịch mời cùng theo dõi bài đọc dưới đây nhé!

Mục lục nội dung

1. Khái niệm kịch

2. Đặc trưng thể loại của văn học kịch

3. Phân loại kịch

1. Khái niệm kịch

- Kịch là loại hình nghệ thuật tổng hợp. Có sự tham gia của nhiều yếu tố, nhiều người thuộc các lĩnh vực khác nhau: tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, nhạc công, họa sĩ thiết kế...

Tài liệu ôn tập văn 12

- Phân biệt kịch văn học và kịch biểu diễn:

+ Kịch bản văn học là tác phẩm văn học, có đầy đủ đặc điểm của nghệ thuật ngôn từ. Còn sân khấu thuộc nghệ thuật biểu diễn.

+ Kịch bản văn học viết ra là để biểu diễn nên cũng đậm chất sân khấu. Vì thế khi xem xét kịch bản văn học một mặt phải xem nó như một tác phẩm nghệ thuật, mặt khác không thể tách rời nó khỏi nghệ thuật sân khấu mới thấy hết được những đặc trưng của nó.



2. Đặc trưng thể loại của văn học kịch

a. Xung đột

- Khái niệm: Là biểu hiện cao nhất sự phát triển mâu thuẫn giữa các lực lượng, các cá tính trong vở kịch, từ đó tạo ra sự kịch tính, thúc đẩy sự phát triển hành động kịch, bộc lộ tính cách nhân vật.

- Xung đột là cơ sở của kịch.

- Phân loại: có hai loại là xung đột bên ngoài và xung đột bên trong

+ Xung đột bên ngoài là xung đột giữa các nhân vật.

+ Xung đột bên trong là xung đột trong nội tâm nhân vật.

b. Hành động kịch

- Hành động kịch là sự tổ chức các tình tiết, sự kiện, biến cố trong cốt truyện theo một trình tự logic, chặt chẽ, chủ yếu theo quy luật nhân quả.

- Hành động kịch được miêu tả căng thẳng, gấp gáp, hết hành động này đến hành động khác, ngay cả khi thực hiện những hành động suy tư, ngẫm nghĩ cũng diễn ra rất nhanh.

c. Nhân vật kịch

- Luôn ở trạng thái căng thẳng (xúc động, xao xuyến, chờ đợi, lo lắng), được xây dựng bằng ngôn ngữ.

- Xung đột kịch được cụ thể hóa thành hành động kịch. Nhân vật kịch là người thực hiện các hành động kịch.

d. Ngôn ngữ kịch

- Khái niệm: Ngôn ngữ biểu hiện đặc điểm, tính cách, phẩm chất của nhân vật, “cá tính hóa”.

- Đặc điểm:

+ Tính hành động: thể hiện tranh luận, tấn công, chống đỡ, thuyết phục, cầu khẩn, đe dọa, ra lệnh...

+ Tính khẩu ngữ cao: gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày.

- Phân loại:

+ Đối thoại: là lời đối đáp giữa các nhân vật

+ Độc thoại: là lời nhân vật tự nói với mình

+ Bàn thoại: lời nhân vật nói với khán giả

3. Phân loại kịch

Tài liệu ôn tập văn 12

Dựa vào loại hình xung đột, mục đích cuộc đấu tranh của nhân vật trung tâm, tình cảm thâm mĩ trong tiếp nhận nghệ thuật, người ta chia kịch thành ba thể: bi kịch, hài kịch, chính kịch (hay còn gọi là kịch đram).

- Bi kịch là một thể của kịch, đối lập với hài kịch. Bi kịch phản ánh những mâu thuẫn, xung đột căng thẳng không thể giải quyết trong đời sống hiện thực, vì thế được kết thúc bằng sự thảm bại, hoặc cái chết của nhân vật. Nhân vật của bi kịch bao giờ cũng là con người lương thiện, dũng cảm, anh hùng, cao thượng, đấu tranh vì mục đích tốt đẹp, vì lí tưởng cao quý, nhưng điều kiện khách quan chưa cho phép thực hiện. Cái chết hoặc sự thảm bại của nhân vật mang lại cho độc giả và khán giả sự thanh lọc tâm hồn.

- Hài kịch là một thể của kịch, đối lập với bi kịch. Đối tượng thể hiện của hài kịch là cái xấu, cái không có giá trị, không có nội dung, nhưng luôn tỏ ra là có nội dung, có giá trị. Các tính cách, hành động và tình huống được trình bày trong hài kịch dưới hình thức cười cợt hoặc thâm đậm chất hài. Ở các nhân vật hài kịch, phẩm chất bên trong không tương xứng với vị trí, thân phận của nó, và do vậy nó đáng là nạn nhân của tiếng cười. Hài kịch tạo ra tiếng cười hả hê, sảng khoái, thể hiện thái độ châm biếm, đả kích, vạch trần cái xấu, cái què quặt, méo mó của nhân cách hoặc hoàn cảnh xã hội để góp phần hoàn thiện con người và đời sống. Hài kịch sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật như nói mỉa, chơi chữ, phóng đại, tăng cấp, tương phản, đối lập... Phạm vi của hài kịch rất rộng, từ châm biếm chính trị đến hài hước vui nhộn nhẹ nhàng. Dựa vào nội dung, hài kịch có thể chia thành hai thể nhỏ: hài kịch tình huống và hài kịch tính cách.

- Chính kịch còn gọi là kịch đram, hoặc kịch, là thể trung gian giữa bi kịch và hài kịch. Nó ra đời vào thế kỉ XVIII trong sáng tác của chủ nghĩa Khai sáng nhằm chống lại tính phiến diện của hài kịch và bi kịch cổ điển. Đối tượng phản ánh của chính kịch là cái hằng ngày, thường ngày vẫn diễn ra trong đời sống hiện tại của xã hội. Mâu thuẫn, xung đột được phản ánh trong chính kịch gay gắt, căng thẳng, nhưng không phải là không thể giải quyết. Nhân vật của chính kịch là những con người bình thường, trong đó có cái cao cả đồng thời cũng có sự thấp hèn. Thể hiện một nội dung như thế, chính kịch phá vỡ những khuôn phép luật lệ của kịch truyền thống, tạo ra những cách tân táo bạo. Đây là hình thức thể loại phù hợp với đời sống của thời hiện đại. Các vở kịch *Đội kịch chim chèo béo* của Nguyễn Văn Niêm, *Lòng dân* của Nguyễn Văn Xe, *Lời thề thứ 9*, *Khoảnh khắc và vô tận*, *Tôi và chúng ta*, *Lời nói dối cuối cùng* của Lưu Quang Vũ, *Cuộc chiến đấu thầm lặng*, *T5 hành động*, *Người tìm thuốc trường sinh*, *Kiểm khách Linh Sơn Tự* của Nguyễn Trí Công... thuộc loại này.

Đề bài

Tổng hợp và đối chiếu các thông tin cơ bản về hai văn bản đã được học trong bài theo các gợi ý sau: nhân vật, xung đột, tình huống, hành động, kết cấu, thủ pháp trào phúng, ngôn từ (có thể lập bảng)

Phương pháp giải :

Vận dụng tri thức Ngữ văn về thông tin của văn bản hài kịch

Tài liệu ôn tập văn 12

Lời giải chi tiết :

Tổng hợp và đối chiếu các thông tin cơ bản về hai văn bản đã học trong bài:

Văn bản 1: [Tên văn bản 1]

Văn bản 2: [Tên văn bản 2]

Gợi ý:

Yếu tố

Văn bản 1

Văn bản 2

Đối chiếu

Nhân vật

- [Liệt kê nhân vật chính, phụ]

- [Liệt kê nhân vật chính, phụ]

Tài liệu ôn tập văn 12

- So sánh số lượng, tính cách, vai trò của nhân vật

Xung đột

- [Mô tả xung đột chính]
- [Mô tả xung đột chính]
- So sánh tính chất, mức độ, nguyên nhân của xung đột

Tình huống

- [Mô tả các tình huống tiêu biểu]
- [Mô tả các tình huống tiêu biểu]
- So sánh tính logic, éo le, bất ngờ của tình huống

Hành động

- [Mô tả hành động tiêu biểu của nhân vật]
- [Mô tả hành động tiêu biểu của nhân vật]

Tài liệu ôn tập văn 12

- So sánh tính hợp lý, ý nghĩa của hành động

Kết cấu

- [Phân tích kết cấu]
- [Phân tích kết cấu]
- So sánh mạch logic, cách sắp xếp các phần

Thủ pháp trào phúng

- [Liệt kê các thủ pháp trào phúng]
- [Liệt kê các thủ pháp trào phúng]
- So sánh hiệu quả, mục đích sử dụng các thủ pháp

Ngôn từ

- [Phân tích đặc điểm ngôn từ]
- [Phân tích đặc điểm ngôn từ]

Tài liệu ôn tập văn 12

- So sánh tính biểu cảm, gợi hình, hiệu quả của ngôn từ

Lưu ý:

Bảng trên chỉ là ví dụ, bạn có thể bổ sung thêm các yếu tố khác cho phù hợp với hai văn bản cụ thể.

Nên sử dụng dẫn chứng cụ thể từ tác phẩm để minh họa cho các ý phân tích.

Trình bày bảng rõ ràng, khoa học, dễ hiểu.

Ví dụ:

Văn bản 1: Chuyện chức phán sự đền Tản Viên (trích "Truyện kỳ mạn lục" - Nguyễn Dữ)

Văn bản 2: Lão Hạc (Nam Cao)

Yếu tố

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

Lão Hạc

Tài liệu ôn tập văn 12

Đôi chiếu

Nhân vật

- Quan Âm - Chức phán sự - Con Tích - Vợ Tích

- Lão Hạc - Binh Tư - Ông giáo - Cậu Vàng - Chó Vàng

- Chuyện chức phán sự có ít nhân vật hơn, tập trung vào các nhân vật chính. Lão Hạc có nhiều nhân vật phụ, góp phần làm nổi bật tính cách và hoàn cảnh của nhân vật chính.

Xung đột

- Xung đột giữa cái thiện và cái ác, giữa công lý và bất công

- Xung đột nội tâm của Lão Hạc giữa tình yêu thương con và hoàn cảnh bản cùng

- Xung đột trong Chuyện chức phán sự mang tính chất xã hội. Xung đột trong Lão Hạc mang tính chất nội tâm.

Tình huống

- Chức phán sự xử kiện công bằng cho con Tích

- Lão Hạc bán chó, dẫn vật lương tâm, gửi tiền cho ông giáo

Tài liệu ôn tập văn 12

- Tình huống trong Chuyện chức phán sự mang tính li kỳ, kỳ ảo. Tình huống trong Lão Hạc mang tính hiện thực, đời thường.

Hành động

- Quan Âm hóa phép giúp con Tích

- Lão Hạc bán chó, dặn dò ông giáo, tự tử

- Hành động của Quan Âm thể hiện sự trừng phạt cái ác, bảo vệ cái thiện. Hành động của Lão Hạc thể hiện tình yêu thương con sâu sắc, sự bế tắc trước hoàn cảnh và phẩm chất cao đẹp.

Kết cấu

- Mở đầu, diễn biến, kết thúc

- Mở đầu, diễn biến, kết thúc

- Kết cấu hai văn bản đều có ba phần rõ ràng.

Thủ pháp trào phúng

- Châm biếm, mỉa mai

Tài liệu ôn tập văn 12

- Châm biếm, mỉa mai, giọng văn u buồn

- Chuyện chức phán sự sử dụng nhiều thủ pháp

Đề bài

Thảo luận về đề tài: Theo bạn, điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau.

Phương pháp giải :

Vận dụng tri thức vốn có và khả năng tổng hợp thông tin.

Lời giải chi tiết :

-Yếu tố tạo nên sức sống:

Tính nhân văn: Vở hài kịch đề cập đến những vấn đề chung của con người, những giá trị nhân văn cao đẹp, những bài học đạo đức sâu sắc, bất chấp thời gian và không gian.

Tính hài hước: Khả năng chọc cười khán giả thông qua các tình huống, hành động, lời nói dí dỏm, hóm hỉnh, phù hợp với thị hiếu và bối cảnh tiếp nhận.

Tính phê phán những tệ nạn xã hội, những thói hư tật xấu của con người một cách nhẹ nhàng, tinh tế, nhưng sâu cay và hiệu quả.

Tính nghệ thuật: Kịch bản chặt chẽ, logic, ngôn ngữ sinh động, giàu tính biểu cảm, diễn xuất tài tình của diễn viên.

Tài liệu ôn tập văn 12

-Sức sống trong các bối cảnh tiếp nhận:

Khả năng thích ứng: Vở hài kịch có thể được chỉnh sửa, điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh xã hội, văn hóa và thị hiếu khán giả của từng thời đại.

Giá trị nhân văn trường tồn: Những giá trị nhân văn cao đẹp, những bài học đạo đức sâu sắc vẫn giữ nguyên giá trị và ý nghĩa giáo dục.

Tính giải trí: Vở hài kịch mang đến tiếng cười sảng khoái, giúp khán giả giải tỏa căng thẳng, thư giãn tinh thần.

Ví dụ:

Vở hài kịch "Lôi Vũ" của nhà văn Tào Ngưu (Trung Quốc) vẫn được yêu thích và dàn dựng ở nhiều quốc gia, dù đã được sáng tác từ hơn 100 năm trước.

Vở hài kịch "Số đỏ" của nhà văn Vũ Trọng Phụng (Việt Nam) vẫn giữ nguyên tính châm biếm sâu cay đối với xã hội thực dân nửa phong kiến, dù đã được xuất bản từ hơn 80 năm trước.

Kết luận:

Sức sống của vở hài kịch không chỉ nằm ở tính hài hước, mà còn ở tính nhân văn, tính châm biếm và tính nghệ thuật. Vở hài kịch có khả năng thích ứng với các bối cảnh tiếp nhận khác nhau, mang đến tiếng cười và giá trị giáo dục cho khán giả qua các thời đại.

Đề bài

Tìm đọc thêm một số vở hài kịch; nêu nhận xét khái quát về nét đặc sắc nghệ thuật của từng vở hài kịch đã đọc.

Tài liệu ôn tập văn 12

Phương pháp giải :

Phương pháp thu thập thông tin.

Lời giải chi tiết :

*"Lôi Vũ" (Tào Ngưu - Trung Quốc):

-Nét đặc sắc:

Khắc họa sinh động những mâu thuẫn trong gia đình tư sản Trung Quốc thời kỳ bấy giờ.

Sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật như: bi kịch, hài hước, châm biếm, tạo nên hiệu quả nghệ thuật cao.

Ngôn ngữ trau chuốt, giàu tính biểu cảm.

*"Số đỏ" (Vũ Trọng Phụng - Việt Nam):

-Nét đặc sắc:

Phê phán sâu cay xã hội thực dân nửa phong kiến với những thói hư tật xấu của con người.

Sử dụng nhiều thủ pháp trào phúng như: châm biếm, mỉa mai, cường điệu, tạo nên tiếng cười sáng khoái.

Ngôn ngữ sinh động, giàu tính biểu cảm, phù hợp với từng nhân vật.

Tài liệu ôn tập văn 12

*"Quan Âm Thị Kính" (Khuyết danh - Việt Nam):

-Nét đặc sắc:

Phản ánh ước mơ về công lý xã hội, đề cao giá trị đạo đức tốt đẹp.

Sử dụng nhiều yếu tố kỳ ảo, tạo nên sự hấp dẫn cho vở kịch.

Ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời sống dân gian.

*"Hồn bướm mơ tiên" (Vũ Đình Long - Việt Nam):

-Nét đặc sắc:

Ca ngợi tình yêu lứa đôi, đề cao giá trị nhân văn cao đẹp.

Sử dụng nhiều yếu tố thơ mộng, lãng mạn, tạo nên sự bay bổng cho vở kịch.

Ngôn ngữ trau chuốt, giàu tính biểu cảm.

*"Cái chết của con chó" (Lỗ Tấn - Trung Quốc):

-Nét đặc sắc:

Phê phán xã hội phong kiến Trung Quốc với những luật lệ hà khắc, vô nhân đạo.

Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng, tạo nên chiều sâu ý nghĩa.

Ngôn ngữ giản dị, nhưng đầy ám ảnh.

Xem thêm tại: <https://loigiaihay.com/bai-tap-169407.html>

ĐỀ KIỂM TRA
VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

ĐỀ SỐ 1

1. Phần trắc nghiệm

(Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.)

Câu 1: Những mâu thuẫn cơ bản trong tác phẩm Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài là?

1. Mâu thuẫn giữa cuộc sống xa hoa, trụy lạc của Lê Tương Dực với cuộc sống khốn khổ của người nông dân
2. Mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật thuần túy của Vũ Như Tô và lợi ích thiết thực của nhân dân
3. Mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo
4. Đáp án A và B

Câu 2: Dù bị Lê Tương Dực dọa giết nhưng lúc đầu Vũ Như Tô vẫn không đồng ý xây Cửu Trùng Đài. Vì sao?

1. Vì ông không muốn có công sức vào công trình quá tốn nhiều của cải vô ích.
2. Vì ông biết việc xây dựng Cửu Trùng Đài sẽ là tai họa lớn đối với nhân dân
3. Vì ông không muốn phục vụ hôn quân.
4. Vì biết mình không đủ tài năng để thực hiện.

Câu 3: Lời tựa đề "Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết." thể hiện suy nghĩ gì của tác giả?

Tài liệu ôn tập văn 12

1. Nghĩ về mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và nhân dân.
2. Giữa khát vọng sáng tạo vẻ đẹp siêu việt, vĩnh cửu, bất tử cho muôn đời với những lợi ích thiết thực ngay trong hiện tại.
3. Cả hai bên đều có những lí lẽ riêng, chỉ nhìn thấy lợi ích của riêng mình và khiến mâu thuẫn trở nên xung đột trong bạo lực và hủy diệt.
4. Tất cả đều đúng.

Câu 4: Ai là người khiến Vũ Như Tô thay đổi quyết định, mượn tay Lê Tương Dực xây Cửu Trùng Đài?

1. Đan Thiềm
2. Lê Tương Dực
3. Trịnh Duy Sản
4. Nhân dân

Câu 5: Nguyên nhân nào dẫn đến mâu thuẫn dân chúng đã đứng lên đấu tranh chống lại triều đình:

1. Nhân dân muốn lập vị vua mới.
2. vua quan sống sa đọa, ăn chơi thỏa thích mà đời sống người dân thì cùng cực, nghèo khổ.
3. Do vua ban hành những chính sách mới không hợp lòng dân.
4. Do vua chúa nhu nhược, để giặc giã xâm chiếm đất nước

Câu 6: Vấn đề mà Nguyễn Huy Tưởng đặt ra trong đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” cũng như tác phẩm “Vũ Như Tô” là gì?

1. Mối quan hệ giữa quyền lợi giai cấp thống trị với cuộc sống nhân dân.
2. Khẳng định sự sống còn của chế độ phong quyền gắn liền với quyền lợi của nhân dân.
3. Mối quan hệ giữa tài năng và đạo đức, giữa lí tưởng cao siêu với thực tế.
4. Mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống; giữa lí tưởng cao siêu với lợi ích bức thiết của nhân dân.

II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2 điểm): rong lời đề tựa kịch **Vũ Như Tô**, Nguyễn Huy Tưởng viết:

“Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết.

Cảm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm.”

Bằng những hiểu biết về đoạn trích và về vở kịch, em hãy phát biểu ý kiến của mình về lời đề tựa trên.

Câu 2 (2 điểm): Các mâu thuẫn cơ bản của kịch Vũ Như Tô được xây dựng trên những cơ sở nào trong “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Phần trắc nghiệm

(Mỗi câu đúng tương ứng với 1 điểm)

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	D	B	D	A	B	D

2. Tự luận

Câu hỏi	Nội dung	Biểu điểm
Câu 1 (2 điểm)	<p>– Tựa là thành phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm, được viết ở đầu sách hoặc sau tiêu đề của mỗi chương trong cuốn sách nhằm hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác giả hoặc tư tưởng của tác phẩm. Qua lời đề tựa trên, Nguyễn Huy Tưởng đã chân thành bộc lộ nỗi băn khoăn của mình: Lê phải thuộc về Vũ Như Tô hay những kẻ giết Vũ Như Tô? Và ông thú nhận "ta chẳng biết", tức là không thể đưa ra một lời giải đáp thoả đáng. Qua vở kịch, có thể thấy chân lí không hoàn toàn thuộc về phía nào: việc mất Cửu Trùng Đài vừa nên mừng, vừa nên tiếc. Đồng thời, nhà văn khẳng định: "Cảm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm", tức là vì cảm phục "tài trời", nhạy cảm với bi kịch của những tài năng siêu việt.</p>	2
Câu 2 (2 điểm)	<p>Mâu thuẫn cơ bản của kịch ở hồi V là hai mâu thuẫn:</p> <ul style="list-style-type: none">• Mâu thuẫn trực tiếp đó là việc dân chúng đứng lên đấu tranh chống lại triều đình. Mâu thuẫn cơ bản là bắt nguồn từ việc vua quan sống sa đọa, ăn chơi thỏa thích mà đời sống người dân thì cùng cực, nghèo khổ. Mặc cho nhân dân phải chịu những cực khổ như thế nào vua vẫn chà đạp lên những công sức lao động của họ mà hưởng lạc.• Mâu thuẫn thứ hai chính là mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật thuần túy và về lợi ích thiết thực của việc xây Cửu Trùng Đài giữa mục đích của vua Lê Tương Dực và của Vũ Như Tô. Mâu thuẫn này đã đưa đến cái chết của Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài bị thiêu trụi.	2

ĐỀ SỐ 2

1. Phần trắc nghiệm

(Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.)

Câu 1: Bi kịch của Vũ Như Tô trong tác phẩm kịch cùng tên là gì?

1. Muốn cống hiến nhưng không được cống hiến.
2. Từ chối xây dựng Cửu Trùng Đài nhưng rồi phải xây dựng.
3. Bi kịch của người nghệ sĩ không giải quyết được mối quan hệ khát vọng nghệ thuật và hiện thực xã hội; giữa người nghệ sĩ và công dân. Bi kịch của Vũ Như Tô
4. Ông muốn xây dựng và để lại một công trình vĩ đại và bền vững như trăng sao, để cho nhân dân nghìn thu hãnh diện, nhưng bị đập phá và bị giết.

Câu 2: Ngoài tác động của Đan Thiềm, thì nguyên nhân chính khiến Vũ Như Tô đồng ý xây Cửu trùng đài là gì?

1. Muốn để lại cho đất nước và vua Lê Tương Dực một công trình tuyệt tác
2. Ông muốn lưu lại tên tuổi mình trong nghìn thu lịch sử.
3. Ông muốn xây dựng và để lại một công trình vĩ đại và bền vững như trăng sao, để cho nhân dân nghìn thu hãnh diện
4. Vì ông quá ham danh lợi và quyền lực.

Câu 3: Nguyên nhân nào dẫn đến mâu thuẫn dân chúng đã đứng lên đấu tranh chống lại triều đình:

1. Nhân dân muốn lập vị vua mới.
2. vua quan sống sa đọa, ăn chơi thỏa thích mà đời sống người dân thì cùng cực, nghèo khổ.
3. Do vua ban hành những chính sách mới không hợp lòng dân.
4. Do vua chúa nhu nhược, để giặc giã xâm chiếm đất nước.

Câu 4: Vì sao Vũ Như Tô thất bại, không thể xây xong Cửu Trùng Đài?

1. Vũ Như Tô không đủ tài năng
2. Vũ Như Tô không đủ nguồn lực xây Cửu Trùng Đài
3. Cửu Trùng Đài không phục vụ cho lợi ích của nhân dân, xây Cửu Trùng Đài khiến nhân dân đói khổ, lầm than
4. Tất cả các đáp án trên

Câu 5: “Vũ Như Tô” là tác phẩm kịch thuộc đề tài gì

1. Tình yêu
2. Lịch sử

Tài liệu ôn tập văn 12

3. Tình bạn
4. Thiên nhiên

Câu 6: Ý nào sau đây SAI?

1. Mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn hôn quân bạo chúa cùng phe cánh của chúng đã được giải quyết triệt để theo quan niệm của nhân dân
2. Cửu Trùng Đài bị đốt
3. Vũ Như Tô đến lúc chết đã nhận ra sai lầm của mình
4. Mâu thuẫn giữa quan điểm nghệ thuật cao siêu, thuần túy của Vũ Như Tô với lợi ích của nhân dân chưa được giải quyết triệt để

II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Mọi quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống được thể hiện như thế nào thông qua đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”?

Câu 2 (2 điểm): Em hiểu “bệnh Đan Thiềm” là gì thông qua đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Phần trắc nghiệm

(Mỗi câu đúng tương ứng với 1 điểm)

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	C	C	B	C	B	C

2. Tự luận

Câu hỏi	Nội dung	Biểu điểm
Câu 1	<i>Nghệ thuật cần phải bắt nguồn từ cuộc sống.</i>	1
(2 điểm)	<i>Quan niệm: Nghệ thuật vị nhân sinh</i>	1
Câu 2	<i>Bệnh Đan Thiềm chính là sự say mê tài năng siêu việt của người nghệ sĩ sáng tạo ra cái đẹp.</i>	2
(2 điểm)		

ĐỀ KIỂM TRA
SỐNG HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ
(TRÍCH HẮM –LÉT – HAMLET)

ĐỀ SỐ 1

1. Phần trắc nghiệm

(Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.)

Câu 1: Bi kịch của Uy-li-am Sếch-Xpia là:

1. Chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc được thể hiện qua hình tượng nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ.
2. Qua lời thoại sắc sảo tinh tế, qua nghệ thuật triển khai đan xen các tuyến xung đột các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén tập trung
3. Cả hai đáp án trên đều đúng
4. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 2: Bi kịch “Hăm-lét” dựa trên câu chuyện có thật trong lịch sử về:

1. Câu chuyện về hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét trả thù cho cha từng được ghi lại trong biên niên sử từ cuối thế kỉ XII của Xắc-cơ Gram-ma-ti-cut
2. Câu chuyện không có thật mà do Uy-li-am Sếch-Xpia tự tưởng tượng ra
3. Câu chuyện về một hoàng tử xứ Anh
4. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 3: Đoạn trích Sống hay không sống? Đó là vấn đề thuộc Hồi thứ mấy trong vở kịch Hamlet?

1. Hồi I
2. Hồi II
3. Hồi III
4. Hồi VI

Câu 4: Vì sao Hăm-lét quyết tâm nói lời tàn nhẫn với Ô-phê-li-a?

1. Để nàng rời xa mình
2. Để nàng hận mình rồi đi lấy chồng
3. Để nàng thôi hi vọng vào mình
4. Tất cả các đáp án trên

Câu 5: Sự khác biệt giữa lời Hăm-lét nói với Ô-phê-li-a trong độc thoại và đối thoại là gì?

1. Độc thoại và đối thoại mâu thuẫn với nhau. Trong lòng dù còn yêu nhưng cố tình nói lời tàn nhẫn cốt để Ô-phê-li-a rời xa mình
2. Dù không còn yêu nhưng vẫn cố tình nói lời yêu thương với Ô-phê-li-a
3. Thể hiện tình yêu mãnh liệt với Ô-phê-li-a cùng những lời đường mật
4. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 6: Khi Ô-lê-phi-a và Hăm-lét đang nói chuyện thì nhà vua làm gì?

1. Nấp đằng sau để nghe lén
2. Nói xen ngang
3. Đang đi về cùng Hoàng Hậu
4. Đang ngự triều

II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Xác định ý nghĩa lời thoại của các nhân vật trước khi Hamlet xuất hiện.

Câu 2 (2 điểm): Nêu nhận xét chung về tâm trạng của Hamlet thể hiện qua lời độc thoại

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Phần trắc nghiệm

(Mỗi câu đúng tương ứng với 1 điểm)

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	C	A	C	A	A	A

2. Tự luận

Câu hỏi	Nội dung	Biểu điểm
Câu 1 (2 điểm)	<p>– Lời thoại của các nhân vật trước khi Hamlet xuất hiện cho thấy rằng vua muốn biết Hamlet điên thật hay chỉ giả điên để xác định phương hướng thủ tiêu chàng. Điều đó được thể hiện qua việc vua và hoàng hậu hỏi chuyện dò la của Rosencrantz và Guildenstern; và việc vua cố tình để cho Hamlet gặp Ophelia trong khi mình và cận thần sẽ nghe lén.</p> <p>– Lời thoại của vua cho thấy phần nào sự giả tạo, xấu xa. Ví dụ:</p> <p>+ “để cho chuỗi ngày xanh êm đẹp bị tan nát vì những con điên dữ dội, hiểm nghèo hay sao?”</p> <p>+ “Các khanh ạ, nên khuyến khích thêm thái tử vào những trò</p>	1

giải trí ấy”: vua muốn thái tử chơi bời hư hỏng.

+ “*Ôi, đúng quá thật ... gánh nặng của tội ác!*”: lời bộc bạch tự thân

1

Câu 2

Nhận xét: tâm trạng của Hamlet dường như rất hỗn loạn. Chàng không biết mình nên đưa ra lựa chọn nào mới là tốt nhất, chính xác nhất.

2

(2 điểm)

ĐỀ SỐ 2

1. Phần trắc nghiệm

(Chọn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.)

Câu 1: Ý nghĩa lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện là gì?

1. Thể hiện thái độ của Hăm – lét với Ô-phê-li-a
2. Thể hiện rõ thái độ của Hăm – lét với mọi người
3. Thể hiện rõ thái độ của mọi người với Hăm - lét
4. Thể hiện thái độ của Ô-phê-li-a với Hăm – lét

Câu 2: Lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện cho thấy điều gì về bầu không khí xã hội bao quanh chàng?

1. Rất vui vẻ chào đón Hăm-lét
2. Quan tâm đến tình hình của Hăm-lét
3. Ngụ ý thăm dò về tình trạng mất trí nhớ của Hăm-lét
4. Tất cả đáp án trên đều đúng

Câu 3: Hăm-lét đã thể hiện mối quan hệ giữa đức hạnh và nhan sắc ra sao?

1. Nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng dãng, nhưng đức hạnh không thể khép nhan sắc vào khuôn khổ nề na.
2. Không có mối quan hệ gì với nhau
3. Là hai thứ đối nghịch nhau
4. Là hai thứ có quan hệ mật thiết với nhau

Câu 4: Hăm-lét đã ngỏ ý mời Vua và Hoàng hậu đến ngự lãm điều gì?

1. Một buổi đấu võ
2. Một buổi trình diễn kịch
3. Một buổi diễn xướng âm nhạc

Tài liệu ôn tập văn 12

4. Không đáp án nào đúng

Câu 5: Hăm – lét mang trong mình tâm hồn và nội tâm như thế nào?

1. Trái tim và tâm hồn chai sạn
2. Trái tim yêu thương, tâm hồn nhạy cảm
3. Trái tim tổn thương, tâm hồn nguội lạnh
4. Đáp án khác

Câu 6: Lời nói của Ô-phê-li-a đối với Hăm – lét thể hiện thái độ gì?

1. Quan tâm, lo lắng
2. Thờ ơ, lạnh lùng
3. Kinh miệt
4. Yêu thương

II. Tự luận (4 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Theo mạch suy tưởng của Hamlet, lời độc thoại có thể chia làm mấy phần, nội dung của từng phần là gì?

Câu 2 (2 điểm): Có thể xác định cách hiểu của Hamlet về “sống” và “không sống” như thế nào?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Phần trắc nghiệm

(Mỗi câu đúng tương ứng với 1 điểm)

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	C	C	A	B	C	A

2. Tự luận

Câu hỏi	Nội dung	Biểu điểm
Câu 1 (2 điểm)	<p>– Theo mạch suy tưởng của Hamlet, lời độc thoại có thể chia ra làm 3 phần:</p> <p>+ Phần 1: Từ “Sống, hay không sống – đó là vấn đề... quý hơn?”</p> <p>→ Đặt ra lời mở đầu cho màn độc thoại bằng một câu hỏi tu từ</p>	2

+ Phần 2: Từ tiếp đến “chưa hề biết tới?”.

→ Định nghĩa khái niệm cái chết và những suy ngẫm về cuộc đời của Hamlet

+ Phần 3: Còn lại

→ Lời kết thể hiện rõ nội tâm đang giằng xé, đấu tranh kịch liệt của Hamlet trong hoàn cảnh éo le của chính mình.

Câu 2

(2 điểm)

– Theo cách hiểu của Hamlet, “sống” và “không sống” là 2 2
khái niệm trừu tượng. Đó là chấp nhận, chịu đựng tất cả
những sự khổ đau, bất hạnh mà người khác ban lại, hay là
chúng ta đấu tranh lại nó và kéo theo bao đau khổ cho người
khác. Chọn sống hay không sống? Nhân vật đang rơi vào tình
thế khó khăn khi không biết bản thân nên lựa chọn thế nào cho
đúng, hợp đạo lý. Đây là một cách hiểu khá sáng tạo và mang
theo tầm nhìn lớn, khi nhân vật đang đấu tranh tư tưởng giữa
việc nên báo thù hay không.

VĂN BẢN THÔNG TIN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Khái niệm

- Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu để cung cấp thông tin
- Bao gồm nhiều thể loại nhỏ: bản tin, thông báo, tiểu luận...

II. Đặc trưng của văn bản thông tin.

- Là văn bản cung cấp thông tin.
- Ghi nhớ thông tin bằng các tiêu chí: Địa điểm thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng được.
- VBTT có thể lồng ghép với các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận...

III. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.

Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về hình thức thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm...

1. Bộ cục, mạch lạc của văn bản thông tin.

Nội dung của văn bản thông tin được tạo thành bởi các yếu tố chính: chủ đề, các ý chính và ý phụ.

2. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin.

Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc. Có một số hình thức thông tin chính như:

- Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra.
- Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó.
- Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin qua trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại.
- Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của của hai hay nhiều đối tượng.

IV. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin

- Cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,...
- Kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản.

V. Bản tin

- Là văn bản thông tin.
- Bản tin là các sự kiện cập nhật.
- Ngôn ngữ bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản.
- Tuy nhiên, để gây ấn tượng mạnh người viết vẫn sử dụng các biện pháp tu từ.

Tài liệu ôn tập văn 12

- Người tiếp nhận thông tin cần biết đặt câu hỏi:
- + Tác giả của bản tin là ai?
- + Lập trường thái độ của người viết là gì?
- + Các nhân vật, sự kiện, số liệu...trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại có sắp xếp đó?
- + Những thông tin có đáng tin cậy không?

VI. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

- Văn bản nội quy văn bản hướng, dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện người giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu quy định cần Được tuân thủ từ đó có những hành vi đúng đắn phù hợp
- Văn bản nội quy văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ mạch lạc ngôn ngữ khách quan chính xác rõ ràng dễ hiểu.

VII. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

- Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể chính xác .
- Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin các biểu đồ sơ đồ dùng trình bày thông tin một cách hệ thống
- Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin ,...
- Tùy theo mục đích sử dụng mà người viết lựa chọn hai phương tiện ngôn ngữ phù hợp.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

Đề 1.

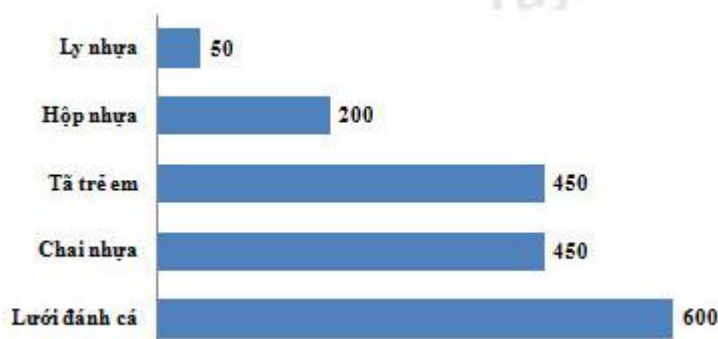
Hãy đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Báo cáo mới đây của tạp chí Science cho thấy đến nay thế giới đã sản xuất khoảng 8,3 tỉ tấn nhựa, trong đó 6,3 tỉ tấn hiện là rác thải. Và 79% trong 6,3 tỉ tấn đó giờ đang nằm trong các bãi rác và môi trường tự nhiên.

Nhựa được sử dụng phổ biến vì tiện dụng, rẻ tiền, dễ chế tạo. Tuy nhiên nhựa có hạn chế lớn là rất lâu phân hủy, đồng nghĩa với việc rác thải nhựa sẽ gây nên thảm họa môi trường nếu không có cách giải quyết

Thời gian phân hủy tự nhiên của một số vật thể nhựa

(đơn vị: năm)



Trong các đại dương, số lượng rác thải nhựa ước tính khoảng 150 triệu tấn – nặng gần bằng 1/5 khối lượng cá. Các nhà khoa học dự báo với tốc độ gia tăng rác thải nhựa như hiện nay, vào năm 2050, khối lượng rác thải nhựa sẽ nặng hơn cả khối lượng cá.

Việt Nam là một trong các quốc gia xả rác thải nhựa nhiều nhất thế giới. Tại Việt Nam, số lượng túi nilon, chai nhựa, ly nhựa, ống hút, hộp xốp, ... được sử dụng nhiều vượt trội so với các nước khác.

Rác thải nhựa ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, làm ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, gây nguy hại cho nguồn lợi thủy hải sản và tác động xấu đến sức khỏe con người, ...

(Tổng hợp từ các báo Tuổi trẻ, Thanh Niên, thời nay)

1. Nêu nội dung được đề cập trong văn bản?
2. Từ nội dung văn bản, hãy chỉ ra những biểu cụ thể về tác hại của rác thải nhựa đối với cuộc sống?
3. Văn bản trên có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ không? Hãy chỉ ra cụ thể?
4. Hãy đưa ra giải pháp hiệu quả nhất để giảm ô nhiễm rác thải nhựa ở nước ta hiện nay?

Đề 2.

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Đền Công gắn với một huyền thoại trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Đền thờ Thục An Dương Vương - một vị vua có công lớn trong buổi đầu dựng nước. Lễ hội đền Công được tổ chức vào dịp rằm tháng Hai âm lịch hằng năm thu hút đông đảo người dân về dự. Sau nhiều năm bị lãng quên, năm 1993, lễ hội đền Công được phục hồi. Từ đó đến nay, lễ hội được duy trì hàng năm và trở thành một sinh hoạt văn hoá tâm linh không thể thiếu của người dân Nghệ An và du khách thập phương.

[...] Gần 20 năm qua, lễ hội đền Công được tổ chức hằng năm với các lễ nghi trang trọng mà linh thiêng: lễ khời quang, lễ cáo trung thiên, lễ yết, lễ rước, lễ đại tế và lễ tạ. Lễ khời quang diễn ra đầu tiên, được tổ chức vào ngày 12 tháng 02 âm lịch để xin phép các vị thần cho nhân dân dọn dẹp đền, chuẩn bị cho lễ hội. Sau lễ khai quang là lễ cáo trung thiên được tổ chức vào sáng ngày

Tài liệu ôn tập văn 12

14 tháng 02 để báo cáo với các vị thần rằng công việc dọn dẹp đền đã hoàn thành, mời các vị về đền tham dự lễ hội và chứng giám cho lòng thành kính của nhân dân, Lễ yết diễn ra vào chiều tối ngày 14 tháng 02 gồm 6 bước được tiến hành qua 35 lần xướng. Sau phần hành lễ là phần dâng hương của đại diện các ban ngành và người dân về dự lễ. Cũng trong tối 14 tháng 02, còn có lễ rước vua và công chúa vi hành, Sáng 15 tháng 02 tiến hành lễ rước vua, công chúa và tướng Cao Lỗ từ đình Xuân Ái về đền Công. Sau đó là lễ đại tế. Lễ đại tế là lễ chính, bao gồm 8 bước. Trình tự và nội dung của buổi lễ tương tự như lễ yết, nhưng có thêm hai lần dâng hương, rượu. Lễ tạ được tổ chức vào sáng ngày 16 tháng 02 để tạ ơn các vị thần đã về dự lễ. Trong thời gian lễ hội, ban ngày có các trò chơi truyền thống, thi đấu thể thao như đánh đu, chọi gà, kéo co, cờ người, biểu diễn võ cổ truyền, thi đấu bóng chuyền, hội trại,... ban đêm có hát ca trù, tuồng, chèo, đốt lửa trại,... Không khí lễ hội thật là hấp dẫn, tưng bừng, náo nhiệt.

(Theo Anh Tuấn, Đền Công: truyền thuyết và lễ hội, tạp chí điện tử Văn hoá Nghệ An, ngày 29/3/2012)

1. Văn bản trên thuộc loại văn bản gì?
2. Sự kiện nào được thuật lại trong đoạn trích? Sự kiện đó diễn ra ở đâu, vào thời điểm nào trong năm?
3. Tác giả đã thuật lại sự kiện theo trình tự nào? Căn cứ vào đâu mà em xác định như vậy?
4. Trong đoạn trích trên tác giả có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ không? Nếu có, hãy chỉ ra cụ thể?
5. Tác giả của đoạn trích có sử dụng biện pháp tu từ để làm nổi bật đặc trưng của lễ hội đền Công không? Nếu có, hãy chỉ ra cụ thể và nêu tác dụng?

CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được một số kiến thức về văn bản nghị luận xã hội.
- Rút ra cách đọc hiểu và thực hành đọc hiểu một số văn bản nghị luận xã hội theo đặc trưng thể loại.

I. VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG

1. Khái niệm: Văn bản nghị luận xã hội là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.

2. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, ...

3. Phân loại: Ba tiểu loại phổ biến:

- + Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí
- + Nghị luận về một hiện tượng đời sống
- + Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

4. Các yếu tố chính của văn bản nghị luận

* Luận đề:

- Là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm,...được tập trung bàn luận trong văn bản.
- Thường được nêu ở nhan đề hoặc phần mở đầu của bài viết.

* Luận điểm:

- Là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề.
- Thường được trình bày bằng một câu khái quát và được làm sáng tỏ bởi lý lẽ và dẫn chứng.

* Luận cứ:

- *Lí lẽ*
- + Nảy sinh nhờ suy luận logic;
- + Được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ.

Tài liệu ôn tập văn 12

- Dẫn chứng

+ Là những căn cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo.

+ Xác nhận tính đúng đắn, hợp lý của lí lẽ.

*** Phương pháp lập luận:**

- Không thể có lập luận thuyết phục và chặt chẽ nếu người lập luận không có ý thức áp dụng các phương pháp lập luận hợp lí.

- Phương pháp lập luận là cách thức lựa chọn, sắp xếp luận điểm, luận cứ sao cho lập luận chặt chẽ và thuyết phục.

- Các phương pháp lập luận phổ biến là: phương pháp quy nạp, phương pháp diễn dịch, phương pháp nêu phản đề...

*** Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng:**

- Trong một văn bản nghị luận, các thành tố luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

- Luận đề là thành tố bao trùm, có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mối quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận.

5. Các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận

*** Thao tác lập luận giải thích**

- Là thao tác sử dụng lí lẽ là chính để giảng giải, cắt nghĩa giúp người đọc, người nghe hiểu rõ một hiện tượng, một vấn đề nào đó.

- Thao tác giải thích thường được vận dụng khi trong đề ra có những khái niệm, những nhận xét, nhận định cần được làm sáng tỏ, hoặc những cách diễn đạt hình tượng cần được làm rõ nghĩa. Cũng có khi, việc giải thích lại tập trung vào mối quan hệ giữa các khái niệm.

- Giải thích phải sát với khái niệm, Lời văn giải thích cần ngắn gọn, sáng rõ. Lập luận chặt chẽ, khúc chiết.

*** Thao tác lập luận chứng minh**

- Là thao tác chủ yếu dùng dẫn chứng chân thực đã được thừa nhận để thuyết phục và làm sáng tỏ vấn đề.

- Các dẫn chứng khi đưa ra cần đảm bảo: mối quan hệ giữa chất và lượng của dẫn chứng; tính toàn diện của dẫn chứng dựa trên việc xử lí hài hòa các quan hệ.

Tài liệu ôn tập văn 12

- Thao tác lập luận chứng minh cần sử dụng kết hợp với thao tác lập luận phân tích và bình luận để bài viết không đơn điệu, dàn trải.

*** Thao tác lập luận phân tích**

- Là thao tác chia nhỏ đối tượng ra từng yếu tố, từng khía cạnh theo những tiêu chí, những mối quan hệ nhất định để tìm hiểu cặn kẽ, sâu sắc đối tượng.

- Các tiêu chí dùng để chia nhỏ đối tượng khi sử dụng thao tác lập luận phân tích là: trong bản thân đối tượng, giữa đối tượng với đối tượng liên quan, giữa người phân tích với đối tượng phân tích.

- Khi phân tích, cần đi sâu vào từng yếu tố, khía cạnh song đồng thời cần lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau trong một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất. Quá trình phân tích cần kết hợp với tổng hợp.

- Các mô hình tổ chức đoạn văn có sử dụng thao tác lập luận phân tích là:

+ Mô hình phân tích theo hướng diễn dịch

+ Mô hình phân tích theo hướng quy nạp

+ Mô hình phân tích theo hướng tổng – phân – hợp

*** Thao tác lập luận so sánh**

- Là thao tác hướng đến mục đích làm rõ sự giống và khác nhau để thấy rõ đặc điểm và giá trị của sự vật, hiện tượng.

- Thao tác lập luận so sánh có hai dạng thức chính: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

- So sánh có thể tiến hành trên nhiều cấp độ, phải dựa trên cùng một tiêu chí, một bình diện.

- So sánh thường đi đôi với nhận xét, đánh giá

*** Thao tác lập luận bác bỏ**

- Là thao tác dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh một ý kiến nào đó là sai lầm, từ đó hướng tới sự nhận thức đúng đắn.

- Các cách bác bỏ:

+ Bác bỏ luận điểm: chỉ ra sự sai lầm của luận điểm qua hai phương thức chính là dùng thực tế hoặc dùng suy luận

+ Bác bỏ luận cứ: chỉ ra tính chất sai lầm, giả tạo trong lí lẽ và dẫn chứng được sử dụng.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Bác bỏ cách lập luận: vạch ra sự mâu thuẫn, không nhất quán, phi lô gic trong lập luận của đối phương; chỉ ra sự thay đổi, đánh tráo khái niệm trong quá trình lập luận.

* Thao tác lập luận bình luận

- Là thao tác bàn bạc và đánh giá về sự đúng sai, thật giả, hay dở, lợi hại của các hiện tượng trong đời sống hoặc trong tác phẩm nghệ thuật.

- Thao tác lập luận bình luận đòi hỏi người viết phải có kiến văn rộng và tư duy độc lập cao.

- Khi sử dụng thao tác lập luận, người viết cần đi sâu vào phân tích đối tượng để đánh giá về đặc điểm theo các tiêu chí: đúng, sai; lợi, hại; xấu, tốt; tích cực, tiêu cực; và đặt đối tượng trong các quan hệ khác nhau để đánh giá một cách toàn diện về đối tượng.

- Trong quá trình bình luận, cần vận dụng kết hợp các thao tác lập luận khác như phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh để thuyết phục được người nghe/ người đọc theo quan điểm của bản thân.

* Sự kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận

- Mỗi thao tác lập luận đều ứng với một mục tiêu cụ thể:

+ Giải thích để làm rõ và giới hạn khái niệm

+ Phân tích để đi sâu những khía cạnh cụ thể

+ Chứng minh để khẳng định tính đúng đắn

+ So sánh để làm rõ điểm giống và khác nhau

+ Bác bỏ để làm nổi bật tính đúng đắn của vấn đề

+ Bình luận để đánh giá, nâng cao và mở rộng vấn đề.

- Trong quá trình viết văn nghị luận, các thao tác lập luận trên luôn được kết hợp với nhau để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

6. Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận

- Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố hỗ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm.

+ Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc bàn luận trở nên xác thực.

+ Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan.

+ Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

III. KĨ NĂNG VIẾT CÁC DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Yêu cầu chung khi viết một bài nghị luận xã hội

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.
- Trình bày được ý kiến bàn về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực.
- Nêu được các ý kiến trái chiều và phản bác bằng lí lẽ sắc bén.
- Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

2. Cách viết các dạng bài nghị luận xã hội

2.1. Cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống học sinh

Bước 1: Tìm hiểu đề. Xác định các yêu cầu:

- Yêu cầu về vấn đề nghị luận: cần phải xác định được đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? Sau đây là những vấn đề được nhiều người quan tâm:

- + Tình bạn khác giới tuổi học trò;
- + Cách giải quyết xung đột ở lứa tuổi học trò;
- + Cách ứng xử khi xảy ra xung đột giữa các thế hệ trong gia đình;
- + Cách sử dụng thời gian rảnh rỗi;
- + Cách giải quyết khi bị tổn thương vì những sai lệch hay những bình luận tiêu cực trên mạng xã hội;
- + Cách lựa chọn lí tưởng, lẽ sống;
- +

- Yêu cầu về thao tác lập luận: Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng ? (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...)

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: Trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).

Bước 2: Lập dàn ý

a. *Mở bài*: Giới thiệu vấn đề nêu sự cần thiết phải bàn luận về vấn đề

b. *Thân bài*:

Tài liệu ôn tập văn 12

- Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề bằng cách dùng lí lẽ và dẫn chứng để phân tích, chứng minh.

+ Lý lẽ 1 và bằng chứng để làm sáng tỏ.

+ Lý lẽ 2 và bằng chứng để làm sáng tỏ.

+ Lý lẽ 3 và bằng chứng để làm sáng tỏ.

+

(Hoặc có thể đưa ra các lí lẽ rồi dùng 2,3 dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề)

- Bàn mở rộng:

+ Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó.

+ Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

c. *Kết bài*: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết vấn đề nêu ra.

Bước 3: Tiến hành viết bài văn

- Triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng đã xây dựng (theo dàn ý)

- Một bài nghị luận xã hội thường có yêu cầu về số lượng câu chữ nên cần phân phối lượng thời gian làm bài sao cho phù hợp, tránh viết dài dòng, sa vào kể lể, giải thích vấn đề không cần thiết. Trên cơ sở dàn ý, cần luyện cách viết và trình bày sao cho ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao.

Bước 4: Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết

2.2. Cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội

*** Các bước thực hiện**

Bước 1: Tìm hiểu đề. Xác định các yêu cầu:

- Yêu cầu về vấn đề nghị luận: Vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội là hiện tượng nào (hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống hay hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị xã hội lên án, phê phán)? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết? Mối quan hệ giữa các ý như thế nào?

- Yêu cầu về phương pháp: Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng? (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...)

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).

Bước 2: Lập dàn ý

a. *Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận

b. *Thân bài*:

- Luận điểm 1: Giải thích, nêu hiện tượng, bày tỏ quan điểm

+ Giải thích: VD: Mạng xã hội là gì? “Nghiện” là gì? Môi trường ô nhiễm là gì?

+ Nêu hiện tượng: Hiện tượng đang diễn ra như thế nào?

+ Bày tỏ quan điểm: Hiện tượng tiêu cực hay tích cực? Đồng tình hay phản đối?

- Luận điểm 2: Phân tích và chứng minh

Hiện tượng tích cực	Hiện tượng tiêu cực
<p>+ Nguyên nhân:</p> <p>Khách quan: Từ xã hội, nhà trường, gia đình?</p> <p>Chủ quan: Từ bản thân?</p> <p>+ Tác dụng - Ý nghĩa</p> <p>Với bản thân mình? Với gia đình, nhà trường, xã hội?</p> <p>D/c minh họa thêm (2 -3 d/c)</p> <p>+ Giải pháp phát huy: Bản thân cần làm gì? Gia đình, nhà trường, xã hội cần làm gì?</p>	<p>+ Nguyên nhân:</p> <p>Khách quan: Từ xã hội, nhà trường, gia đình?</p> <p>Chủ quan: Từ bản thân?</p> <p>+ Tác hại – Hậu quả</p> <p>Với bản thân mình? Với gia đình, nhà trường, xã hội?</p> <p>D/c minh họa thêm (2 -3 d/c)</p> <p>+ Giải pháp khắc phục: Bản thân cần làm gì? Gia đình, nhà trường, xã hội cần làm gì?</p>

- Luận điểm 3: Bàn luận

Hiện tượng tích cực	Hiện tượng tiêu cực
<p>+ Từ hiện tượng đã đặt ra những vấn đề mới nào?</p> <p>+ Phê phán cá nhân, tổ chức đi ngược lại ...</p> <p>+ Rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân</p>	<p>+ Từ hiện tượng đã đặt ra những vấn đề mới nào?</p> <p>+ Ca ngợi những cá nhân, tổ chức luôn đấu tranh loại trừ những hiện tượng tiêu cực...</p> <p>+ Rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân</p>

c. *Kết bài*: Khẳng định lại hiện tượng: tích cực – cần phát huy; tiêu cực – loại bỏ

Bước 3: Tiến hành viết bài văn

- Triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng đã xây dựng (theo dàn ý)

- Một bài nghị luận xã hội thường có yêu cầu về số lượng câu chữ nên cần phân phối lượng thời gian làm bài sao cho phù hợp, tránh viết dài dòng, sa vào kể lể, giải thích vấn đề không cần thiết. Trên cơ sở dàn ý, cần luyện cách viết và trình bày sao cho ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao.

Bước 4: Đọc lại và sửa chữa để hoàn chỉnh bài viết

2.3. Viết bài văn nghị luận về vấn đề văn học có vai trò đối với học sinh

*** Dạng bài:**

- Nghị luận làm sáng tỏ vai trò, sự tác động của văn học đến đời sống tinh thần của thế hệ trẻ, góp phần hình thành, phát triển phẩm chất nhân cách học sinh.

*** Đối tượng**

- Là một vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc nào đó được đặt ra trong TPVH

- Vấn đề xã hội có thể lấy từ hai nguồn: Tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà học sinh chưa được học.

*** Mục đích chính của dạng đề nghị luận**

- Dạng đề này liên quan và xuất phát từ tác phẩm văn học, nhưng tác phẩm văn học chỉ là "cái có" khởi đầu.

- Mục đích chính là yêu cầu người viết bàn bạc, nghị luận về một vấn đề xã hội, đạo lí, tư tưởng, nhân sinh, hiện tượng đời sống....

+ Nghĩa là nhân vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học đó mà bàn luận, kiến giải.

+ Trong trường hợp này, tác phẩm văn học chỉ được khai thác về giá trị nội dung tư tưởng, rút ra ý nghĩa xã hội khái quát của tác phẩm ấy. Tác phẩm nào cũng có một ý nghĩa xã hội nhất định. Điều quan trọng là vấn đề xã hội đó có mang tính thời sự, tính giáo dục sâu sắc, có phù hợp với tâm lí tuổi trẻ học đường hay không.

*** Đặc điểm:** Phần thân bài thường gồm hai nội dung lớn:

- **Phần 1:** Phân tích văn bản (hoặc nêu vấn đề nội dung câu chuyện) để rút ra ý nghĩa vấn đề.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Nếu đề văn nêu sẵn vấn đề xã hội rút ra từ một tác phẩm, thì người làm chỉ cần phân tích qua vấn đề đó đã được thể hiện như thế nào trong tác phẩm.

+ Nếu đề văn chưa cho sẵn vấn đề xã hội, thì người viết cần đọc - hiểu, phân tích văn bản để rút ra vấn đề xã hội và ý nghĩa của vấn đề trước khi vào phân hai.

- **Phần 2 (trọng tâm):** Nghị luận (phát biểu) về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học (câu chuyện). Khi đã có vấn đề (đề tài, chủ đề) cần bàn bạc rồi, thì mới bắt đầu làm bài nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm, nêu suy nghĩ của bản thân mình về vấn đề ấy.

* Các bước thực hiện

1. Bước 1: Tìm hiểu đề. Xác định các yêu cầu:

- Yêu cầu về vấn đề nghị luận: Vấn đề nghị luận đặt ra từ tác phẩm là gì?
- Yêu cầu về phương pháp : Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng ? (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...)
- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).

2. Bước 2: Lập dàn ý

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề
- Nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài:

-**Luận điểm 1: Nêu hoàn cảnh xuất hiện vấn đề có ý nghĩa xã hội**, phân tích văn bản (hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện) để rút ra ý nghĩa vấn đề (câu chuyện)

- Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ văn bản văn học đó.
- Từ đó, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận

- **Luận điểm 2: Giải thích vấn đề (nếu cần thiết) và bày tỏ quan điểm của bản thân**

- **Luận điểm 3: Phân tích - chứng minh:** Trình bày tác động của tác phẩm văn học

đối với nhận thức, tình cảm và hành động đối với giới trẻ và bản thân. Đặt ra các câu hỏi vào từng khía cạnh của vấn đề và trả lời các câu hỏi đó.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Ấn tượng sâu đậm nhất mà tác phẩm để lại trong em là gì?

+ Tác phẩm đã làm thay đổi tư duy, thái độ, hành động của bản thân em như thế nào? Vì sao?

- Bàn luận mở rộng về vai trò của tác phẩm văn học, bác bỏ ý kiến trái chiều để củng cố quan điểm của mình, trả lời các câu hỏi:

+ Có những quan điểm trái chiều nào về vai trò của tác phẩm văn học cần bác bỏ? Vì sao?

+ Bên cạnh những tác phẩm văn học thực sự có vai trò với tuổi trẻ, có những tác phẩm không có giá trị với tuổi trẻ không? Vì sao?

- Rút ra bài học cho quá trình chọn lọc và tiếp nhận văn học của học sinh.

- Luận điểm 4: Bàn luận

+ Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc như thế nào? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lí)

+ Vấn đề đó có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống con người ?

(Cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực; phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng, hiện tượng được nghị luận)

+ Xem xét vấn đề ở những phương diện, góc độ khác nhau (phương pháp, góc nhìn, tính hai mặt của vấn đề nghị luận...)

+ Phê phán, bác bỏ hoặc ngợi ca những trường hợp nào ...?

+ Rút ra bài học cho bản thân:

Về nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

Về hành động: Xác định hành động bản thân phải làm gì? Việc làm cụ thể, thiết thực.

c. *Kết bài*: Đánh giá ý nghĩa của vấn đề xã hội trong tác phẩm.

5. Luyện đề viết các dạng bài nghị luận xã hội

5.1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống học sinh

ĐỀ 1

Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về sau bạn.

(**Danh ngôn Nam Phi – dẫn theo *Quà tặng cuộc sống*, NXB Thanh niên, 2006).**)

Nếu mặt trời tượng trưng cho sự sống, ánh sáng.

Nếu bóng tối tượng trưng cho nỗi buồn, sự bi quan.

Chắc hẳn, em sẽ chọn lối sống hướng về phía mặt trời?

Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em và thuyết phục các bạn học sinh lựa chọn lối sống hướng về phía mặt trời.

a. Tìm hiểu đề

- Xác định vấn đề nghị luận: Lối sống hướng về phía mặt trời.
- Hình thức: Bài văn
- Thao tác lập luận: Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, so sánh

b. Lập dàn ý

* *Mở bài:*

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận:
- Trích dẫn câu danh ngôn “Hãy hướng về phía mặt trời bóng tối sẽ ngã về sau bạn”.

Ví dụ: Khi trái đất vẫn quay, mặt trời vẫn tỏa nắng, thì mỗi ngày sẽ lại là một cơ hội mới cho chúng ta. Con đường ngắn nhất để thoát khỏi gian nan là đi xuyên qua nó và bạn sẽ thấy mình ở một bậc cao hơn sau mỗi lần vượt qua được nghịch cảnh. Những lúc ấy, bạn đừng quên câu danh ngôn “*Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về sau bạn*”.

b. Thân bài:

- Luận điểm 1: Giải thích câu châm ngôn “Hãy hướng về phía mặt trời bóng tối sẽ ngã về sau bạn” và bày tỏ quan điểm của bản thân

+ *Mặt trời:* tượng trưng cho sự sống, ánh sáng mang một vẻ đẹp rực rỡ, ấm áp, hạnh phúc. *Hướng về phía mặt trời:* hướng về sự sống tràn ngập niềm vui, ánh sáng, nơi tồn tại những điều tốt đẹp. *Bóng tối sẽ ngã về sau lưng bạn:* diễn tả quy luật của tự nhiên, khi bạn hướng mình về phía ánh mặt trời thì bóng của bạn sẽ ngã về sau. Từ đó, ngầm khẳng định khi bạn suy nghĩ và hướng mình tới những điều tốt đẹp, thì những u ám, xấu xa, khó khăn hay thời kì tăm tối kia sẽ bị đẩy lùi, quên lãng và chìm vào quá khứ. Câu châm ngôn là lời khuyên mọi người nên có một thái độ sống tích cực, một cái nhìn lạc quan, niềm tin vào tương lai, biết hy vọng và tạo cho mình hy vọng.

- Luận điểm 2: Bày tỏ quan điểm cá nhân: đồng tình với quan điểm sống mà câu châm ngôn đề ra.

Tài liệu ôn tập văn 12

+ Vì sao khi hướng về phía mặt trời, bóng tôi sẽ ngã về sau bạn?

++ Cuộc sống không là một đường thẳng tắp. Trong cuộc đời mỗi người hẳn phải đi qua những khúc queo, những thăng trầm, va vấp. Có đôi lúc, chúng ta tưởng chừng như cả thế giới đã quay lưng lại với chính mình, mọi thứ tồi tệ đến mức bạn không tìm được một điều gì để bám víu. Bạn thấy mình vô cùng cô đơn.

++ Tuy nhiên, nếu bạn đủ mạnh mẽ và dũng khí để “đi xuyên qua nó”, bạn sẽ thấy cuộc sống luôn là một bữa tiệc dành riêng cho những người mạnh mẽ. Bạn đủ dũng khí để đối diện, đủ mạnh để đương đầu. Khi bạn suy nghĩ lạc quan hơn, tích cực hơn, bạn hướng mình về những điều tốt đẹp, bạn có động lực, mục đích cũng như là sự phấn chấn, cùng niềm tin mãnh liệt, đẩy lùi sự sợ hãi, tuyệt vọng...

+ Lấy dẫn chứng (2 đến 3 dẫn chứng: mới, tiêu biểu, cụ thể, chính xác)

++ Tôi biết một Donald Trump – một nhà tỷ phú nổi tiếng từng phá sản bốn lần. Thế nhưng, ông đã thành công khi vực dậy công ty mình đầu có lúc tưởng chừng như vô vọng. Nếu không hướng về những điều tích cực, khát khao, ước mơ tốt đẹp mà chỉ trượt dài trong nỗi thất vọng, thì liệu ông có thành công gây dựng lại sự nghiệp của chính mình?

++ Chị Phạm Thị Huệ – anh hùng Châu Á – một trong những người bị nhiễm HIV dám công khai thân phận của mình. Với dũng khí và một nghị lực mạnh mẽ, ý chí kiên định cùng sự lạc quan, chị Huệ luôn hướng về phía mặt trời – nơi tồn tại những hoài bão cao đẹp và tươi sáng nhất. Người phụ nữ được tạp chí Time của Mỹ bình chọn là “anh hùng Châu Á” này khiến mọi người phải cảm thấy cảm phục trước tinh thần lạc quan của chị. Sự lạc quan của vị “anh hùng” này không chỉ giúp chị đẩy lùi bóng tối đeo bám mình mà còn tiếp sức, soi sáng cho nhiều hoàn cảnh khác cùng cảnh ngộ...

- Luận điểm 3:

+ Phê phán những cá nhân luôn suy nghĩ tiêu cực, luôn tự trách bản thân, không tin tưởng vào chính mình: Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người ta dễ bị cuốn vào guồng quay vội vã, tất bật và việc bị áp lực đè nặng là không thể tránh khỏi. Vậy nên, thay vì lạc quan và tìm cách vượt qua, một số người vẫn chưa đủ sức để kiểm soát cảm xúc của chính mình. Họ sống những ngày dài trong trạng thái tiêu cực, luôn tự trách hay lo lắng hằng đêm, khiến cho cuộc sống chìm trong bầu không khí căng thẳng, u ám và tối tăm.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân và các thế hệ học sinh:

++ Câu danh ngôn là một hành trang cần thiết cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên đúng đắn phải luôn lạc quan và tin tưởng.

++ Chúng ta cần suy nghĩ lạc quan hơn, sống tích cực và trân trọng từng giây phút được sống, nhất là tuổi trẻ. Mỗi chúng ta cần rèn luyện cho mình một “tinh thần thép”, cố gắng vượt

Tài liệu ôn tập văn 12

qua những giới hạn. Mỗi người đều cần có ước mơ, hoài bão, lý tưởng sống đúng đắn và kiên định theo đuổi, làm động lực để vượt qua gian nan, thử thách.

c. *Kết bài*: Khẳng định lại vấn đề

c. Bài viết tham khảo

Trong bài thơ “Phổ ta”, nhà thơ Lưu Quang Vũ từng viết:

Nếu cuộc đời này toàn chuyện xấu xa

Tại sao cây táo lại nở hoa

Sao rãnh nước lại trong veo đến thế?

Quả thật như vậy! Cuộc sống vốn là bài học dài của nhân loại với những thành công cùng thất bại, hạnh phúc cùng khổ đau, nụ cười cùng nước mắt. Điều quan trọng là đôi mắt nhìn, là thái độ sống của bạn, của tôi, của mỗi chúng ta. Chỉ cần bạn nghĩ tích cực, lạc quan thì mọi việc khó khăn sẽ trở nên giản đơn. Bởi thế danh ngôn Nam Phi đã từng dạy: “Hãy hướng về phía mặt trời bóng tối sẽ ngã về sau bạn”.

Mỗi câu danh ngôn giống như “muối lắng ở ô nê” luôn gửi gắm thông điệp, những bài học trong từng hình ảnh từng câu từ. Nếu “mặt trời” là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho sự sống, ánh sáng mang một vẻ đẹp rực rỡ, ấm áp, hạnh phúc thì “hướng về phía mặt trời” là hướng về sự sống tràn ngập niềm vui, ánh sáng, nơi tồn tại những điều tốt đẹp. Còn “bóng tối” chắc chắn sẽ là hình ảnh ẩn dụ cho nỗi buồn, đau khổ, đắng cay cho những thất bại, bế tắc, tuyệt vọng trong cuộc sống. Vế câu “Bóng tối sẽ ngã về sau lưng bạn” không chỉ miêu tả một sự thật hiển nhiên rằng khi bạn hướng mình về phía ánh mặt trời thì bóng của bạn sẽ ngã về sau mà còn ngụ ý rằng, khi bạn suy nghĩ và hướng mình tới những điều tốt đẹp, thì những u ám, xấu xa, khó khăn hay thời kì tăm tối kia sẽ bị đẩy lùi, quên lãng và chìm vào quá khứ. Như vậy, câu danh ngôn ẩn chứa một lời khuyên ý nghĩa cho bạn, cho tôi và cho tất cả chúng ta đó là: mọi người nên có một thái độ sống tích cực, một cái nhìn lạc quan, niềm tin vào tương lai, biết hy vọng và tạo cho mình hy vọng.

Một gia đình êm ấm, một công việc thích hợp, một mức lương khá khẩm hay là một tình yêu sâu sắc, những người bạn chân thành ... Đó là một cuộc sống hoàn hảo với bình yên, thành công và hạnh phúc. Khát vọng ấy hoàn toàn chính đáng mà mỗi chúng ta đều mơ ước có được. Thế nhưng cuộc sống không là một đường thẳng tắp. Trong cuộc đời mỗi người hẳn phải đi qua những khúc queo, những thăng trầm, va vấp. Có đôi lúc, chúng ta tưởng chừng như cả thế giới đã quay lưng lại với chính mình, mọi thứ tồi tệ đến mức bạn không tìm được một điều gì để bám víu. Khi đó, bạn sẽ thấy mình vô cùng cô đơn. Tuy nhiên, nếu bạn đủ mạnh mẽ và dũng khí để “đi xuyên qua nó”, bạn sẽ thấy cuộc sống luôn là một bữa tiệc dành riêng cho những người mạnh mẽ bởi “hướng về phía mặt trời bóng tối sẽ ngã về sau”. Vì sao lại như vậy? Bởi lẽ khi gặp thử thách dù khó khăn đến đâu nếu không mất hi vọng tức là bạn đã thành công một phần. Dù nhỏ

nhưng thành công ấy chắc chắn sẽ đem đến cho ta sự bình yên trong tâm hồn, sự thanh thản vì đã góp phần rũ bỏ, “đẩy lùi bóng tối” để rồi sau đó đem đến cho ta cái nhìn lạc quan vào cuộc sống. Cũng như hình ảnh của cây hoa hướng dương vậy, đài hoa luôn hướng về phía mặt trời để che cho “mầm sinh trưởng” của cây phát triển. Con người chúng ta “hướng về phía mặt trời” bằng cái nhìn hướng về tương lai, và khi bạn nghĩ về tương lai tươi sáng với cơ sở của niềm tin thì quá khứ là bóng tối sẽ không còn bủa vây lấy bạn nữa. Không chỉ thế, khi bạn nhìn về phía mặt trời thì chính mặt trời sẽ hun đúc dưỡng khí trong bạn để giúp bạn có sức mạnh đối diện, đương đầu với khó khăn, cũng như bạn sẽ có thêm động lực, mục đích cũng như là sự phấn chấn, cùng niềm tin mãnh liệt, đẩy lùi sự sợ hãi, tuyệt vọng... Tôi biết một Donald Trump – một nhà tỷ phú nổi tiếng từng phá sản bốn lần. Thế nhưng, ông đã thành công khi vực dậy công ty mình đầu có lúc tưởng chừng như vô vọng. Nếu không hướng về những điều tích cực, khát khao, ước mơ tốt đẹp mà chỉ trượt dài trong nỗi thất vọng, thì liệu ông có thành công gây dựng lại sự nghiệp của chính mình? Chị Phạm Thị Huệ – anh hùng Châu Á – một trong những người bị nhiễm HIV dám công khai thân phận của mình. Với dũng khí và một nghị lực mạnh mẽ, ý chí kiên định cùng sự lạc quan, chị Huệ luôn hướng về phía mặt trời – nơi tồn tại những hoài bão cao đẹp và tươi sáng nhất. Người phụ nữ được tạp chí Time của Mỹ bình chọn là “anh hùng Châu Á” này khiến mọi người phải cảm thấy cảm phục trước tinh thần lạc quan của chị. Sự lạc quan của vị “anh hùng” này không chỉ giúp chị đẩy lùi bóng tối đeo bám mình mà còn tiếp sức, soi sáng cho nhiều hoàn cảnh khác cùng cảnh ngộ...

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người ta dễ bị cuốn vào guồng quay vội vã, tất bật và việc bị áp lực đè nặng là không thể tránh khỏi. Vì thế, rất nhiều người thay vì lạc quan và tìm cách vượt qua lại để cảm xúc tiêu cực kiểm soát chính mình. Họ sống những ngày dài trong trạng thái tiêu cực, luôn tự trách hay lo lắng hằng đêm, khiến cho cuộc sống chìm trong bầu không khí căng thẳng, u ám và tối tăm. Họ quên rằng khi “hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về sau”. Vì thế, họ đánh mất đi những ngày hạnh phúc và cơ hội để vượt lên một tầm cao mới.

Câu danh ngôn là một hành trang cần thiết cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên đúng đắn phải luôn lạc quan và tin tưởng. Vậy làm thế nào để biết “hướng về phía mặt trời? Đơn giản là chúng ta hãy rèn luyện ý chí, niềm tin và kiên thức, cần nhất là thái độ sống của bạn: phải luôn nhìn mọi thứ theo hướng mới mẻ và tích cực, cũng như một bài toán khó không nên chỉ giải theo một cách, mà bạn phải linh động nghĩ ra một hướng nào đó đơn giản hơn. Một người bạn đã có lần nói với tôi: “Đừng bao giờ nghĩ về những điều rắc rối cậu đang gặp phải, chỉ cần quan tâm đến kết quả của nó để cậu cố gắng”. Tôi coi đó cũng là một cách hữu hiệu nhất để mình có thể hướng về phía mặt trời và luôn mỉm cười. Còn bạn thì sao? Đối mặt với bóng tối bạn có đủ dũng cảm để vượt qua chứ?

ĐỀ 02

Martin Luther King từng nói: "Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người

tốt".

Thế nhưng hiện nay, một bộ phận học sinh đang lựa chọn cách ứng xử im lặng trước cái xấu. Hãy viết bài văn nghị luận bàn về câu nói của Martin Luther King để thuyết phục các bạn trẻ thay đổi cách ứng xử đó.

a. Tìm hiểu đề

- Xác định vấn đề nghị luận: Bàn về sự đau đớn, thất vọng do lời nói và hành động của kẻ xấu không lớn bằng việc những người tốt không có bất cứ phản ứng gì trước những việc làm của kẻ xấu-bệnh cô cảm.
- Xác định thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ
- Xác định phạm vi tư liệu: đời sống xã hội.

b. Lập dàn ý

Mở bài:

- Giới thiệu hiện tượng cần bàn: Sự đau đớn, thất vọng do lời nói và hành động của kẻ xấu không lớn bằng việc những người tốt không có bất cứ phản ứng gì trước những việc làm của kẻ xấu và căn bệnh cô cảm.

- Trích dẫn câu nói

Thân bài:

*** LD1. Giải thích và bày tỏ quan điểm**

- Giải thích :

+ Xót xa : Là thái độ, cảm xúc của con người trước những hậu quả do lời nói và hành động của người khác gây ra.

+ Kẻ xấu : Là những con người luôn tìm cách hãm hại, làm tổn thương tới mọi người.

+ Sự im lặng : Là không lên tiếng, không bày tỏ quan điểm của cá nhân mình trước lời nói và việc làm của người khác.

+ Người tốt : Là những người không gây hại, làm tổn thương đến mọi người xung quanh.

=> Câu nói của M.L. King là lời nhắc nhở chúng ta về thái độ của một bộ phận con người trong cuộc sống hiện nay : chúng ta không chỉ đau đớn trước những hậu quả do kẻ xấu mang lại, mà chúng ta còn xót xa trước sự dửng dưng, thờ ơ của người tốt trước cái xấu, cái ác. Sự im lặng của người tốt là sự im lặng đáng sợ vì đó là phản ứng bất bình thường con người trái ngược với những chuẩn mực của đạo đức.

Tài liệu ôn tập văn 12

- **Bày tỏ quan điểm** : Ý kiến của M.L.King vừa nêu lên thực trạng vừa cảnh báo về sự vô cảm của con người trong xã hội hiện nay. Cá nhân tôi hoàn toàn đồng tình với ý kiến của M.L. King.

*** LD2: Phân tích và chứng minh**

- **Sự xót xa trước những lời nói và hành động của kẻ xấu.**

+ Cuộc sống là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên luôn luôn tồn tại hai loại người: xấu và tốt. Vì thế, ta thấy đau lòng vì hàng ngày, hàng giờ vẫn có những nhiều đáng tiếc xảy ra, chà đạp lên các giá trị

Những lời nói và hành động của kẻ xấu đã gây hại cho con người cả về vật chất, tinh thần ; có khi chúng sẵn sàng hủy hoại cả cuộc sống, tương lai của những người khác để đạt được mục đích của bản thân.

+ Cần phê phán, loại bỏ những lời nói và hành động của kẻ xấu trong xã hội.

- **Xót xa đau đớn hơn trước sự im lặng đáng sợ của người tốt**

+ Biểu hiện của sự im lặng của người tốt như thế nào ?

+ Sự im lặng của người tốt gây ra những hậu quả gì cho cuộc sống con người và xã hội ?
(Dẫn chứng chứng minh)

+ Cuộc sống là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên luôn luôn tồn tại hai loại người: xấu và tốt. Vì thế, ta thấy đau lòng vì hàng ngày, hàng giờ vẫn có những nhiều đáng tiếc xảy ra, chà đạp lên các giá trị

*** LD3 : Bàn luận**

- Không chỉ lên án những lời nói và hành động của kẻ xấu mà còn lên án sự thờ ơ, dửng dưng của người tốt trước cái xấu, cái ác. Tuy nhiên, cũng cần đặt ra câu hỏi : vì sao người tốt lại lựa chọn sự im lặng ?

- Bài học nhận thức và hành động :

+ Phải nhận thức rõ nhưng việc làm tốt – xấu xung quanh cuộc sống của mình. Không làm ngơ trước cái xấu, cái ác, không có thái độ sống thờ ơ, vô cảm

+ Ủng hộ việc làm của những người tốt, có ý thức bảo vệ người khác để xã hội ngày một tốt đẹp hơn.

+ Nâng cao nhận thức ở giới trẻ: nhà trường và đoàn thanh niên ... cần thường xuyên tổ chức các diễn đàn để tuyên truyền, giáo dục thanh niên về lối sống đẹp

- Phê phán quyết liệt và nghiêm khắc nhắc nhở những cá nhân có hành vi xấu, vô cảm

Kết bài: Khẳng định lại câu nói của M.L.King

c. Bài viết tham khảo. Bài viết của Đỗ Thị Ngọc Anh (*Lớp 11 chuyên Anh trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - đường Ngô Quyền - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương*)

Cách đây không lâu, cư dân mạng truyền tay nhau một đoạn clip tại một bến xe buýt ở Hà Nội. Nhân vật trong clip là một thanh niên gầy gò, gương mặt vô cùng khắc khổ, đã bị kẻ gian lấy cắp chiếc ví. Dẫu rằng, chiếc ví ấy không hề có tiền mà chỉ có một giấy phép lái xe, nhưng giấy phép lái xe này lại là một vật vô cùng có giá trị với người thanh niên ấy nên anh ta thảm thiết nhìn ra xung quanh van nài kẻ trộm: “Cho em xin... không có tiền đâu, chỉ có bằng lái xe thôi...”. Vậy mà trước hoàn cảnh đáng thương của anh thanh niên, không ai dám lên tiếng, không ai hỏi han hay có ý giúp đỡ người đàn ông tội nghiệp. Câu chuyện này để lại trong tôi nhiều suy nghĩ, suy nghĩ về cách sống và thái độ ứng xử của con người trong xã hội hiện nay. Cũng bàn về vấn đề này, Martin Luther King - nhà hoạt động nhân quyền Mỹ gốc Phi, từng đoạt giải Nobel Hòa Bình năm 1964, cho rằng: *“Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa trước lời nói và hành động của kẻ xấu mà còn cả vì sự im lặng đến đáng sợ của người tốt”*.

Con người sinh ra và lớn lên, họ luôn đối diện với nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều trạng thái khác nhau trong cuộc sống. Xót xa là một cảm giác đau đớn, nuối tiếc vô cùng sâu sắc. Còn im lặng tức là không có hành động hay phản ứng cụ thể trước những tình huống, sự việc đáng lẽ cần có thái độ, có phản ứng. Sự im lặng ấy trở nên đáng sợ khi nó là một biểu hiện bất thường trong cách ứng xử của con người có thể gây ra cảm giác bất an cho người khác. Thực tế, chúng ta sống trong một xã hội luôn tồn tại hai loại người: kẻ xấu là người kém đạo đức, đáng khinh ghét, có thể gây hại, mang lại những điều không hay. Lời nói và hành động của họ đều không phù hợp với các quy tắc chuẩn mực đạo đức, làm tổn thương người khác và có những tác động tiêu cực đến xã hội. Ngược lại, người tốt luôn có những biểu hiện đáng quý về tư cách đạo đức, về thái độ hành vi trong các mối quan hệ và được mọi người đánh giá cao. Như vậy, thông qua câu nói của mình, Martin Luther King muốn gửi gắm tới người đọc một thông điệp sâu sắc: Nỗi đau đớn nuối tiếc do những lời nói và hành động của người xấu không xót xa bằng việc người tốt không có hành động thái độ hay bất kỳ phản ứng nào trước việc làm sai trái ấy.

Khi còn nhỏ, ta không mấy khi quan tâm đến những thứ xung quanh mình mà chỉ thường quan tâm tới chính bản thân: Hôm nay sẽ được ăn món gì, sẽ học gì, sẽ có phim hoạt hình gì, có truyện tranh gì sắp ra... Lớn lên một chút, bước vào tuổi biết nghĩ, ta thấy bạn bè quay cóp trong giờ kiểm tra trong khi chính mình phải học cật lực, ta thấy bãi gửi xe gần trường thu 3.000 đồng một chiếc xe đạp trong khi đó quy định là 2.000 đồng. Rồi ta còn thấy người ta vượt đèn đỏ, lượn lách đánh võng, thấy đám côn đồ dối trá, lừa lọc bà cụ bán nước ven đường. Chứng kiến những hành động như thế, thử hỏi ai mà không bất bình? Bởi lẽ, những hành động ấy là biểu hiện của sự thấp kém về nhận thức và ý thức, nó gây ra những tổn thất cả về vật chất và tinh thần cho mọi người và xã hội. Hơn thế nữa, sự tồn tại của những lời nói và hành động của kẻ xấu cũng là biểu hiện của sự bất ổn của xã hội ở một mức độ nhất định. Xót xa trước hành động của người xấu là lẽ tất nhiên. Nhưng tại sao chúng ta lại xót xa hơn trước sự im lặng đến đáng sợ của người tốt? Trong suy nghĩ của mọi người, người tốt luôn có tư cách đạo đức, có khả năng và trách

nhệm trong việc thực hiện những hành vi đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Với phẩm chất vốn có ấy, họ không thể nào không có phản ứng trước cái xấu, cái tiêu cực, những điều “chương tai gai mắt” trong xã hội. Vậy nên, thái độ im lặng của họ chính là một biểu hiện bất thường. Sự im lặng ấy xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Họ im lặng bởi họ bất lực khi thấy phản ứng của mình không hề có hiệu quả. Họ im lặng khi cảm thấy cô độc, lạc lõng vì những việc tốt mình làm không nhận được sự ủng hộ của số đông. Chăm lo làm kinh tế khiến đời sống khá giả, nhưng mê mải quá nhiều lại đẩy người ta ra xa nhau hơn, lo cho lợi ích của mình hơn là lợi ích người khác. Có rất ít người sẽ la lên khi thấy một tên trộm đang trộm xe trên vỉa hè, hay đứng ra bênh vực nạn nhân trong một vụ va chạm trên đường phố - nhất là kẻ gây sự lại là đám côn đồ, lưu manh. Người tốt im lặng khi họ mất niềm tin, khi họ thấy kết quả của những lời nói, hành động xuất phát từ lương tâm và trách nhiệm lại trở thành sự coi nhẹ, chế nhạo của người khác, thậm chí còn gây ra những tổn thương ko đáng có cho chính họ.

Quay trở lại câu chuyện của anh thanh niên trên chuyến xe buýt, không ít người cảm thấy buồn và xót xa. Xung quanh đó có rất nhiều người đang chờ xe, nhưng đáp lại lời khẩn cầu của anh thanh niên là sự im lặng. Cuối cùng, người đàn ông bơ vơ đành phải bước đi với gương mặt tuyệt vọng. Rõ ràng, muốn bắt tên trộm kia không phải là chuyện khó. Tài xế đóng cửa xe lại, yêu cầu tất cả mọi người bảo quản hành lí, gọi điện cho cơ quan chức năng khám xét từng người. Nhưng sao không ai dám lên tiếng? Phải chăng chúng ta không dám bênh vực người lương thiện, phải chăng nỗi sợ hãi cái xấu, cái ác đang giết chết dần lương tâm chúng ta? Xét cho cùng, im lặng vì bất kì lí do nào đi nữa, thì đó cũng là biểu hiện của sự tha hóa ở mỗi cá nhân và cho thấy dấu hiệu bất ổn của xã hội. Nói cách khác, khi người tốt im lặng là khi xã hội đang đứng trên bờ vực của sự phá sản những giá trị tinh thần.

Vậy, làm thế nào để người tốt không im lặng nữa? Hãy trao quyền và khuyến khích người tốt cất lên tiếng nói của mình bằng cách lắng nghe tiếp thu ý kiến và sẵn sàng sửa đổi theo những ý kiến đóng góp đúng đắn của họ. Hãy đưa ra những chính sách bảo vệ, để tránh tối đa những tổn thất mỗi khi người tốt cất tiếng nói. Chúng ta không phải lúc nào cũng có thể đứng lên bảo vệ chính nghĩa, ủng hộ cái tốt điều hay, bởi có thể cá nhân ấy không đủ sức mạnh. Nhưng không có nghĩa chúng ta phải thỏa hiệp với cái xấu, cái ác. Bởi ngay cả khi không đủ sức mạnh để thay đổi nó, ta vẫn luôn có đủ quyết tâm để không đồng tình và không bị nó lôi kéo. Chúng ta đang sống trong một xã hội mà những mối quan hệ với cộng đồng đã trở nên không thể thiếu. Không ai có thể đơn độc trong cuộc sống được, vì vậy, trong quá trình đấu tranh chống lại cái ác, cần xây dựng những hiệp hội của những người cùng chí hướng mục đích để phấn đấu cho sự phát triển chung của xã hội, để người tốt có chỗ đứng và điểm tựa. Khi đó họ sẽ không ngần ngại bày tỏ ý kiến quan điểm của mình. Tất cả những gì chúng ta cần làm là sống dũng cảm, là làm những điều tốt đẹp cho cuộc sống, và để nó tự nhân bản.

Ý kiến của Martin Luther King là một lời cảnh báo nghiêm khắc để cảnh tỉnh con người trước nguy cơ về sự băng hoại của những giá trị tinh thần, biểu hiện những hành vi ứng xử của con người trong đời sống. Có người đã nói: “Lùi bước cho cái xấu cũng là một tội ác”. Hãy nhớ

Tài liệu ôn tập văn 12

rằng, cái xấu chỉ mạnh khi nó thấy cái tốt dường như đồng tình với nó. Và nó sẽ bị rút hết không khí và tắt thở khi chúng ta nhìn nó với ánh mắt khinh miệt và xa lánh. Đây là một ý kiến thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển chung của toàn xã hội. Đó cũng là một thái độ đúng, tích cực, xuất phát từ nhận thức về yêu cầu đối với hành vi của con người trong một xã hội tiến bộ, nhân văn. Khi đơn độc một mình, người tốt sẽ trở nên yếu đuối, nhu nhược và thất bại cay đắng. Họ chỉ đủ mạnh khi họ kết nối với nhau trong một tập thể, trong một xã hội biết coi trọng giá trị nhân văn đích thực của con người. Trước sự im lặng của người tốt, xót xa là điều khó tránh song điều đó là chưa đủ mà ta còn phải hành động, phải có những giải pháp tích cực để thay đổi hiện trạng đó trong mỗi cá nhân con người và toàn xã hội.

Mỗi chúng ta luôn mong muốn xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, mà ở đó con người được sống trong yên vui hạnh phúc. Hãy coi câu nói của Martin Luther King là một bài học, hãy xắn tay áo lên và hành động ngay từ hôm nay, bắt đầu từ những việc nhỏ bé nhất mà chúng ta có thể. Tôi tin rằng điều đó ko phụ thuộc vào tuổi tác, mạnh yếu hay giàu nghèo, mà bất kì ai cũng làm được. Đừng bao giờ thỏa hiệp và làm ngơ trước cái xấu, bạn nhé!

ĐỀ LUYỆN 03

Nếu không làm chỗ dựa cho mọi người, ta sẽ phải dựa dẫm vào người khác.

Anh/Chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về quan điểm trên.

GỢI Ý

I. MỞ BÀI: Dẫn dắt, nêu được vấn đề cần nghị luận: phát huy những giá trị của bản thân.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích:

- *chỗ dựa cho mọi người:* là khi ta có được những thành tựu, có được sự ưu tú để mọi người tôn trọng, nể phục, không chỉ làm chủ, lo được cho bản thân mà còn giúp đỡ được cho những người khác.

- *dựa dẫm vào người khác:* Nếu ta không có năng lực, không tự rèn giũa bản thân thì sẽ trở nên kém cỏi, không tự giải quyết được những công việc của bản thân mà phụ thuộc và trở thành gánh nặng cho người khác.

=> Nếu không trở thành người có giá trị để có thể giúp đỡ người khác về vật chất và tinh thần, ta sẽ phải lệ thuộc vào sự giúp đỡ của họ.

2. Bàn luận: Đây là một quan điểm đúng.

- Trong cuộc sống, mỗi người đều tiềm ẩn những năng lực nhất định. Nếu nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, mài sắc những năng lực bản thân chúng ta sẽ đạt được những thành công, có đời sống

Tài liệu ôn tập văn 12

tinh thần thoải mái, có thái độ tự tin, chủ động trong cuộc sống. Khi đó, ta sẽ trở thành chỗ dựa cho mọi người. Bởi:

+ Lúc ấy, chúng ta không chỉ góp phần thúc đẩy đời sống kinh tế xã hội sẽ phát triển, tạo công ăn việc làm cho mọi người mà còn có điều kiện chia sẻ, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh.

+ Ta có thể động viên, chia sẻ, làm chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho những người xung quanh về mặt tinh thần.

- Ngược lại, nếu không phát huy được năng lực bản thân, không gạt hái được những thành tựu có giá trị, chúng ta phải lệ thuộc vào người khác về mọi phương diện. Bởi:

+ Lệ thuộc về đời sống vật chất, khiến đời sống bấp bênh và không có điều kiện chia sẻ, giúp đỡ những người khác. Dựa dẫm cũng sẽ khiến ta mất sự chủ động, tự tin, tạo thói quen chây lười, ỉ lại.

+ Dựa dẫm về tinh thần càng khiến con người ủy mị, yếu đuối, dễ gục ngã khi gặp những biến động bất thường.

- Dẫn chứng chứng minh

- Phần đầu “làm chỗ dựa” cho mọi người không đồng nghĩa với việc bao bọc vô điều kiện khiến họ hình thành thói quen ỉ lại, dựa dẫm. Tạo cho người khác chỗ dựa là giúp họ phấn đấu vươn lên. Không sống dựa vào người khác không có nghĩa là bỏ qua, coi thường sự giúp đỡ của mọi người với mình. Nếu biết sử dụng sự hỗ trợ cần thiết, vừa phải của người khác để tiến lên, ta có thể có đóng góp nhiều hơn, là chỗ dựa của rất nhiều người khác.

3. Bài học rút ra:

+ Chủ động, tích cực phấn đấu để có thể làm chỗ dựa cho những người xung quanh. trên tinh thần giúp mọi người cùng tiến bộ.

+ Luôn có ý thức tự chủ, tránh dựa dẫm vào người khác nhưng cũng biết tận dụng sự tương trợ cần thiết của mọi người ở một mức độ nhất định để gạt hái thành công hơn.

- Liên hệ tới bản thân.

III. KẾT BÀI: Khẳng định lại vấn đề.

ĐỀ LUYỆN 04

Hãy sống nhanh cùng thời đại, hãy sống chậm cho tâm hồn.

Từ ý kiến trên, anh/chị suy nghĩ gì về vấn đề sống nhanh, sống chậm thời đại 4.0 của thế hệ học sinh ngày nay.

GỢI Ý

I. MỞ BÀI: Dẫn dắt, nêu được vấn đề cần nghị luận: Quan niệm sống trong thời đại 4.0 – việc sống nhanh và sống chậm.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích:

- Thời 4.0 là thời đại mà toàn bộ các ngành, lĩnh vực đều chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 - cách mạng công nghiệp tập trung vào phát triển công nghệ kỹ thuật số với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật, truy cập dữ liệu thời gian thực và giới thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng.

- *Sống nhanh:* Là sống khẩn trương, có sự tiếp thu, phản ứng, hành động nhanh nhạy, linh hoạt.

- *Sống chậm:* Là sống thong thả, chậm rãi, không vội vàng trong cả suy nghĩ, hành động.

- *Sống nhanh cùng thời đại:* sống khẩn trương, nhạy bén cùng với những biến chuyển, đổi thay của thời cuộc.

- *Sống chậm cho tâm hồn:* sống thong thả, chậm rãi để di dưỡng tâm hồn mình.

-> Đó là 2 cách thức sống con người cần phải biết kết hợp trong cuộc sống của mình.

2. Bàn luận:

- Thời đại 4.0 cuộc sống biến chuyển, đổi thay từng giây, từng phút. Đó là thời đại của tốc độ, của thế giới phẳng. Để thích ứng với thời cuộc, con người cần đẩy nhanh tốc độ sống, tâm thế sống của mình. Họ cần tiếp thu nhanh, phản ứng nhanh, hành động nhanh để nắm bắt, tận dụng mọi cơ hội; trở thành một người sống năng động, nhạy bén, linh hoạt. Với giới trẻ của thời đại 4.0 "*Sống là không chờ đợi*", là cuộc chạy đua tốc độ, không ai muốn mình trở thành người tụt hậu, kẻ đến sau. Họ cần sống nhanh để theo cùng thời đại.

(Học sinh lấy dẫn chứng trong đời sống xã hội để chứng minh)

- Nhưng nếu chỉ sống nhanh cùng thời đại, con người bị guồng quay hối hả, gấp gáp của cuộc sống xoay đảo liên tục, căng thẳng, áp lực về cả thể xác và tinh thần - stress chính là căn bệnh của thời đại 4.0. Con người không phải là cỗ máy vô tri, cũng không chỉ sống bằng lí trí để rơi vào vô cảm. Sống nhanh khiến con người bỏ qua nhiều điều có ý nghĩa của cuộc sống vì nó nhỏ nhặt, khuất lấp, cần tinh tế cảm nhận. Vì thế con người cũng cần thiết phải biết sống chậm. Sống chậm là sự tận hưởng cuộc sống qua các cung bậc xúc cảm của tâm hồn và trái tim, sống chậm giúp con người tự cân bằng. Sống chậm chính là để di dưỡng tâm hồn mình: để biết lắng nghe, biết cảm nhận, biết thấu hiểu, biết sẻ chia...

(Học sinh lấy dẫn chứng trong đời sống xã hội để chứng minh)

Tài liệu ôn tập văn 12

- Mối quan hệ giữa sống nhanh và sống chậm thời 4.0: Sống nhanh và sống chậm không loại trừ, đối nghịch nhau. Chỉ khi biết kết hợp 2 cách thức sống: sống nhanh và sống chậm, con người mới SỐNG theo đúng nghĩa và cảm nhận trọn vẹn và đầy đủ nhất ý nghĩa và giá trị cuộc sống. Nghệ thuật sống là phải biết sống chậm giữa đời nhanh.

- Mở rộng, liên hệ:

+ Cần nhận biết, đánh giá đúng mức về cách thức sống nhanh và sống chậm của bản thân và người khác trong đời sống xã hội. Phân biệt giữa sống nhanh và sống vội, sống gấp chỉ để hưởng thụ. Phân biệt sống chậm để di dưỡng tâm hồn với sống chậm chỉ là vỏ bọc để chây lười, thụ động, ỳ lì. Sống nhanh không phải chỉ là lối sống hiện đại, trẻ trung của giới trẻ; sống chậm không có nghĩa là lối sống già nua, lạc hậu của người già. Bất cứ ở lứa tuổi nào, trình độ nào giữa thời đại ngày nay con người cũng cần học sống nhanh và sống chậm.

+ Cần cảnh báo một bộ phận giới trẻ ngày nay chỉ quay cuồng sống nhanh không biết sống chậm, thiếu sự nuôi dưỡng, vun đắp cho tâm hồn nên tự đẩy bản thân đối mặt với những áp lực cuộc sống, rơi vào lối sống vô cảm, tự kỉ dẫn đến những hậu quả đáng tiếc cho bản thân, gia đình và xã hội...

3. Rút ra bài học cho bản thân:

+ Học cách biết sống nhanh và sống chậm là hành trang cần thiết cho giới trẻ bước chân vào đời. Sống chậm sẽ giúp giới trẻ đi nhanh và xa trên đường đời.

+ Giới trẻ cần nỗ lực học hỏi, thu nhận kiến thức để có thể sống nhanh cùng thời đại. Bên cạnh đó cần dành thời gian lắng tai mà nghe, lắng lòng để hiểu; mở rộng lòng để quan tâm, sẻ chia; cảm nhận, trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp, những điều cho dù nhỏ nhưng lại vô cùng có ý nghĩa trong thiên nhiên, trong cuộc sống - đó chính là cách ta đang sống chậm cho tâm hồn.

III. KẾT BÀI: Khẳng định lại vấn đề.

.....

ĐỀ LUYỆN 05

Trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói sau:

Khi của cải mất, chẳng có gì mất cả. Khi sức khỏe mất, mất một vài thứ rồi. Khi ý chí mất, chẳng còn lại gì nữa.

GỢI Ý

I. MỞ BÀI: Dẫn dắt, nêu được vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sức khỏe, ý chí

II. THÂN BÀI

1. Giải thích:

- *Của cải*: thuộc đời sống vật chất (*nếu mất -chẳng có gì mất cả*): của cải vẫn có thể làm ra được

- *Sức khoẻ*: liên quan đến thể lực của con người (*nếu mất-mất một vài thứ rồi*): thiếu sức khoẻ ,con người khó có thể làm được những điều như mong muốn

- *Ý chí*: thuộc đời sống tinh thần. Là khả năng tự xác định phương hướng và mục đích cho hành động của mình,sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn,gian khổ ,quyết tâm thực hiện lí tưởng của mình (*nếu mất-mất tất cả*). Điều đó có nghĩa là:không còn ý chí ,con người sẽ không thể làm được gì.

=>Ý kiến đưa ra ba khả năng xấu có thể xảy ra trong đời sống của con người, theo cấp độ tăng dần. Từ đó tác giả muốn khuyên: Của cải vật chất không quan trọng bằng sức khoẻ và ý chí của con người. Đặc biệt, khẳng định ý chí có vai trò quan trọng trong đời sống.

2. Bàn luận:

- Của cải vật chất nếu mất đi thì con người vẫn có thể tạo ra của cải vật chất khác phục vụ đời sống của mình . “Một mặt người bằng mười mặt của”.

- Sức khoẻ là vốn quý của con người. Khi sức khoẻ yếu cũng khó có thể làm được những điều như mong muốn.Vì thế con người cũng phải giữ gìn sức khoẻ, nâng cao thể chất của mình.

- Ý chí sẽ cho con người mục đích sống đúng đắn, có đủ nghị lực, quyết tâm để vượt qua mọi gian khổ khó khăn. Nếu mất nó, con người sẽ mất phương hướng, mục tiêu sống; khi gặp một chút khó khăn, con người sẽ không thể vượt qua, thậm chí sẽ rơi vào tuyệt vọng, bế tắc. (Dẫn chứng trong sách vở và cuộc sống về những con người có ý chí làm được những điều tốt đẹp cho bản thân và cộng đồng như Gor-ki, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thầy Nguyễn Ngọc Kí, những tấm gương vượt khó...)

- Mở rộng vấn đề:

+ Cần có ý chí nghị lực song không nên tuyệt đối hoá. Ngoài ý chí, con người còn cần tri thức, đạo đức ...mới có thể thành công trong cuộc sống. Cần thấy được vai trò của của cải vật chất song không nên quá coi trọng vật chất mà đánh mất tình cảm,lí trí

+ Phê phán những lối sống thực dụng,những con người coi thường sức khoẻ của bản thân, đặc biệt phê phán những con người đánh mất ý chí, thiếu ý chí nghị lực.

3. Bài học rút ra:

- Cần luôn biết cân bằng giữa sức khoẻ thể chất và tinh thần.

Tài liệu ôn tập văn 12

- Khi gặp khó khăn, thử thách, hãy dũng cảm và kiên trì vượt qua, đừng vội bỏ cuộc. Chỉ mạnh mẽ đối diện và vượt qua khó khăn thì ta mới có thể bước tới những điều tốt đẹp đang chờ đón ta phía trước.

III. KẾT BÀI: Khẳng định lại vấn đề.

.....

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP NĂM 2025

ĐỀ SỐ 01.

I. ĐỌC HIỂU:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂU CHUYỆN CỦA HAI HẠT MÀM

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói: Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên...

Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã.

Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loang quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạc lõng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.

Trong cuộc sống sẽ luôn có những cơ hội cho những ai dám chấp nhận mạo hiểm, trải nghiệm những thử thách, mạnh dạn vượt qua những khuôn khổ lối mòn để bước lên những con đường mới.

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, Fisrt New và NXB Tổng hợp TP HCM)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2: Tác dụng của biện pháp điệp ngữ “tôi muốn” trong lời nói của hạt mầm thứ nhất?

Câu 3: Sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm?

Câu 4: Viết đoạn văn (khoảng 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về con đường để đạt được ước mơ.

Câu 4: Anh(chị) có đồng tình với quan điểm: “ Trong cuộc sống sẽ luôn có những cơ hội cho những ai dám chấp nhận mạo hiểm, trải nghiệm những thử thách, mạnh dạn vượt qua những khuôn khổ lối mòn để bước lên những con đường mới” không? Vì sao?

Tài liệu ôn tập văn 12

Câu 5: Từ câu chuyện trên anh(chị) rút ra bài học gì cho bản thân?

II.VIẾT:

Câu 1. Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về việc chấp nhận mạo hiểm, trải nghiệm những thử thách để hướng tới tương lai.

Câu 2.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn thơ sau:

-Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa...”
mẹ thường hay kể
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
Tóc mẹ thì bới sau đầu
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó...

(Nguyễn Khoa Điềm, trích Mặt đường khát vọng, in trong Thơ Việt Nam 1945 – 1975, NXB Văn học, Hà Nội, 1985, tr. 212 – 213)

-Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu
Nghe dịu nỗi đau của mẹ
Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ
Các anh không về, mình mẹ lặng im.
Đất nước tôi
Từ thuở còn nằm nôi
Sáng chấn bão dông, chiều gánh nắng lửa
Lao xao trưa hè một giọng ca dao
Xin hát về Người, đất nước ơi! Xin hát về Mẹ, Tổ quốc ơi! Suốt đời lam lũ
Thương lũ trẻ làng bãi dâu, bến nước

Yêu trọn tình đời, muối mặn gừng cay...

(Tạ Hữu Yên, Đất nước, in trong Tuyển tập Tạ Hữu Yên,

NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006)

=====HẾT=====

ĐỀ SỐ 02

I. ĐỌC HIỂU:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

(II) *Cùng một cơn mưa, người tiêu cực sẽ bực mình vì phải trùm áo mưa, người lạc quan thì nghĩ đến **cây cối xanh tươi, không khí sẽ được trong lành**. Và một khi chúng ta không thể thay đổi được hiện tượng xảy ra, tốt nhất là nhìn nó bằng ánh mắt tích cực. Cái thiện có thể sẽ thua cái ác trong một thời điểm nhưng chung cuộc sẽ chiến thắng. Cứ sau một sự cố, con người lại tìm nguyên nhân và khắc phục nó. Sau lũ lụt, phù sa sẽ làm màu mỡ hơn cho cánh đồng, sâu bọ sẽ bị quét sạch ra biển, dư lượng hóa chất trong đất đai sẽ bị rửa sạch. Lỗi lầm của người khác, thay vì giữ trong lòng và tức giận, thôi bỏ qua, mình sẽ thấy thoải mái hơn rất nhiều. Nói một cách khác, nếu bạn được sống 100 năm, xem như là một bộ phim có 100 tập, thì hãy tạo ra ít nhất 2/3 tập có tiếng cười thay vì tập nào cũng rơi vào bi kịch chán chường, đau khổ, chia lìa, mất mát.*

(2) *Trong từ Hán Việt, nguy cơ bao gồm nguy và cơ. Đối với người có tư duy tích cực, “nguy” (problem) sẽ được họ biến thành “cơ” (opportunity). Người tích cực và lạc quan sẽ có gương mặt sáng bừng, nụ cười thường trực trên môi, sống và **cháy** hết mình, học tập và làm việc hết mình dù ngày mai trời có sập.*

(Trích Tư duy tích cực, Theo Tony Buổi sáng, trên đường băng, NXB Trẻ, 2016)

Câu 1: Nêu nội dung chính của văn bản trên?

Câu 2: Hãy chỉ ra biểu hiện của người có thái độ sống tích cực, lạc quan, được thể hiện trong đoạn (2)?

Câu 3: Tìm thuật ngữ trong cụm từ in đậm ở đoạn (1) và cho biết thuật ngữ đó thuộc lĩnh vực khoa học nào?

Câu 4: Từ in đậm trong đoạn văn (2) được sử dụng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nếu là nghĩa chuyển thì được chuyển theo phương thức nào?

Câu 5: Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng ở đoạn (1)?

II. VIẾT:

Câu 1. Viết đoạn văn nghị luận khoảng (200 chữ) nói lên suy nghĩ của bản thân, về thái độ sống của giới trẻ hiện nay.

Câu 2. Trong truyện Giăng sáng (sáng tác năm 1943), Nam Cao viết về nhân vật Điền (một nhà văn) như sau:

... Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền nao nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền nguyện sẽ cam chịu tất cả những thiếu thốn, doa dầy mà văn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với một người bạn cùng chỉ hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề văn... Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy Điền vẫn phải ăn. Nhà Điền kiệt xác xơ. Các em Điền không được đi học. Mà cũng không được ăn nó nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bỏ Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê. Gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. ... Điền thấy mình ích kỉ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bỏ phận Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình! Điền phải tạm quên cái mộng văn chương để kiếm tiền.

(Nam Cao, Giăng sáng, in trong Nam Cao – Truyện ngắn tuyển chọn,

NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 215 – 216)

Còn đây là nhân vật Hộ trong truyện Đời thừa của Nam Cao (sáng tác năm 1943) Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn. Hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không nghĩa li gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh

những lo lắng tin mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày một thêm này nó. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn bản khoán nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mở hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Tì vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi khổ đau của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa li, nhưng không thể không nghĩ tới, ngăn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách, hay một đoạn văn kí tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng răng, và nát sách mà mắng mình như một thằng khốn nạn....

(Nam Cao, Đời thừa, in trong Nam Cao – Truyện ngắn tuyển chọn,

NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 253 – 254)

Tài liệu ôn tập văn 12

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh nhân vật **Diên** và nhân vật **Hộ** trong hai đoạn trích trên.

=====HẾT=====